

PHẦN MỞ ĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỐI (MENḌAKAPANḌHĀRAMBHO)

“Là người hiểu biết về tranh luận, biết cách biện luận, rất thông minh, sắc sảo, Milinda đã đến gặp Nāgasena nhằm phân tích về trí tuệ.

Trong khi sống dưới bóng che của vị ấy, trong khi hỏi đi hỏi lại, sau khi trí thông minh đã được mở ra, đức Vua cũng đã trở thành vị thông hiểu Tam tạng.

Sau khi đã đi đến nơi thanh vắng, trong khi suy gẫm về chín thể loại trọn đêm, đức Vua đã nhận thấy những câu hỏi khó tháo gỡ, có sự bất bẻ.

Trong giáo pháp của đấng Pháp Vương, có lời nói có tính giảng giải, có lời nói về sự liên hệ, có lời nói về bản chất.

Do không hiểu được ý nghĩa của chúng, về những vấn đề đối chọi trong lời dạy của đấng Chiến Thắng vào thời vị lai xa xôi, sẽ có sự tranh cãi về chúng.

Vậy thì sau khi đã có niềm tin vào vị thuyết giảng, ta sẽ khiến cho các vấn đề đối chọi được chia chẻ. Trong ngày vị lai, người ta sẽ giải thích theo đường lối đã được giải thích của vị ấy.”

1. Sau đó, lúc đêm đã tỏ bình minh đã rạng, đức Vua Milinda đã gọi đầu, chấp tay lên ở trán, tưởng niệm đến chư Phật Toàn Giác quá khứ vị lai và hiện tại, đã thọ trì tám phạm sự hành trì rằng: “Từ hôm nay cho đến bảy ngày sắp tới của trăm, trăm sẽ thọ trì tám đức tính, sẽ thực hành pháp đạo sĩ. Trong khi có pháp đạo sĩ đã được hoàn thành, trăm đây sẽ làm cho vị thầy dạy học được hài lòng và sẽ hỏi các câu hỏi có tính chất đối chọi.”

Sau đó, đức Vua Milinda đã bỏ đi cặp vải thường nhật, đã cởi ra các đồ trang sức, rồi mặc vào tấm vải ca-sa, buộc búi tóc của người tu ở trên đầu, đặt đến trạng thái của vị hiền sĩ, và thọ trì tám đức hạnh là: “Bảy ngày này, trăm không chỉ bảo công việc triều chính; không sanh khởi tâm liên hệ đến ái luyến; không sanh khởi tâm liên hệ với sân hận; không sanh khởi tâm liên hệ đến si mê; có lối cư xử nhã nhặn với kẻ nô bộc, người làm, người hầu hạ; hộ trì thân khẩu; hộ trì toàn diện luôn cả sáu xứ; hướng tâm vào việc tu tập từ ái.”

Rồi đức Vua đã thọ trì tám đức hạnh này, đã thiết lập tâm ý vào chính tám đức hạnh ấy, đã không đi ra bên ngoài và đã trải qua bảy ngày. Vào ngày thứ tám, khi đêm đã tỏ rạng, sau khi dùng điểm tâm rất sớm, đức Vua Milinda, với mắt nhìn xuống, với lời nói cân nhắc, với bốn oai nghi khéo được ổn định, với tâm không tán loạn, mừng rỡ, phấn chấn, tịnh tín, đã đi đến gặp Trưởng lão Nāgasena, sau khi đề đầu đánh lễ hai bàn chân của vị Trưởng lão rồi đứng ở một bên và nói điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, trăm có vấn đề cần thảo luận với Ngài, không muốn có người thứ ba nào khác ở nơi ấy, là ở chỗ trống vắng, ở khu rừng tách biệt đạt được tám điều kiện thích hợp cho các vị Sa-môn, tại đó câu hỏi ấy sẽ được hỏi, tại đó trăm sẽ không giữ bí mật, sẽ không giấu giếm, trăm xứng đáng để nghe điều được giấu kín khi sự thảo luận tốt đẹp đã đạt đến. Vấn đề ấy nên được xem xét thậm chí bằng ví dụ. Giống như là điều gì? Thưa Ngài Nāgasena, giống như trái đất vĩ đại là xứng đáng cho việc cất giấu khi việc cất giấu xảy đến, thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, trăm xứng đáng để nghe điều được giấu kín khi sự thảo luận tốt đẹp đã đạt đến.

2. Sau đó, đức Vua đã đi vào khu rừng rậm tách biệt cùng với vị thầy và nói điều này:

– **Thưa Ngài Nāgasena, ở đây người có ý định thảo luận có tám nơi cần xa lánh.** Người có sự hiểu biết không thảo luận ở những nơi ấy. Vấn đề đầu đã được thảo luận sẽ bị đổ vỡ, không thành tựu. Là tám nơi nào?

Nơi không bằng phẳng nên được xa lánh, có sự lo sợ nên được xa lánh, nơi có gió mạnh nên được xa lánh, nơi được che kín nên được xa lánh, nơi của chư thiên nên được xa lánh, đường lộ nên được xa lánh, chỗ qua lại nên được xa lánh, bên nước nên được xa lánh. Tám nơi này nên được xa lánh.

3. Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Có điều sai trái gì ở nơi không bằng phẳng, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, ở nơi của chư thiên, ở đường lộ, ở chỗ qua lại, ở bên nước?

– Thưa Ngài Nāgasena, vấn đề được thảo luận ở nơi không bằng phẳng sẽ tán mạn, tiêu tan, nhỏ giọt, không thành tựu.

Ở nơi có sự lo sợ thì tâm ý bị khuấy động. Khi bị khuấy động thì không theo dõi vấn đề một cách đúng đắn.

Ở nơi có gió mạnh thì âm thanh không rõ.

Ở nơi được che kín thì nhiều người đứng nghe lén.

Ở nơi của chư thiên thì vấn đề được thảo luận trở thành nghiêm trọng.

Ở đường lộ thì vấn đề được thảo luận trở thành vô bổ.

Ở chỗ qua lại thì trở nên thất thường.

Ở bên nước thì trở nên lộ liễu.

Vậy ở đây là:

Nơi không bằng phẳng, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, được chư thiên ngự, đường lộ, chỗ qua lại, bên nước, tám nơi này nên được xa lánh.

4. – **Thưa Ngài Nāgasena, có tám hạng người này, trong khi thảo luận, họ làm hỏng vấn đề được thảo luận.** Là tám hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng có tánh ngã mạn, hạng tham lam, hạng lười biếng, hạng suy nghĩ một chiều, hạng ngu dốt. Tám hạng người này làm hỏng vấn đề được thảo luận.

5. Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Những người ấy có sự sai trái gì?

– Thưa Ngài Nāgasena, hạng có tánh ái luyến làm hồng vấn đề được thảo luận do tác động của sự ái luyến. Hạng có tánh sân làm hồng vấn đề được thảo luận do tác động của sân. Hạng có tánh si làm hồng vấn đề được thảo luận do tác động của si. Hạng có tánh ngã mạn làm hồng vấn đề được thảo luận do tác động của ngã mạn. Hạng tham lam làm hồng vấn đề được thảo luận do tác động của tham. Hạng lười biếng làm hồng vấn đề được thảo luận do sự lười biếng. Hạng suy nghĩ một chiều làm hồng vấn đề được thảo luận do sự suy nghĩ một chiều. Hạng ngu dốt làm hồng vấn đề được thảo luận do sự ngu dốt.

Vậy ở đây là:

Hạng bị ái luyến, sân hận, si mê, ngã mạn, tham lam, lười biếng là tương tự, có suy nghĩ một chiều và ngu dốt. Các hạng người này làm hư hồng vấn đề.

6. – Thưa Ngài Nāgasena, chín hạng người này bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận. Là chín hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng hèn nhát, hạng nặng về vật chất, phụ nữ, hạng nghiện ngập, hạng vô căn, trẻ con.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Những người ấy có sự sai trái gì?

– Thưa Ngài Nāgasena, hạng có tánh ái luyến bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sự ái luyến.

Hạng sân hận bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sân.

Hạng si mê bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của si.

Hạng hèn nhát bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sự sợ hãi.

Hạng nặng về vật chất bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận vì lý do vật chất.

Phụ nữ bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh hay thay đổi.

Hạng nghiện ngập bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh thêm rượu.

Hạng vô căn bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh không kiên quyết.

Trẻ con bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh lao chao.

Vậy ở đây là:

Hạng bị ái luyến, sân hận, si mê, hèn nhát, xem trọng vật chất, phụ nữ, kẻ nghiện ngập, vô căn và thứ chín là trẻ con.

Chín hạng người này ở trên đời là hay thay đổi, bị dao động, chao đảo, vì những người này điều bí mật đã được thảo luận mau chóng trở thành phổ biến.

8.¹ – Thưa Ngài Nāgasena, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi do tám lý do. Do tám lý do gì?

Do sự tiến triển của tuổi tác, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự tiến triển của danh tiếng, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do học hỏi, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự sống gần gũi với vị lãnh đạo tinh thần, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự chú tâm đúng đắn, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự bàn luận, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự phục vụ với lòng thương, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sống ở xứ sở thích hợp, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Vậy ở đây là:

Do tuổi tác, danh tiếng, học hỏi, do sống với vị lãnh đạo tinh thần, [chú tâm] đúng đắn, do bàn luận, do sự phục vụ với lòng thương và do sống ở xứ sở thích hợp.

Tám sự việc này làm cho tánh giác được rõ ràng. Những người nào có các điều này được hiện hữu thì tánh giác của họ được đánh thức.

9. – Thưa Ngài Nāgasena, phần lãnh thổ này được xa lánh tám điều sai trái đối với các nhà tư tưởng. Và trầm ở thế gian là người bạn tối thắng của các nhà tư tưởng, trầm có sự gìn giữ điều được bí mật. Trầm sẽ gìn giữ điều được bí mật cho đến khi nào trầm còn sống. Và tánh giác của trầm đã đạt đến sự tiến triển nhờ vào tám lý do. Hiện nay người học trò thực hành đúng đắn như trầm là khó kiếm được. Các vị thầy có hai mươi lăm đức tính của vị thầy đối với người học trò. Vị thầy nên thực hành đúng đắn các đức tính ấy. Là hai mươi lăm đức tính nào?

Thưa Ngài, ở đây đối với người học trò, vị thầy nên thiết lập sự hộ trì một cách thường xuyên liên tục;

Nên biết sự thân cận hay không thân cận;

Nên biết tình trạng xao lãng hay không xao lãng;

Nên biết về trường hợp cho phép nằm;

Nên biết về sự bệnh hoạn;

Nên biết vật thực đã được nhận hay chưa được nhận;

Nên biết về cá tánh;

Nên phân phát vật đã có ở bình bát;

Nên an ủi rằng: “Chớ lo sợ, điều tốt lành sẽ đến cho con”;

¹ Nguyên bản Pāli đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 7. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Nên biết về sự tiếp xúc: “Nó tiếp xúc với nhân vật này”;

Nên biết về sự tiếp xúc ở trong làng;

Nên biết về sự tiếp xúc ở trong chỗ cư ngụ;

Không nên cười đùa giỡn hớt với người ấy;

Sau khi nhìn thấy yếu điểm nên nhẫn nại;

Nên là người có hành động thận trọng;

Nên là người có hành động không nhỏ mọn;

Nên là người có hành động không khuất lấp;

Nên là người có hành động không thừa thãi;

Nên thiết lập tâm của người đào tạo rằng: “Ta đào tạo người này về các ngành nghề”;

Nên thiết lập tâm về sự tiến triển: “Làm thế nào để người này không thể bị suy giảm?”

Nên thiết lập tâm: “Ta đào tạo người này trở nên mạnh mẽ với sự mạnh mẽ của việc học tập”;

Nên thiết lập tâm từ;

Không nên bỏ rơi trong các trường hợp bất hạnh;

Không nên xao lãng việc cần làm;

Nên sách tấn bằng pháp khi [học trò] bị lỗi lầm.

Thưa Ngài, đây là hai mươi lăm đức tính của vị thầy được dành cho vị thầy. Xin Ngài hãy thực hành đúng đắn đối với trăm bằng các đức tính này. Thưa Ngài, có điều hoài nghi đã sanh khởi đến trăm: Có những câu hỏi đối chọi đã được thuyết giảng bởi đáng Chiến Thắng. Vào thời vị lai xa xôi, sẽ nảy sanh sự tranh cãi về chúng, và vào thời vị lai xa xôi, các bậc Giác ngộ như Ngài sẽ khó đạt được. Xin Ngài hãy cho ý kiến về những câu hỏi ấy của trăm vì sự bất bẻ của các học thuyết khác.

Vị Trưởng lão đã chấp thuận rằng: “Tốt lắm”, rồi đã làm sáng tỏ về mười đức tính cư sĩ dành cho người cư sĩ.

– **Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ. Là mười đức tính gì?**

Tâu Đại vương, ở đây người cư sĩ cùng vui cùng khổ với hội chúng;

Có pháp là chủ;

Yêu thích việc san sẻ tùy theo khả năng;

Sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đáng Chiến Thắng thì nỗ lực cho sự phát triển;

Là người có chánh kiến, xa rời lễ hội náo nhiệt, không tuyên bố theo giáo chủ khác thậm chí vì nguyên nhân mạng sống;

Thân và khẩu của người này được gìn giữ;

Có sự vui thích trong sự hợp nhất, ưa thích sự hợp nhất, là người không ganh tỵ, và không thực hành giáo pháp theo cách dối trá;

Đã đi đến nương nhờ vào đức Phật;

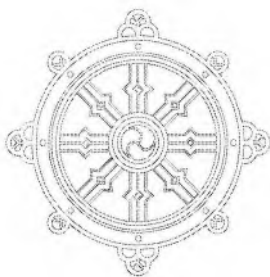
Đã đi đến nương nhờ vào giáo pháp;

Đã đi đến nương nhờ vào hội chúng;

Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ.

Tất cả mười đức tính ấy được tìm thấy ở Đại vương. Điều ấy được gắn bó, được đạt đến, là thích đáng, là phù hợp đối với Đại vương, là việc sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đảng Chiến Thắng thì Đại vương mong muốn sự phát triển. Tôi cho phép Đại vương. Đại vương hãy hỏi tôi một cách thoải mái.

Dứt Lời giảng về phần mở đầu các câu hỏi đối chọi.



CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỐI (MENḌAKAPAÑHĀ)

I. PHẨM NĂNG LỰC CỦA THẦN THÔNG (IDDHIBALAVAGGO)

1. CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẬN CÚNG DƯỜNG (Pūjā-appaṭiggahanapañho)

1. Khi ấy, đức Vua Milinda, với sự đã được cho phép, đã cúi xuống ở hai bàn chân của vị thầy, rồi đã chấp tay lên ở đầu và nói điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, các giáo chủ tà giáo này nói như vậy: “Nếu đức Phật ưng thuận sự cúng dường thì đức Phật chưa đạt Niết-bàn, còn bị gắn bó với đời, còn ở trong đời, còn chung chạ với đời. Vì thế, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là vô ích, không có quả báo. Nếu đã đạt Niết-bàn thì Ngài không còn gắn bó với đời, đã tách rời khỏi tất cả các hữu, sự cúng dường đến Ngài không phát sanh nữa. Người đã đạt Niết-bàn, không ưng thuận điều gì. Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo.” Câu hỏi này có cả hai khía cạnh. Lãnh vực này không dành cho những kẻ có tâm trí chưa đạt, lãnh vực này chỉ dành cho những bậc vĩ đại. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Câu hỏi này được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những người con của đấng Chiến Thắng trong ngày vị lai để phản bác lại các học thuyết khác.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn, và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Ngay tại cội cây Bồ-đề, sự ưng thuận của đức Như Lai đã được dứt bỏ, vậy thì còn điều gì nữa đối với vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót? Tâu Đại vương, điều này cũng đã được vị trưởng lão Tướng quân Chánh pháp Sāriputta nói đến:

Các bậc tương đương với đấng Vô Song, trong khi được cúng dường bởi chư thiên và nhân loại, các vị ấy không ưng thuận sự tôn vinh; điều ấy là lẽ tự nhiên của chư Phật.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, con nói lời ca ngợi cha, cha nói lời khen ngợi con, điều này không phải là lý do để phản bác lại các học thuyết khác. Điều này gọi

là lời tuyên bố về niềm tin. Vậy xin Ngài hãy nói rõ ràng cho trẫm lý do về trường hợp ấy nhằm thiết lập học thuyết của mình và nhằm việc tháo tung mạng lưới tà kiến.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn, và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Chư thiên và nhân loại, trong khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài không ưng thuận và trong khi đeo đuổi pháp hành đúng đắn với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu.¹ Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngấm, tâu Đại vương phải chăng khối lửa ấy cũng ưng thuận việc bám víu vào cỏ và củi?

– Thưa Ngài, ngay cả trong khi đang cháy, khối lửa lớn ấy cũng không ưng thuận việc bám víu vào cỏ và củi, vậy thì việc gì lại ưng thuận khi đã tắt ngấm, được yên lặng, không còn tâm thức?

– Tâu Đại vương, phải chăng khi khối lửa lớn ấy đã ngừng nghỉ, được yên lặng, thì không còn ngọn lửa ở thế gian?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, củi là nền tảng, là sự bám víu của ngọn lửa. Thưa Ngài, bất cứ những người nào có ước muốn về lửa, những người ấy xoay tròn nhánh củi bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy, lời nói của các giáo chủ tà giáo: “Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo” là sai trái. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã bốc cháy, tương tự y như thế, đức Thế Tôn đã bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phật trong mười ngàn thế giới. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngấm, tương tự y như thế, đức Thế Tôn sau khi bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phật trong mười ngàn thế giới rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã tắt ngấm thì không còn ưng thuận việc bám víu vào cỏ và củi, tương tự y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian là đã được dứt bỏ, được yên lặng. Tâu Đại vương, giống như khi khối lửa đã tắt ngấm, không còn bám víu, những người xoay tròn nhánh củi bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa, tương tự y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, và trong khi đeo đuổi pháp hành đúng đắn với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

¹ Ba sự thành tựu là thành tựu cõi trời, thành tựu cõi người và thành tựu Niết-bàn. (ND)

3. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫn cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tâu Đại vương phải chăng cơn gió đã ngừng nghỉ ấy cũng ưng thuận việc sanh lên lần nữa?

– Thưa Ngài, cơn gió đã ngừng nghỉ hẳn, không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Vì lý do gì? Bản chất của gió ấy là không có suy tư.

– Tâu Đại vương, phải chăng có việc nhận biết về “cơn gió” khi cơn gió ấy đã ngừng nghỉ?

– Thưa Ngài, không có. Cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió. Những người nào bị bức bối bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng, những người ấy bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân, do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thốt nốt hoặc với cây quạt rồi làm dập tắt sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy, lời nói của các giáo chủ tà giáo: “Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo” là sai trái. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã thổi qua, tương tự y như thế, đức Thế Tôn đã thổi đến cơn gió mát mẻ, ngọt ngào, êm dịu và từ ái ở mười ngàn thế giới. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tương tự y như thế, đức Thế Tôn sau khi thổi đến cơn gió mát mẻ, ngọt ngào, êm dịu và từ ái rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã ngừng nghỉ thì không còn ưng thuận việc sanh lên lần nữa, tương tự y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian là đã được dứt bỏ, được yên lặng.

Tâu Đại vương, giống như những người ấy bị bức bối bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng; tương tự y như thế, chư thiên và nhân loại bị hành hạ bởi sức nóng bởi sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại [tham, sân, si]. Giống như cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió, tương tự y như thế, Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai là điều kiện cho việc đạt được ba sự thành tựu. Giống như những người bị bức bối bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thốt nốt hoặc với cây quạt rồi làm tắt ngấm sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng; tương tự y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi cúng dường Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai dẫn cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, sau khi làm phát sanh pháp thiện, với pháp thiện ấy làm tắt ngấm, làm dịu sự nóng nực và sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫn cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

4. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa để phản bác lại các học thuyết khác. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông sau khi vỗ vào cái

trống thì tạo ra âm thanh; âm thanh nào của cái trống đã được tạo ra bởi người đàn ông thì âm thanh ấy sẽ biến mất. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ấy cũng ưng thuận việc tạo ra lần nữa?

– Thưa Ngài, không đúng. Âm thanh ấy đã biến mất, nó không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Khi âm thanh của cái trống đã được tạo ra một lần rồi biến mất, âm thanh của cái trống ấy được chấm dứt. Thưa Ngài, tuy nhiên cái trống là điều kiện cho việc tạo ra âm thanh. Và người đàn ông khi có điều kiện vỗ vào cái trống bằng sự nỗ lực của chính mình thì tạo ra âm thanh.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Thế Tôn, sau khi xác lập báu vật Xá-lợi, cùng với Pháp, Luật, và lời giáo huấn đã được phát triển toàn vẹn nhờ vào giới, định, tuệ, giải thoát, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát chính là bậc Đạo Sư, rồi đã tự mình viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Và không phải khi đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn thì việc đạt được các sự thành tựu là bị gián đoạn. Các chúng sanh bị hành hạ bởi khổ đau ở sự hiện hữu, sau khi sử dụng báu vật Xá-lợi, Pháp, Luật và lời giáo huấn làm điều kiện, rồi có ước muốn về sự thành tựu thì đạt được các sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dầu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã nhìn thấy, đã thuyết giảng, đã nói lên, đã phát biểu về điều ấy cho thời vị lai xa xôi rằng: *“Này Ānanda, nếu các người khởi ý như vậy: ‘Có lời dạy của đấng Đạo sư trong quá khứ, còn [hiện nay] chúng ta không có bậc Đạo sư. Này Ānanda, điều này không nên được nhận thức như thế. Này Ānanda, Pháp và Luật nào đã được thuyết giảng, đã được quy định bởi Ta, Pháp và Luật ấy, sau khi Ta tịch diệt, là bậc Đạo sư của các người.’”* Về lời nói ấy của các giáo chủ tà giáo ấy rằng: “Đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là vô ích, không có quả báo” là sai trái, không là sự thật, là sự chân thật, không đúng, là mâu thuẫn, là sai lệch, tạo sự khổ đau, có kết quả khổ đau, dẫn đến địa ngục.

5. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dầu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa cầu này ưng thuận rằng: “Tất cả hạt giống hãy mọc lên ở nơi ta”?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các hạt giống ấy, trong khi đại địa cầu không ưng thuận, lại mọc lên, tạo lập chòm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả?

– Thưa Ngài, mặc dầu không ưng thuận đại địa cầu vẫn là nền tảng và tạo điều kiện cho sự phát triển của các hạt giống ấy. Các hạt giống ấy nương vào nền tảng ấy, nhờ vào điều kiện ấy mọc lên, tạo lập chòm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy các giáo chủ tà giáo đã bị hư hoại, bị thất bại, bị mâu thuẫn ở lời nói của họ nếu họ nói rằng: “Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo.” Tâu Đại vương, đại địa cầu như thế nào thì đức Như Lai, bậc A-la-hán, đẳng Chánh Biến Tri như thế ấy. Tâu Đại vương, đại địa cầu không ưng thuận bất cứ điều gì như thế nào thì đức Như Lai không ưng thuận bất cứ điều gì như thế ấy. Tâu Đại vương, các hạt giống ấy nung vào trái đất mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả như thế nào, thì chư thiên và nhân loại nung vào Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai, dẫn cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, rồi tạo lập nền tảng vững chãi về pháp thiện, có thân cây là định, lõi cây là pháp và cành cây là giới tỏa rộng xung quanh, có mang hoa là sự giải thoát và quả là bản thể Sa-môn như thế ấy. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫn cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

6. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫn cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con lạc đà, các con bò, các con lừa, các con dê, các con thú, các con người này ưng thuận sự hiện hữu của các dòng họ giun sán ở trong bụng?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao trong khi chúng không ưng thuận mà các con giun sán ấy lại hiện hữu và vô số con cháu lại đạt được sự phát triển ở trong bụng của chúng?

– Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp ác mà các con giun sán ấy hiện hữu và vô số con cháu đạt được sự phát triển ở trong bụng của các chúng sanh ấy mặc dầu chúng không ưng thuận.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, do năng lực của Xá-lợi và báu vật trí tuệ, dẫn cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai là không vô ích, có quả báo.

7. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫn cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con người này ưng thuận rằng: “Chín mươi tám loại bệnh này hãy sanh lên ở thân thể”?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các loại bệnh ấy lại giáng xuống thân thể của những người không ưng thuận?

– Thưa Ngài, do ác hạnh đã làm ở thời quá khứ.

– Tâu Đại vương, nếu điều bất thiện đã làm ở thời quá khứ có thể được cảm thọ ở đây, tâu Đại vương, chính vì điều ấy nghiệp thiện hoặc bất thiện đã làm

ở thời quá khứ cũng như đã làm ở đây là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

8. – Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương có được nghe trước đây rằng dạ-xoa tên Nandaka sau khi công kích vị Trưởng lão Sāriputta đã bị rơi vào trong trái đất?

– Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe. Điều ấy là rõ rệt ở thế gian.

– Tâu Đại vương, phải chăng Trưởng lão Sāriputta đã ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka?

– Thưa Ngài, ngay cả khi thế gian có cả chư thiên đang bị vỡ ra, ngay cả khi mặt trăng và mặt trời đang bị rơi xuống ở mặt đất, ngay cả khi núi chúa Sineru đang bị vỡ tung tóe, Trưởng lão Sāriputta cũng không ưng thuận sự khổ đau của người khác. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Do nhân nào mà Trưởng lão Sāriputta có thể nổi giận hoặc sân hận, nhân ấy đối với Trưởng lão Sāriputta đã được nhổ bỏ, đã được trừ tuyệt. Thưa Ngài, do tính chất đã được nhổ bỏ của nhân mà Trưởng lão Sāriputta không thể nào giận dữ dẫu có liên quan đến việc bị tức đoạt mạng sống.

– Tâu Đại vương, nếu Trưởng lão Sāriputta đã không ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka, vậy thì tại sao dạ-xoa Nandaka lại rơi vào trong trái đất?

– Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp bất thiện.

– Tâu Đại vương, nếu do năng lực của nghiệp bất thiện mà dạ-xoa Nandaka rơi vào trong trái đất thì sự xúc phạm đã làm đến người dẫu là không ưng thuận cũng là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy do năng lực của nghiệp thiện, “hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là không vô ích, có quả báo.”

Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

9. Tâu Đại vương, vào thời bấy giờ những người đã rơi vào trong trái đất là bao nhiêu? Đại vương có được nghe về trường hợp ấy không?

– Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe.

– Tâu Đại vương, vậy xin Đại vương hãy cho nghe với.

– Thưa Ngài, là “thiếu nữ Cīficā, Suppabuddha dòng Sakya, Trưởng lão Devadatta, dạ-xoa Nandaka và thanh niên Nanda.” Thưa Ngài, điều này trăm đã được nghe, năm người này đã rơi vào trong trái đất.

– Tâu Đại vương, những người ấy đã xúc phạm đến ai?

– Thưa Ngài, đến đức Thế Tôn và các vị Thánh văn.

– Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn hay các vị Thánh văn đã ưng thuận việc hút vào của trái đất đối với những người này?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy hành động hưởng thượng được làm đến đức Như Lai, dầu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, điều bí mật đã được phơi bày, nút thắt đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, quan điểm xấu đã bị đổ vỡ, các giáo chủ tà giáo đã không còn hào quang phát sanh, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đề chúng.

“Câu hỏi về việc không thọ nhận cúng dường” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN

(Bhagavato sabbaññutāpañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật là đáng Toàn Tri?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là đáng Toàn Tri. Tuy nhiên đối với đức Thế Tôn, sự biết và thấy không hiện diện một cách thường xuyên, liên tục. Trí toàn tri của đức Thế Tôn gắn liền vào sự hướng tâm. Sau khi hướng tâm thì Ngài biết theo như ý muốn.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật là không toàn tri, nếu trí toàn tri của Ngài là do sự suy tâm.

– Tâu Đại vương, có một trăm xe lúa, mỗi xe là bảy tạ rưỡi và hai gia lúa.² Chừng ấy trăm ngàn hạt lúa có thể được xác định, có thể đạt đến kết quả cuối cùng bởi tâm được vận hành trong khoảng thời gian một khảy móng tay. Ở đây, có bảy loại tâm này vận hành: Tâu Đại vương, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất chưa được tu tập của tâm.

Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre được tỏa ra, rậm rạp, lan rộng, bị kết chùm chưa được gỡ ra, bị rối rắm với những cụm cành lá, trong khi được lôi kéo thì sự chuyển động là trì trệ, chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra của các cành. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm

² Ammaṇaṃ và tumba: Là hai đơn vị đo lường, được phỏng dịch là tạ (100 kg) và gia (40 lít) vì không tìm được ý nghĩa chính xác. (ND)

chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra bởi các phiền não. Đây là loại tâm thứ nhất.

2. Ở đây, có loại tâm thứ nhì này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhập lưu có các cỗi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp,³ sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên.

Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắt ở ba lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến ba lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên.

Tâu Đại vương, tương tự y như thế, những người nào là bậc Nhập lưu có các cỗi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ nhì.

3. Ở đây, có loại tâm thứ ba này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp,⁴ sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắt ở năm lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến năm lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp. Đây là loại tâm thứ ba.

4. Ở đây, có loại tâm thứ tư này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm

³ Ba trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. (ND)

⁴ Năm trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục và sân hận. (ND)

ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp,⁵ sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tàu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắt ở mười lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến mười lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, những người nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ tư.

5. Ở đây, có loại tâm thứ năm này đạt được sự xếp loại. Tàu Đại vương, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thánh văn, tâm của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thánh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thánh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Tàu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắt ở tất cả các lóng, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng, không bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở tất cả các lóng, vì tính chất không còn bám víu của thân cây tre. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của bản thân đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thánh văn, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thánh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thánh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Đây là loại tâm thứ năm.

⁵ Mười trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh. (ND)

6. Ở đây, có loại tâm thứ sáu này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bận nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri.

Tâu Đại vương, giống như người nam có thể băng qua con sông nhỏ thuộc phạm vi của mình vào ban đêm lẫn ban ngày, theo như ước muốn, không bị hãi sợ, nhưng sau đó khi nhìn thấy đại dương sâu thẳm, mênh mông, không thể ước lượng, không có bờ bên kia, có thể hãi sợ, có thể ngần ngại, không dám vượt qua. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được quen thuộc ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại của đại dương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bận nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri. Đây là loại tâm thứ sáu.

7. Ở đây, có loại tâm thứ bảy này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Năm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Tâu Đại vương, phải chăng có sự vụng về hoặc sự vướng víu của mũi tên khéo được làm sạch sẽ, không bận nhơ, không có mắc mứu, có thân mềm mại, không bị uốn, không bị cong, không bị queo, được đặt lên cây cung vững chãi, được bắn ra bởi người có sức mạnh vào tấm vải gai mềm, lớp gòn mềm, tấm len mềm?

– Thừa Ngài, không có.

– Vì lý do gì?

– Vì tính chất mềm mại của những tấm vải, vì tính chất được làm sạch sẽ của mũi tên và tính chất mạnh mẽ của phát bắn ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Năm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Đây là loại tâm thứ bảy.

8. Tâu Đại vương, ở đây tâm này của chư Phật Toàn Tri vượt trội sự tính đếm của luôn cả sáu loại tâm, được trong sạch và nhẹ nhàng với đức tính vô số kể. Và tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Thế Tôn được trong sạch và nhẹ nhàng nên đức Thế Tôn mới phô diễn song thông. Tâu Đại vương, về song thông nên được biết rằng: “Tâm của chư Phật Thế Tôn có sự chuyển dịch nhẹ nhàng như thế.”

Trong trường hợp ấy, không thể nào nói hơn nữa về lý do. Tâu Đại vương, những loại thần thông có liên quan đến tâm của chư Phật Toàn Tri ấy đều không thể áp đặt phép đếm, phép tính, sự chia chẻ và luôn cả sự tách phần. Tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn được gắn liền vào sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như người nam có thể đặt xuống ở bàn tay thứ nhì bất cứ vật gì đã được đặt xuống ở bàn tay [thứ nhất], có thể phát ra lời nói bằng miệng đã được mở ra, có thể nuốt vào thức ăn đã đưa vào miệng, có thể mở mắt ra rồi nhắm lại, hoặc có thể nhắm mắt lại rồi mở ra, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, việc ấy còn chậm hơn, tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn là nhẹ nhàng hơn, sự hướng tâm là nhẹ nhàng hơn. Sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Dầu cho không có sự hướng tâm, chư Phật Thế Tôn ấy vẫn không gọi là không có toàn tri.

9. – Thưa Ngài Nāgasena, sự hướng tâm là được thực hiện do sự suy tầm, vậy thì Ngài hãy giúp cho trăm hiểu trường hợp ấy bằng lý lẽ.

– Tâu Đại vương, giống như người giàu thì có nhiều tài sản, có nhiều của cải, có dồi dào vàng bạc và vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc là gạo thơm, thóc, lúa mạch, gạo xay, mè, đậu mugga, đậu māsā, các loại hạt chưa chế biến hoặc các loại khác nữa, bơ lỏng, dầu ăn, bơ đặc, sữa tươi, sữa đông, mật ong, mật đường và đường mía được chứa ở bình, chum, lu, hũ, chậu và có người khách là người xứng đáng để mời ăn và có sự mong mỏi về bữa ăn, đi đến với người ấy, nhưng tại nhà của người ấy thức ăn nấu chín là đã hết sạch thì có thể đem gạo từ chum lại rồi nấu chín. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc thiếu hụt thức ăn trong chốc lát mà người ấy trở thành người không có tài sản và nghèo khó?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, ngay cả ở nhà của đức Chuyển Luân Vương cũng có sự thiếu hụt thức ăn vào lúc không đúng thời điểm, thì có điều gì đối với gia chủ.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.

10. Tâu Đại vương, hơn nữa giống như cây cối thì có thể kết trái, bị oằn xuống, bị uốn cong, bị mang nặng trĩu bởi những chùm trái và không có trái nào bị rơi rụng ở tại nơi ấy. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc không có trái cây rơi rụng trong chốc lát mà cây ấy trở thành không có trái cây?

– Thưa Ngài, không đúng. Những trái cây ấy được gắn liền với sự rơi rụng. Khi được rơi rụng thì đạt được theo như ý muốn.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải sau khi hướng tâm thì đức Phật biết theo như ý muốn?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương khi nào nhớ đến bánh xe báu [khởi ý rằng]: “Bánh xe báu, hãy đến với ta”, trong khi nhớ đi nhớ lại thì bánh xe báu hiện đến. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.

– Thưa Ngài Nāgasena, lý do là vững chãi. Đức Phật là đấng Toàn Tri. Chúng tôi chấp nhận đức Phật là đấng Toàn Tri.

“Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Thế Tôn” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ SỰ XUẤT GIA CỦA DEVADATTA

(Devadattapabbajjāpañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, do vị nào mà Devadatta đã được xuất gia?

– Tâu Đại vương, sáu vương tử dòng Sát-đế-lỵ này là Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta và người thợ cạo Upālī là thứ bảy. Khi bậc Đạo Sư đã đắc thành Chánh Đẳng Giác, trong việc đem lại nỗi vui mừng cho dòng họ Sakya những vị ấy đã ra đi xuất gia theo đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã cho những vị ấy xuất gia.

– Thưa Ngài, không phải Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng. Không phải người tại gia chia rẽ hội chúng, không phải Tỳ-khuru-ni, không phải vị Ni tu tập sự, không phải vị Sa-di, không phải vị Sa-di-ni chia rẽ hội chúng. Vị Tỳ-khuru bình thường, cùng chung sự đồng cộng trú, đứng cùng chung ranh giới, chia rẽ hội chúng.

2. – Thưa Ngài, người là kẻ chia rẽ hội chúng phạm vào nghiệp gì?

– Tâu Đại vương, phạm vào nghiệp liên quan đến việc chịu đựng một kiếp.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy có phải đức Phật biết rằng: “Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp”?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Như Lai biết rằng: “Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp.”

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Phật biết rằng: “Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục

một kiếp”, thưa Ngài Nāgasena, như thế thì lời nói rằng: “Đức Phật, đáng Bi Mẫn, bậc Thương Xót, vị Tâm Cầu Lợi Ích, sau khi xua đi điều bất lợi thì đem đến điều lợi ích cho tất cả chúng sanh” là sai trái. Nếu Ngài không biết điều ấy rồi đã cho xuất gia, như thế thì đức Phật là không toàn tri. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, xin Ngài hãy tháo gỡ mối rối to lớn này, hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác. Trong ngày vị lai xa xăm, những vị Tỷ-khưu có sự giác ngộ tương đương Ngài sẽ khó đạt được. Trong trường hợp này, xin Ngài hãy bày tỏ năng lực của Ngài.

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn là bậc Đại Bi và là đáng Toàn Tri. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn, trong lúc xem xét cảnh giới tái sanh của Devadatta với lòng bi mẫn và trí toàn tri, đã nhìn thấy Devadatta sau khi tích lũy nghiệp đưa đến trôi nổi luân hồi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đến đọa xứ trong nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp. Đức Thế Tôn, sau khi biết được điều ấy bằng trí toàn tri rằng: “Nghiệp đã được làm không có giới hạn của người này, nếu được xuất gia trong giáo pháp của Ta, sẽ trở thành có giới hạn. Khổ liên quan đến việc trước sẽ trở thành có giới hạn. Còn không được xuất gia thì kẻ rồ dại này sẽ tích lũy nghiệp kéo dài trọn kiếp”, vì lòng bi mẫn Ngài đã cho Devadatta xuất gia.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật gây tổn thương rồi thoa dầu, làm rơi xuống vực thẳm rồi đưa tay [kéo lên], làm cho chết rồi tìm kiếm mạng sống, là việc Ngài ban cho sự khổ đau trước rồi đem lại sự an lạc sau.

– Tâu Đại vương, đức Như Lai đâu có gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, đâu có làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, đâu có làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, giống như mẹ cha gây tổn thương, làm rơi xuống, rồi đem lại lợi ích cho những người con, tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Với bất cứ cách thức nào có sự tăng trưởng các đức hạnh cho chúng sanh thì Ngài đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh bằng cách thức ấy. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta trong khi là người tại gia sẽ làm nhiều nghiệp ác dẫn đến địa ngục, trong khi trôi nổi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đến đọa xứ trong nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp sẽ cảm thọ nhiều khổ đau. Đức Thế Tôn, trong khi biết được điều ấy, vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ rằng]: “Đôi với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.” Vì lòng bi mẫn mà Ngài đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng.

Tâu Đại vương, hơn nữa giống như người đàn ông có năng lực, nhờ vào năng lực về tài sản, tiếng tăm, danh vọng và sự thân thiết, sau khi nhìn thấy bà

con hoặc bạn bè của mình đang chịu hình phạt nặng nề của đức vua, liền làm voi nhẹ nổi khổ đau trầm trọng của người ấy nhờ vào điều kiện có nhiều sự thân thiết và khả năng của bản thân; tâu Đại vương, tương tự y như thế ấy, đức Thế Tôn sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp, xuất gia đã làm voi nhẹ nổi khổ đau trầm trọng nhờ vào điều kiện về năng lực và khả năng của giới, định, tuệ và giải thoát.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo nhờ vào năng lực của phương thuốc mạnh làm voi nhẹ căn bệnh trầm trọng; tâu Đại vương, tương tự y như thế ấy, đức Thế Tôn là vị có năng lực về lòng bi mẫn, với sự hiểu biết về tu tập, sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp, xuất gia đã làm voi nhẹ nổi khổ đau trầm trọng nhờ vào năng lực của phương thuốc cứng rắn của giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn ấy, trong khi làm cho Devadatta đáng lẽ bị nhiều cảm thọ [khô] chỉ còn ít cảm thọ [khô], lại tạo ra điều vô phước nào đó?

– Thưa Ngài, không tạo ra điều vô phước nào, dầu chỉ là một lượng thời gian ngắn ngủi như việc vắt sữa ở vú bò.

– Tâu Đại vương, Đại vương hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như những người bắt được kẻ trộm phạm tội thì trình lên đức vua rằng: “Tâu Bệ hạ, kẻ trộm phạm tội này là thuộc về Bệ hạ. Đối với kẻ này, xin Bệ hạ hãy ra lệnh hành phạt mà Bệ hạ muốn.” Đức vua có thể nói về kẻ ấy như vậy: “Này các khanh, như thế thì hãy đưa kẻ trộm này ra ngoại thành rồi chém đầu ở bãi hành quyết.”

“Tâu Bệ hạ, xin vâng.” Vâng lệnh đức vua, những người ấy đã đưa kẻ ấy ra ngoại thành rồi dẫn đến bãi hành quyết. Một người đàn ông nào đó, là người đã đạt được ân huệ từ đức vua, đã đạt được danh tiếng, tài sản, của cải, có lời nói được chấp nhận, có năng lực, có hành động theo ý thích, nhìn thấy kẻ ấy. Người ấy, khởi tâm bi mẫn đến kẻ trộm ấy, nên đã nói với những người ấy như vậy: “Này các ông, thôi đi. Các ông được gì với việc chặt đầu của người này? Này các ông, chính vì điều ấy các ông hãy chặt tay hoặc bàn chân của người này và hãy duy trì mạng sống cho gã. Ta sẽ trình tâu đến đức vua lý do của việc này.” Những người ấy, do lời nói của người có năng lực ấy, có thể chặt tay hoặc bàn chân của kẻ trộm ấy và duy trì mạng sống cho gã. Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông ấy, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với kẻ trộm ấy?

– Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người ban cho mạng sống đến kẻ trộm. Khi mạng sống đã được ban đến gã thì có điều gì gọi là đã không được làm cho kẻ ấy?

– Tuy nhiên, về cảm thọ trong việc chặt tay chân của kẻ ấy, không lẽ người ấy không tạo ra điều vô phước nào trong cái cảm thọ ấy?

– Thưa Ngài, kẻ trộm ấy cảm nhận cảm thọ khổ đau do việc đã làm của mình. Còn người đàn ông, là người ban cho mạng sống, không tạo ra điều vô phước nào cả.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ rằng]: “Đối với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.” Tâu Đại vương, và khổ đau của Devadatta trở thành có giới hạn. Tâu Đại vương, Devadatta vào thời điểm chết, đã đi đến việc nương nhờ khi còn sống [nói rằng]:

“Với những khúc xương này, với các sanh mạng, tôi đi đến nương nhờ đức Phật, nhân vật cao cả ấy, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, đáng Điều Ngự Trượng Phu, bậc Nhìn Thấy Toàn Diện, có đặc điểm của trăm phước báu.”

Tâu Đại vương, trong kiếp [trái đất] gồm sáu giai đoạn, thì Devadatta đã chia rẽ hội chúng khi giai đoạn thứ nhất đã trôi qua, sau khi bị nung nấu trong năm giai đoạn còn lại rồi từ đó sẽ được giải thoát, và sẽ trở thành vị Độc Giác Phật tên Aṭṭhissara. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với Devadatta?

– Thưa Ngài Nāgasena, đối với Devadatta, đức Như Lai là vị ban bố tất cả, là việc đức Như Lai sẽ khiến cho Devadatta đạt được quả vị Độc Giác Phật. Còn có điều gì đã không được làm bởi đức Như Lai đến Devadatta?

– Tâu Đại vương, và lại việc Devadatta sau khi chia rẽ hội chúng rồi cảm thọ khổ đau ở địa ngục, tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn do nhân ấy có thể tạo ra điều vô phước nào đó?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, Devadatta bị nung nấu ở địa ngục một kiếp do việc đã làm bởi bản thân. Bậc Đạo Sư là người đã làm cho khổ đau trở thành có giới hạn, không tạo ra điều vô phước nào.

– Tâu Đại vương, Đại vương hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia.

Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo, trong khi làm êm dịu vết thương bị tác động dữ dội bởi gió, mật, đàm đã tụ hội lại, bởi sự thay đổi của thời tiết, bởi sự chăm nom không đều đặn, bị xông lên mùi hôi thối của tử thi ô uế, có mũi nhọn bên trong tạo thành lỗ hồng, bị ngập đầy máu ứ, đành phải bôi miệng của vết thương bằng loại thuốc sần sùi, xót xa, nhức nhối, đau đớn. Sau khi làm chín muối [vết thương] bằng cách thức làm cho chín muối, rồi mổ vết thương đã được đạt đến trạng thái mềm mỏng bằng dao, sau đó đốt nóng bằng cái thanh đẹp, rồi cho chất kiềm và muối vào vết thương ở chỗ đã được đốt nóng, sau đó bôi thuốc để làm lạnh vết thương nhằm đạt đến trạng thái tốt lành cho người bị bệnh. Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tâm không tốt nên mới bôi thuốc, mổ ra bằng dao, đốt nóng với cái thanh đẹp, rồi cho chất sát trùng vào vết thương?

– Thưa Ngài, không đúng. Người thầy thuốc có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy.

– Vậy thì các cảm thọ khổ đau nào đã sanh lên do hành động việc làm và thuốc men đối với người ấy, do nhân ấy người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tạo ra điều vô phước nào không?

– Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuật có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. Làm sao người ấy, do nhân ấy, lại có thể tạo ra điều vô phước? Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuật ấy là người sanh về cõi trời.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi khổ đau. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như một người nam bị đâm bởi cây gai, rồi một người nam khác có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, mới cắt xung quanh [vết thương] bằng cây gai nhọn hoặc bằng mũi dao, rồi lấy cây gai ấy ra nhờ vào lượng máu đang bị phun ra, tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy có tâm không tốt nên mới lấy cây gai ấy ra?

– Thưa Ngài, không đúng. Người nam ấy có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, nên mới lấy cây gai ấy ra. Thưa Ngài, nếu người nam ấy không lấy cây gai ấy ra, do điều ấy người kia có thể gánh chịu sự chết hoặc khổ đau gần như chết.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi sự khổ đau. Tâu Đại vương, nếu đức Thế Tôn không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta có thể bị nung nấu ở địa ngục liên tiếp nhiều đời sống thậm chí trong trăm ngàn *koṭi* kiếp.

– Thưa Ngài Nāgasena, đức Như Lai đã đưa Devadatta, kẻ có sự bị cuốn trôi theo dòng nước, vào đạo lộ; đã ban cho Devadatta, kẻ đã bị rơi vào vực thẳm, chỗ đứng; đã đưa Devadatta, kẻ bước đi ở chỗ gập ghềnh, đến nơi bằng phẳng. Thưa Ngài Nāgasena, không thể nhìn nhận những nhân tố này và những lý do này bởi người nào khác ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy.

“Câu hỏi về sự xuất gia của Devadatta” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DỘI CỦA TRÁI ĐẤT (*Mahābhūmicālapātubhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất.” Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi, không có nhân thứ chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất. Thưa Ngài Nāgasena, nếu có nhân thứ chín khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, đức Thế Tôn cũng sẽ nói đến nhân ấy. Và thưa Ngài Nāgasena, bởi vì không có nhân thứ

chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, vì thế đã không được đức Thế Tôn đề cập đến. Và có nhân thứ chín này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất được thấy là đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara. Thưa Ngài Nāgasena, nếu chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, như thế thì lời nói “đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara” là sai trái. Nếu đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, như thế thì lời nói ‘chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vì thế, khó tháo gỡ, gây tăm tối và sâu xa. Nó được dành cho Ngài. Điều này không thể trả lời bởi người nào khác có trí tuệ nhỏ nhoi, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy.

– Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “*Này các Tỳ-khưu, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất.*” Còn đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, tuy nhiên điều ấy là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Vì thế không được tính vào tám nhân.

2. Tâu Đại vương, giống như ở thế gian chỉ có ba loại mưa được tính là “[mưa] thuộc mùa mưa, [mưa] thuộc mùa lạnh và cơn mưa rào.” Nếu có cơn mưa khác không thuộc vào ba loại này mà đổ mưa, thì cơn mưa ấy không được tính vào các loại mưa đã được công nhận và chỉ được xem là “cơn mưa sỏi mùa”. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như năm trăm con sông chảy ra từ núi Hy-mã-lạp. Tâu Đại vương, trong số năm trăm con sông ấy, chỉ có mười con sông được tính vào việc tính đếm các con sông, tức là: Sông Gangā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, Sindhu, Sarassatī, Vetravatī, Vitatthā, Candabhāgā. Các con sông còn lại không được tính vào việc tính đếm các con sông. Vì lý do gì? Các con sông ấy không có nước thường xuyên. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như các quan đại thần của đức vua thì cả trăm người, hai trăm người. Trong số những người ấy chỉ có sáu là được tính vào việc tính đếm các quan đại thần, tức là: Tướng quân, quan tể tự, quan xử án, quan thủ kho, quan giữ lọng, quan giữ gương. Chỉ những người này được tính vào việc tính đếm các quan đại thần. Vì lý do gì? Vì trạng thái gắn bó với các phẩm chất của đức vua. Còn tất cả những người còn lại không được tính đếm mà chỉ được xem là “quan đại thần”. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc

đại địa cầu đã rung động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

Tâu Đại vương, phải chăng có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hương thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hương thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại. Những người ấy là bảy người.

– Tâu Đại vương, là ai và ai vậy?

– Thưa Ngài, là “người làm tràng hoa Sumana, Bà-la-môn Ekasāṭaka, người làm công Punṇā, Hoàng hậu Mallikā, Hoàng hậu Gopālamātā, cận sự nữ Suppiyā và nữ tỳ Punṇā.” Bảy người này có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những người này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại.

– Vậy có được nghe những người khác trong thời quá khứ đã đi đến cung trời Đạo-lợi bằng chính thân thể và vóc dáng ấy của con người?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe.

– Tâu Đại vương, là ai và ai vậy?

– Là “vị càn-thát-bà Guttila, đức Vua Sādhina, đức Vua Nimī và đức Vua Mandhātā.” Bốn người này được nghe là đã đi đến cung trời Đạo-lợi bằng thân thể và vóc dáng của con người. Được nghe rằng việc đã làm tốt hoặc đã làm xấu đã được làm lâu lắm rồi.

– Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây vào thời quá khứ xa xăm hoặc trong thời hiện tại xa xăm, đại địa cầu đã rung động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vậy đang được trao ra?

6.⁶ – Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, tôi đã có sự truyền thừa, sự thành tựu, sự thuộc lòng kinh điển, sự lắng nghe, sự học tập, năng lực, sự mong mỏi lắng nghe, sự vấn hỏi, sự hầu hạ các vị thầy, tuy nhiên tôi cũng chưa từng được nghe trước đây đại địa cầu đã rung động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vậy đang được trao ra, ngoại trừ việc bố thí cao quý của vị vua kiệt xuất Vessantara. Tâu Đại vương, vào khoảng giữa của hai vị Phật là “đức Thế Tôn Kassapa và đức Thế Tôn Sakyamuni”, nhiều *koṭi* năm vượt quá cách thức tính đếm đã trôi qua, ngay cả trong khoảng thời gian đó tôi cũng không có nghe là “đại địa cầu đã rung động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vậy đang được trao ra.”

⁶ Nguyên bản Pāli đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Tâu Đại vương, đại địa cầu không rung động với sự tinh tấn chừng ấy, với sự nỗ lực chừng ấy. Tâu Đại vương, bị chông chất gánh nặng về đức hạnh, bị chông chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động.

7. Tâu Đại vương, giống như khi chiếc xe tải bị chông chất vật nặng quá tải thì các ổ trục và các vành bánh xe bung ra, trục xe bị gãy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, bị chông chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như bầu trời bị bao phủ bởi sự chuyển động của gió và nước, bị chông chất bởi gánh nặng về lượng nước dồi dào, do trạng thái bị đưa đẩy bởi cơn gió mạnh nên gầm rú, gào thét, rống lên. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, bị chông chất gánh nặng lớn lao và dồi dào về năng lực bố thí của đức Vua Vessantara, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động.

8. Tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Vua Vessantara không vận hành do tác động của tham, không vận hành do tác động của sân, không vận hành do tác động của si, không vận hành do tác động của ngã mạn, không vận hành do tác động của tà kiến, không vận hành do tác động của phiền não, không vận hành do tác động của suy tầm, không vận hành do tác động của ganh ghét. Khi ấy, nó vận hành phần nhiều do tác động của sự bố thí: “Làm cách nào những người ăn xin chưa đi đến có thể đến gần ta, và những người ăn xin đã đi đến có thể nhận lãnh theo như ý muốn và có thể được hài lòng?” Sự bố thí là chủ tể, là tâm ý đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục.

9. Tâu Đại vương, tâm ý của đức Vua Vessantara đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục trong mười trường hợp: Ở sự huấn luyện, ở sự bình lặng, ở sự nhẫn nại, ở sự phòng hộ, ở sự thu thúc, ở sự đề nén, ở sự không giận dữ, ở sự không hăm hại, ở sự chân thật, ở sự trong sạch.

Tâu Đại vương, đối với đức Vua Vessantara thì sự tâm cầu về dục đã được dứt bỏ, sự tâm cầu về hữu đã được yên lặng, chỉ riêng sự tâm cầu về Phạm hạnh là được đạt đến một cách sốt sắng.

Tâu Đại vương, đối với đức Vua Vessantara thì sự bảo vệ bản thân đã được dứt bỏ, sự bảo vệ người khác đã được đạt đến một cách sốt sắng: “Làm cách nào những chúng sanh này có thể hợp nhất, không tật bệnh, có tài sản, có tuổi thọ dài lâu?” tâm ý vận hành phần nhiều là như thế.

Tâu Đại vương, và trong khi bố thí vật thí ấy, đức Vua Vessantara không bố thí vì nhân đạt đến tái sanh, không bố thí vì nhân tài sản, không bố thí vì nhân vật biểu lại, không bố thí vì nhân thu phục, không bố thí vì nhân tuổi thọ, không bố thí vì nhân sắc đẹp, không bố thí vì nhân hạnh phúc, không bố thí vì nhân sức mạnh, không bố thí vì nhân danh vọng, không bố thí vì nhân con trai,

không bỏ thí vì nhân con gái. Khi ấy đức vua đã bỏ thí vật thí cao quý, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế ấy vì lý do của trí toàn tri, vì lý do của báu vật là trí toàn tri. Và khi đã đạt được bản thể toàn tri, đức vua đã nói lên lời kệ này:

“Chỉ vì lý do là sự giác ngộ, ta đã không nghĩ suy trong khi buông bỏ Jāli, con gái Kanhājina và Hoàng hậu Maddi chung thủy.”

10. Tàu Đại vương, đức Vua Vessantara chiến thắng giận dữ bằng không giận dữ, chiến thắng sự xấu xa bằng sự tốt đẹp, chiến thắng keo kiệt bằng bỏ thí, chiến thắng giả dối bằng chân thật, chiến thắng tất cả bất thiện bằng thiện. Trong khi vị ấy, là người đã tiến bước theo giáo pháp, hướng về giáo pháp, đang bỏ thí như vậy, do tính chất bao la của sự tinh tấn và năng lực của việc hoàn thành sự bỏ thí, có những cơn gió lớn xao động ở phía bên dưới. Chúng thổi qua một cách hoàn toàn rối loạn, chầm chậm từng cơn từng cơn một; chúng sa xuống, bốc lên, xoáy tròn; các cây bị trụi lá đổ xuống, những đám mây dày đặc di chuyển ở bầu trời, những cơn gió tích lũy đầy bụi trở nên dữ dội, bầu trời bị hạ thấp, các cơn gió thổi cuốn đi ào ạt, âm thanh vô cùng ghê rợn phát ra; khi những cơn gió ấy giận dữ thì nước dao động tăng dần, khi nước bị dao động thì các con cá và rùa bị quấy nhiễu, các đợt sóng từng đôi từng đôi sanh lên, các chúng sanh là loài thủy tộc run sợ, sóng nước gợn tròn từng cặp, tiếng rì rào của sóng phát khởi, bong bóng nước ghê rợn nổi lên, những mảng bọt nước hiện hữu; đại dương nổi dậy, nước chạy khắp tám phương, các dòng nước trôi chảy từ miệng của các dòng nước xuôi ngược. Các loài a-tu-la, kim sí điều, rồng, dạ-xoa bị hoảng hốt: “Có thật không, bằng cách nào mà biển cả xoay ngược lại?” rồi tìm kiếm lối ra đi với tâm hãi sợ; khi bầu nước bị quấy nhiễu, bị khuấy rối, đại địa cầu cùng với núi non luôn cả biển cả rung động, chóp đá của đỉnh núi Sineru nghiêng ngả trong khi bị xoáy tròn, các loài rắn, chồn, mèo, chó rừng, heo rừng, nai, chim chóc bị hết hồn, các dạ-xoa ít quyền lực khóc lóc, các dạ-xoa nhiều quyền lực cười đùa trong khi đại địa cầu rung động.

11. Tàu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy ở bên dưới cái chảo to lớn vĩ đại được chứa đầy nước, có gạo lộn nhon, được đặt ở lò lửa, trước tiên [ngọn lửa] đốt nóng cái chảo, khi cái chảo đã được đốt nóng, nó đun nóng nước; khi nước đã được đốt nóng, nó đun nóng gạo; gạo đã được đốt nóng nổi lên, chìm xuống, làm sanh ra bong bóng nước, rồi những mảng bọt nước trôi lên. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, đức Vua Vessantara đã từ bỏ vật khó từ bỏ ở thế gian. Khi vị ấy đang từ bỏ vật khó từ bỏ ấy, do sự hoàn thành từ bản chất của việc bỏ thí, những cơn gió lớn ở phía bên dưới, trong khi không thể nâng đỡ, đã bị khuấy động. Khi những cơn gió lớn bị khuấy động, nước đã rung động. Khi nước bị rung động, đại địa cầu đã rung động.

Như thế vào khi ấy “những cơn gió lớn, nước và quả địa cầu”, ba thứ này đã trở thành như là có chung một tâm ý. Do việc hoàn thành của sự bỏ thí vĩ đại, do năng lực và sự tinh tấn bao la, không có người nào khác có oai lực bỏ thí như thế này như là oai lực bỏ thí vĩ đại của đức Vua Vessantara.

12. Tâu Đại vương, giống như các viên ngọc ma-ni nhiều loại được tìm thấy ở trái đất, như là: Ngọc xa-phia, ngọc lục, ngọc như ý, ngọc bích, ngọc hoa lan, ngọc hoa keo, ngọc thu hồn, ngọc nhật lệ, ngọc nguyệt lệ, kim cương, ngọc lân tinh, hoàng ngọc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo, thì viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân vượt trội tất cả các viên ngọc này nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân chiếu sáng một do-tuần ở chung quanh, tâu Đại vương, tương tự y như thế, bất cứ sự bố thí nào được tìm thấy ở trái đất, dầu là sự bố thí tối thượng không thể sánh bằng, sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara vượt trội tất cả các sự bố thí ấy nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, khi sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara đang được trao ra thì đại địa cầu đã bị rung động bảy lần.

– Thưa Ngài Nāgasena, là sự kỳ diệu của chư Phật! Thưa Ngài Nāgasena, là sự phi thường của chư Phật! Là việc đức Thế Tôn, trong khi còn là Bồ-tát, với sự nhẫn nại như vậy, với tâm như vậy, với quyết định như vậy, với chủ tâm như vậy, so với thế gian không người sánh bằng. Thưa Ngài Nāgasena, sự nỗ lực của các đức Bồ-tát đã được phô bày. Và các pháp toàn hảo của các đấng Chiến Thắng được chiếu sáng còn nhiều hơn thậm chí trong khi các Ngài đang thực hành đức hạnh, cho đến bản thể tối thượng của đức Như Lai là được hiển hiện ở thế gian có cả chư thiên. Thưa Ngài Nāgasena, thật tốt đẹp thay giáo pháp của đấng Chiến Thắng đã được tán dương, các pháp toàn hảo của đấng Chiến Thắng đã được tỏa sáng, nút thắt ở học thuyết của các giáo chủ tà giáo đã được cắt đứt, bầu nước về học thuyết của những kẻ khác đã được đập bể, câu hỏi thâm sâu đã được làm rõ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, sự giải quyết của các vị con trai của đấng Chiến Thắng đã được tiếp thu đúng đắn. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, xin Ngài hãy chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về hiện tượng dao động dữ dội của trái đất” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ SỰ BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI

(Sivirañño cakkhudānapañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài đã nói như vậy: “Các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin, khi đức vua đã bị mù thì các thiên nhân đã được tạo ra lại.”⁷ Lời nói này cũng có sự sai quấy, có sự bất bẻ, có khuyết điểm. Điều đã được nói ở trong kinh là: “Khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng, thì không có sự tạo ra thiên nhân.” Thưa Ngài Nāgasena, nếu các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin, như thế thì lời nói rằng: “Các thiên nhân đã được tạo ra lại” là sai trái. Nếu các thiên nhân đã được tạo ra, như thế thì lời nói rằng: “Các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị thắt lại còn hơn nút thắt, bị xoắn lại còn hơn vật xoắn, bị rối rắm

⁷ Bốn sanh “Đức Vua Sivi” (*Sivijātakam*), số 499, TTPV, tập 33. (ND)

còn hơn bụi rậm, nó được dành cho Ngài. Ở đây, xin Ngài hãy khởi lên ước muốn về việc giải quyết vì sự bất bẻ của các học thuyết khác.

2. – Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin. Đại vương chớ khởi lên sự phân vân về trường hợp ấy. Và các thiên nhân đã được tạo ra lại. Đại vương cũng chớ nảy sinh sự phân vân về trường hợp ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng thì thiên nhân cũng được tạo ra?

– Tâu Đại vương, không đúng.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy thiên nhân lại được tạo ra khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng? Vậy Ngài hãy giúp cho trầm hiểu bằng lý lẽ.

3. – Tâu Đại vương, có chăng ở thế gian cái gọi là sự chân thật mà những người có lời nói chân thật về điều ấy tạo ra sự phát nguyện chân thật?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là sự chân thật ở thế gian. Thưa Ngài Nāgasena, những người nói lời chân thật với sự chân thật tạo ra sự phát nguyện chân thật khiến cho trời đổ mưa, khiến cho lửa bị dập tắt,⁸ làm tiêu tan chất độc, và còn tạo ra việc có thể làm các loại khác nữa.

– Tâu Đại vương, như thế thì nó liên quan, nó phù hợp với việc các thiên nhân đã được tạo ra cho đức Vua Sivi là nhờ vào năng lực của sự chân thật. Tâu Đại vương, nhờ vào năng lực của sự chân thật mà thiên nhân đã được tạo ra khi không có nền tảng. Ở đây, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhân. Tâu Đại vương, giống như những vị đạo sĩ nào đó cầu khẩn lời chân thật rằng: “Xin cho cơn mưa lớn hãy đổ xuống”, cùng với việc đã cầu khẩn lời chân thật của những người ấy, cơn mưa lớn đổ xuống. Tâu Đại vương, phải chăng có nhân của cơn mưa đã hội tụ lại ở khoảng không mà với nhân ấy cơn mưa lớn đổ xuống?

– Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nhân cho việc đổ xuống của cơn mưa lớn.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc ấy không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhân.

4. – Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc những vị đạo sĩ nào đó cầu khẩn lời chân thật rằng: “Xin cho khối lửa lớn đã bốc phát hãy quay trở lại”; cùng với việc đã cầu khẩn lời chân thật của những người ấy, khối lửa lớn đã bốc phát tức thời quay trở lại. Tâu Đại vương, phải chăng ở khối lửa lớn đã bốc phát ấy có nhân đã được hội tụ lại, mà do nhân ấy khối lửa lớn đã bốc phát tức thời quay trở lại?

– Thưa Ngài, không đúng. Chính sự chân thật là nền tảng cho việc tức thời quay trở lại của khối lửa lớn đã bốc phát ấy.

⁸ Bốn sanh “Chim cắt con” (*Vatṭakajātakaṃ*), số 35, TTPV, tập 32. (ND)

– Tàu Đại vương, tương tự y như thế, việc ấy không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhân.

5. – Tàu Đại vương, hoặc là giống như việc những vị đạo sĩ nào đó cầu khẩn lời chân thật rằng: “Xin cho chất độc dữ dội trở thành thuốc chữa bệnh.” Tàu Đại vương, phải chăng ở chất độc dữ dội có nền tảng đã hội tụ lại, mà với nền tảng ấy chất độc dữ dội trở thành thuốc chữa bệnh?

– Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nguyên nhân cho việc tức thời tiêu diệt chất độc dữ dội.

– Tàu Đại vương, tương tự y như thế, trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhân, không phải nhân bình thường.

– Tàu Đại vương, không có nền tảng nào khác cho việc thâm nhập bốn chân lý cao thượng. Bốn chân lý cao thượng được thâm nhập sau khi đã đặt nền tảng ở sự chân thật. Tàu Đại vương, có đức Vua Cīna ở khu vực Cīna. Đức vua có ước muốn tiến hành việc cúng tế ở đại dương nên đã thực hiện sự phát nguyện chân thật vào mỗi bốn tháng, rồi cùng với chiếc xe tiến vào trong đại dương một do-tuần. Khối lượng nước vĩ đại đi thụt lùi ở phía trước đầu chiếc xe của đức vua, đến khi đức vua đã vượt qua thì bao trùm lại. Tàu Đại vương, phải chăng thế gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, có thể khiến cho đại dương ấy đi thụt lùi?

– Thưa Ngài, thế gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, cũng không thể khiến cho nước ở hồ nước vô cùng nhỏ đi thụt lùi, thì làm gì được đối với nước ở đại dương?

6. – Tàu Đại vương, cũng vì lý do này mà năng lực của sự chân thật được biết đến như vậy: “Không có nơi nào mà sự chân thật không thể đạt đến.”

Tàu Đại vương, đức vua công chính Asoka ở thành phố Pāṭaliputta được tùy tùng bởi các thị dân, dân chúng, các viên chức, nhân công, binh lính và các quan đại thần, sau khi nhìn thấy sông Gaṅgā tràn đầy nước mới, ngập bờ, trải rộng có bề dài năm trăm do-tuần, bề ngang một do-tuần, đang trôi chảy, nên đã nói với các quan viên rằng: “Này các khanh, có ai có khả năng làm cho sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng không?” Các quan viên đã nói rằng: “Tàu Bệ hạ, là việc khó làm.” Có cô kỹ nữ tên Bindumatī đứng ở ngay tại bờ sông Gaṅgā ấy đã nghe rằng: “Nghe nói đức vua đã nói như vậy: Có thể làm cho sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng không?” Cô ấy đã nói như vậy: “Chính thiếp là người kỹ nữ ở thành phố lớn Pāṭaliputta, có cuộc sống nhờ vào sắc đẹp, là cách sinh nhai tồi tệ nhất. Mong rằng đức vua hãy chứng kiến sự phát nguyện chân thật của thiếp.” Rồi cô ấy đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Vào giây phút của sự phát nguyện chân thật của cô ấy, con sông Gaṅgā vĩ đại ấy, trong lúc gầm lên tiếng rì rào, đã chảy ngược dòng cho đám đông người chứng kiến. Khi ấy, nghe được tiếng âm ỉ tạo ra bởi tốc độ của sóng nước bị xoáy tròn, đức vua đã có sự ngạc nhiên được sanh lên do điều kỳ diệu phi thường, nên đã nói với các quan viên rằng: “Này các khanh, do người nào mà con sông Gaṅgā vĩ đại này

chảy ngược dòng?” Tâu Đại vương, cô kỹ nữ Bindumatī sau khi nghe lời nói của Đại vương đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Do sự phát nguyện chân thật của cô ấy mà con sông Gaṅgā chảy về phía thượng nguồn.

Khi ấy, có tâm bị chấn động, đức vua đã đích thân đi đến vô cùng vội vã và đã hỏi cô kỹ nữ ấy rằng: “Này cô gái, nghe nói do sự phát nguyện chân thật của cô mà con sông Gaṅgā này chảy ngược dòng, có đúng không vậy?” “Tâu Bệ hạ, đúng vậy.” Đức vua đã nói rằng: “Cô có năng lực gì về việc ấy? Ai mà tin lời nói của cô, nếu không bị điên khùng? Do năng lực gì mà cô đã làm cho con sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng?” Cô ấy đã nói rằng: “Tâu Đại vương, do năng lực của sự chân thật mà thiếp đã làm cho con sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng.” Đức vua đã nói rằng: “Năng lực của sự chân thật gì có ở nơi cô, khi cô là kẻ trộm, hạng người vô lại, không trong sạch, lường gạt, độc ác, bóc lột những kẻ mê muội?” “Tâu Đại vương, sự thật thì thiếp là người như thế ấy. Tâu Đại vương, nếu năng lực của sự chân thật có ở nơi thiếp, thì với điều ấy, trong khi mong muốn, thiếp cũng có thể xoay chuyển thế gian có cả chư thiên.” Đức vua đã nói rằng: “Vậy thì sự phát nguyện chân thật ấy là điều gì?” “Vậy thì xin Đại vương hãy lắng nghe thiếp. Tâu Đại vương, người nào dẫu là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hay nô lệ, hoặc là bất cứ ai ban cho thiếp của cải, thì thiếp phục vụ những người ấy đều bình đẳng. Là ‘Sát-đế-ly’ không có gì đặc biệt. Là ‘nô lệ’ không có gì khinh chê. Thiếp hầu hạ người có của cải, thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Bệ hạ, điều ấy là sự phát nguyện chân thật của thiếp, nhờ nó mà thiếp đã làm cho con sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng.”

Tâu Đại vương, những người đứng vững ở sự chân thật cũng như thế, không có bất cứ ý nghĩa nào mà họ không biết. Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin và các thiên nhân đã được tạo ra lại. Và điều ấy là do sự phát nguyện chân thật. Điều đã được nói ở trong kinh là: “*Khi nhục nhân đã bị hư hoại, khi không có nhân, khi không có nền tảng, thì không có sự tạo ra của thiên nhân*”, điều ấy được nói liên quan đến con mắt có vật liệu là sự tu tập. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế.

— Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, sự bắt bẻ đã khéo được giải thích, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự bố thí mắt của đức Vua Sivi” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬP VÀO BÀO THAI (*Gabbhāvakkantipañho*)

1. — Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. Ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Này các Tỳ-khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố này.” Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời

nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi, đây là lời nói xứng đáng, đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa chư thiên và nhân loại. Và việc nhập vào bào thai này được hội tụ bởi hai yếu tố đã được nhìn thấy: “Vào thời kỳ kinh nguyệt của nữ đạo sĩ Pārikā, lỗ rún của nàng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của đạo sĩ Dukūla, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà đứa bé trai Sāma được sanh ra.”⁹ Vào thời kỳ kinh nguyệt của cô gái Bà-la-môn, lỗ rún của nàng cũng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của vị ẩn sĩ Mātanga, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya được sanh ra.”¹⁰

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Này các Tỳ-khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố”, như thế thì lời nói rằng: “Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún” là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún”, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố” là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng sâu xa, vô cùng khôn khéo, là lãnh vực dành cho những bậc có sự giác ngộ. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy chặt đứt sự phân vân. Xin Ngài hãy nắm giữ ngọn đèn cao quý của trí tuệ.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. Ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố như vậy.” Và có điều đã được nói là: “Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún.”

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì câu hỏi khéo được giải quyết bằng lý lẽ nào, xin Ngài giúp cho trầm hiểu bằng lý lẽ ấy.

3. – Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây là thanh niên Saṃkicca, đạo sĩ Isisiṅga¹¹ và Trưởng lão Kumārakassapa, những người ấy được sanh ra do việc này?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe. Việc sanh ra của những người ấy được loan truyền. Hai con nai cái, nhằm vào thời kỳ kinh nguyệt, đã đi đến chỗ tiểu tiện của hai vị đạo sĩ rồi uống nước tiểu có lẫn tinh dịch của họ, do tinh dịch ở nước tiểu ấy mà thanh niên Saṃkicca và đạo sĩ Isisiṅga được sanh ra. Trưởng lão Udāyi đã đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khuru-ni, trong lúc suy tưởng đến chỗ kín của vị Tỳ-khuru-ni với tâm ái luyến, đã bị xuất ra tinh dịch ở y ca-sa. Khi ấy, Trưởng lão Udāyi đã bảo vị Tỳ-khuru-ni ấy điều này: “Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội.” “Thưa Ngài, hãy đưa đây. Chính tôi sẽ giặt.” Sau

⁹ Bốn sanh “Sāma” (*Sāmajātakaṃ*), số 540, *TTPV*, tập 34. (ND)

¹⁰ Bốn sanh “Ẩn sĩ Mātanga” (*Mātangajātakaṃ*), số 497, *TTPV*, tập 33. (ND)

¹¹ Bốn sanh “Tiền nữ Alambusā” (*Alambusājātakaṃ*), số 523, *TTPV*, tập 33. (ND)

đó, vị Tỳ-khuru-ni ấy, đang ở vào thời kinh nguyệt, đã dùng miệng nuốt vào một phần tinh dịch ấy, còn một phần đã đưa vào chỗ kín.¹² Do việc ấy, Trưởng lão Kumārakassapa đã được sanh ra. Và người ta đã nói về điều ấy như vậy.

– Tâu Đại vương, vậy Ngài có tin vào lời nói ấy không?

– Thưa Ngài, có chứ. Chúng tôi chấp nhận lý do trong trường hợp ấy là vững chãi, vì lý do ấy chúng tôi tin rằng: “Họ đã được sanh ra bởi lý do ấy.”

– Tâu Đại vương, ở đây điều gì là lý do?

– Thưa Ngài, phải chăng khi hạt giống được gieo vào mảnh đất ẩm đã được chuẩn bị kỹ lưỡng thì sẽ nhanh chóng nảy mầm?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài, tương tự y như thế, vị Tỳ-khuru-ni ấy khi đang có kinh nguyệt, khi noãn sào đã được thành lập, khi máu kinh có sức chảy đã ngưng lại, khi điều kiện đã được xác định, cô ấy đã nhận lấy tinh dịch ấy rồi đưa vào ở chỗ noãn sào ấy. Vì thế, bào thai đã thành tựu cho cô ấy. Chúng tôi ghi nhận lý do như vậy đối với việc sanh ra của những người ấy.

– Tâu Đại vương, điều ấy là như vậy. Theo đó, tôi chấp nhận là do sự xâm nhập vào tử cung mà bào thai được hình thành. Tâu Đại vương, phải chăng Ngài chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Trưởng lão Kumārakassapa?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã đi theo đường lối của tôi. Mặc dầu chỉ theo một cách thức trong khi nói về việc nhập vào bào thai, Đại vương cũng sẽ đi theo sự thuyết phục của tôi. Giờ đến hai con nai cái đã đạt được bào thai sau khi uống nước tiêu, đối với chúng thì Đại vương có tin về sự nhập vào bào thai không?

– Thưa Ngài, có chứ. Bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nāgasena, giống như bất cứ cái gì gọi là dòng nước chảy, tất cả đều chảy xuôi về đại dương, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả đều trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Vì lý do ấy, trẫm tin về sự nhập vào bào thai cũng do vật đã được đưa vào miệng.

– Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã đi theo đường lối của tôi một cách vững chắc hơn. Cũng do việc uống vào miệng mà có sự hội tụ của hai trường hợp. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Samkicca, của đạo sĩ Isisiṅga và của Trưởng lão Kumārakassapa?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được hội tụ thì trôi xuống.

¹² Điều *Nissaggiya Pācittiya* thứ 4, *TTPV*, tập 02, trang 518.

5.¹³ – Tâu Đại vương, bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya đều có chung một tính chất, được xếp vào ba sự hội tụ theo trường hợp đầu tiên. Tôi sẽ nói về lý do của trường hợp này. Tâu Đại vương, đạo sĩ Dukūla và nữ đạo sĩ Pārikā, cả hai người ấy đã có sự cư ngụ ở trong rừng, có khuynh hướng viễn ly, là những người theo đuổi mục đích tối thượng, do quyền năng của sự khổ hạnh họ đã hâm nóng cho đến thế giới Phạm thiên. Khi ấy, Thiên chủ Sakka ngày đêm đi đến phục vụ cho họ. Trong khi quan tâm đến họ bằng tâm từ được thể hiện với sự kính trọng, Thiên chủ Sakka đã nhìn thấy sự hư hoại thị giác của cả hai người họ vào thời vị lai xa xăm, sau khi nhìn thấy đã nói với họ rằng: “Này hai vị, hãy thực hiện cho trăm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vị.” “Này Kosiya, thôi đi! Chớ có lời nói như vậy.” Họ đã không chấp nhận lời nói ấy của vị ấy. Là người có lòng bi mẫn, có sự mong mỏi điều lợi ích, Thiên chủ Sakka đã nói với họ như thế đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba rằng: “Này hai vị, hãy thực hiện cho trăm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vị.” Đến lần thứ ba, họ đã nói rằng: “Này Kosiya, thôi đi! Ngài chớ ràng buộc chúng tôi vào việc không có lợi ích. Thân này sẽ không tan rã cho đến khi nào? Thân này có sự tan rã là pháp tự nhiên, hãy để nó tan rã. Cho dầu trái đất đang bị tan rã, cho dầu đỉnh núi đang rơi xuống, cho dầu bầu trời đang bị nứt ra, cho dầu mặt trăng mặt trời đang sụp xuống, chúng tôi cũng không bao giờ hòa nhập với các pháp thế tục. Ngài chớ đến gần đối mặt với chúng tôi. Chúng tôi nghĩ Ngài là hạng làm điều không có lợi ích; điều ấy là sự tin chắc khi Ngài đi đến gần.”

Do đó, trong khi không đạt được tâm ý của họ, Thiên chủ Sakka đã thể hiện sự kính trọng, chấp tay lên, thỉnh cầu lần nữa: “Nếu hai vị không nỗ lực để thực hiện lời nói của trăm, vậy thì lúc nào nữ đạo sĩ là đến thời kỳ có kinh nguyệt, khi ấy thừa đạo sĩ, ông có thể chạm vào lỗ rún bằng ngón tay cái bên phải, do việc ấy nàng ấy sẽ mang thai. Chính điều ấy là sự đã được hội tụ của việc nhập vào bào thai.” “Này Kosiya, tôi có thể thực hiện điều ấy. Chỉ chừng ấy thì sự khổ hạnh của chúng tôi sẽ không bị đổ vỡ. Hãy là như thế.” Họ đã chấp nhận.

Hơn nữa, vào thời điểm ấy, ở cõi trời có vị thiên tử có thiện căn dồi dào, có tuổi thọ đã cạn kiệt, đã đạt đến sự chấm dứt tuổi thọ, có khả năng hạ sanh theo như ước muốn, thậm chí vào gia tộc của đức Chuyển Luân. Khi ấy, Thiên chủ Sakka đã đi đến gặp vị thiên tử ấy và nói như vậy: “Thưa Ngài, hãy đến, là ngày vô cùng rạng rỡ cho Ngài. Việc thành công có ý nghĩa đã đến, là việc trăm đã đi đến phục vụ cho Ngài, Ngài sẽ có chốn cư ngụ ở nơi đáng yêu, sẽ có sự tái sanh ở gia tộc thích hợp, sẽ có sự được nuôi dưỡng bởi cha mẹ tốt lành, hãy đến, hãy làm theo lời nói của trăm.” Rồi đã chấp tay ở đỉnh đầu thỉnh cầu đến lần thứ nhì, thỉnh cầu đến lần thứ ba. Do đó, vị thiên tử ấy đã nói như vậy: “Thưa Ngài, gia tộc nào mà Ngài liên tục ca tụng lặp đi lặp lại?” “Là đạo sĩ Dukūla và nữ

¹³ Nguyên bản Pāli đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 4. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

đạo sĩ Pārikā.” Lắng nghe lời nói của vị ấy, vị thiên tử đã hoan hỷ chấp nhận: “Thưa Ngài, tốt lắm! Vậy hãy theo ước muốn của Ngài. Thưa Ngài, tôi đang mong ước có thể sanh ra ở chủng loại đã được mong mỏi. Vậy tôi được sanh ra ở chủng loại nào: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hay hóa sanh?” “Thưa Ngài, Ngài được sanh ra theo lối thai sanh.”

6. Khi ấy, Thiên chủ Sakka, sau khi tính đếm ngày thọ sanh, đã thông báo cho đạo sĩ Dukūla rằng: “Vào ngày ấy, nữ đạo sĩ sẽ đến thời kỳ có kinh nguyệt, thưa ngài, khi ấy ngài nên chạm vào lỗ rún bằng ngón tay cái bên phải.” Tâu Đại vương, vào ngày ấy nữ đạo sĩ đã đến thời kỳ có kinh nguyệt, và vị thiên tử đã đi đến, đã hiện diện ở nơi ấy. Và vị đạo sĩ đã chạm vào lỗ rún của vị nữ đạo sĩ bằng ngón tay cái bên phải. Như thế, các việc ấy đã là ba sự hội tụ. Do việc chạm vào lỗ rún, ái luyến đã sanh khởi ở người nữ đạo sĩ. Hơn nữa, ái luyến ấy của cô ta là do việc chạm vào lỗ rún. Xin Đại vương chớ nghĩ rằng việc chạm vào lỗ rún ấy chính là sự hư hỏng. Cười giỡn cũng là sự hội tụ. Ngợi khen cũng là sự hội tụ. Chú tâm cũng là sự hội tụ. Do sự sanh khởi của ái luyến đã được tạo ra trước đó, do sự chạm vào mà sự hội tụ được sanh lên. Do sự hội tụ mà có sự nhập thai.

7. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy xua đi sự lạnh cho người đã đến gần mặc dầu không có sự chạm vào. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh là do bốn tác động: Do tác động của nghiệp, do tác động của nguồn gốc, do tác động của chủng loại, do tác động của sự thỉnh cầu. Hơn nữa, tất cả chúng sanh này có sự tạo thành do nghiệp, có sự sanh lên do nghiệp.

Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, các chúng sanh có thiện căn dôi dào sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-ly giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Tâu Đại vương, giống như người nam có tài sản lớn, có của cải lớn, có dôi dào vàng bạc, dôi dào vật sở hữu dự phòng, có dôi dào tài sản và ngũ cốc, có dôi dào thân quyến và phe nhóm, sau khi cho ra tài sản đến hai ba lần rồi mua theo như ước muốn bất cứ vật gì được mong mỏi bởi tâm, hoặc là tở gái, hay tở trai, hoặc là ruộng, vườn, làng mạc, thị trấn, hay là xứ sở. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, các chúng sanh có thiện căn dôi dào sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-ly giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là như vậy.

8. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, đối với giống gà mái thì có sự nhập vào bào thai do cơn gió, đối với loài hạc thì có sự nhập vào bào thai do cơn mưa. Thậm chí toàn bộ chư thiên không nằm trong bào thai cũng là chúng sanh. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, giống như những con người đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau, một số trùm kín phía trước, một số trùm kín phía sau, một số thì lỏa thể, một số thì cạo đầu mang vải màu trắng, một số thì buộc tràng hoa, một số thì cạo đầu mặc y ca-sa, một số thì mặc y ca-sa cột búi tóc, một số thì bện tóc mang y bằng vỏ cây, một số thì mặc da thú, một số quấn các sợi dây. Tất cả những con người này đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, chúng sanh chính là tất cả các hạng ấy. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là như vậy.

9. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, chủng loại nghĩa là có bốn chủng loại: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Ở đây nếu chúng sanh đi đầu thai từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi sanh lên ở chủng loại noãn sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng noãn sanh. ... (nt)... ở chủng loại thai sanh... (nt)... ở chủng loại thấp sanh... (nt)... sanh lên ở chủng loại hóa sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng hóa sanh. Các chúng sanh như thế ấy hiện hữu trong các chủng loại ấy. Tâu Đại vương, giống như các con thú hay loài có cánh nào đó đi đến núi Hy-mã-lạp hoặc núi Sineru, tất cả bọn chúng lìa bỏ màu sắc của mình và trở thành màu sắc vàng chói. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, chúng sanh đi đầu thai nào đó từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi nhập vào nguồn gốc noãn sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng noãn sanh. ... (nt)... nhập vào nguồn gốc thai sanh... (nt)... thấp sanh... (nt)... hóa sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là như vậy.

10. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, ở đây có gia tộc không có con trai, có nhiều của cải thừa tự, có đức tin, tịnh tín, có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp, sống theo hạnh khắc khổ, và có vị thiên tử có thiện căn dồi dào và đến thời tử vong. Khi ấy, Thiên chủ Sakka vì lòng thương tưởng đến gia tộc ấy đã thỉnh cầu vị thiên tử ấy rằng: “Thưa Ngài, xin Ngài hãy ngự đến tử cung của người vợ chánh ở gia tộc kia.” Do nguyên nhân thỉnh cầu của vị ấy, vị thiên tử ngự đến gia tộc ấy. Tâu Đại vương, giống như những người có lòng mong mỏi phước báu sau khi thỉnh cầu vị Sa-môn xứng đáng được phát tâm, thì đi về nhà [nghĩ rằng]: “Vị này sau khi đến sẽ là nguồn an lạc cho toàn bộ gia tộc.” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, Thiên chủ Sakka sau khi thỉnh cầu vị thiên tử ấy thì đi đến gia tộc ấy. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là như vậy.

11. Tâu Đại vương, cậu bé trai Sāma được Thiên chủ Sakka thỉnh cầu đã nhập bào tử cung của nữ đạo sĩ Pārikā. Mẹ và cha là người có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp. Người thỉnh cầu là Sakka. Cậu bé trai Sāma được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, ở đây có người nam rành rẽ cách thức gieo hạt giống ở thửa ruộng ẩm được cày kỹ lưỡng. Trong khi hạt giống ấy đang được ngăn ngừa tai họa, phải chăng có thể có tai họa nào đó cho sự phát triển của nó?

– Thưa Ngài, không thể. Hạt giống không bị hãm hại thì có thể tăng trưởng nhanh chóng.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, cậu bé trai Sāma được thoát khỏi các tai họa đã khởi lên, đã được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây có xứ sở rộng lớn, giàu có, thịnh vượng, có dân cư, đã bị tiêu diệt hoàn toàn bởi tâm khởi sân của các vị ẩn sĩ?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Điều được nghe là ở trái đất khu rừng Daṇḍaka, khu rừng Mejjha, khu rừng Kālīṅga, khu rừng Mātāṅga, tất cả các khu rừng ấy đã trở thành không còn là rừng, có trạng thái không phải là rừng, và toàn bộ các xứ sở này cũng đã đi đến hoại diệt bởi tâm khởi sân của các vị ẩn sĩ.

– Tâu Đại vương, nếu các xứ sở vô cùng giàu có bị tiêu diệt bởi tâm khởi sân của những vị ấy, phải chăng có sự an lạc nào đó có thể sanh lên bởi sự hoan hỷ ở tâm của các vị ấy?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy cậu bé trai Sāma đã được sanh ra do sự hoan hỷ ở tâm của ba hạng có năng lực là: Được tạo ra bởi hai vị ẩn sĩ, được tạo ra bởi vị thiên nhân, được tạo ra do phước báu.

– Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Tâu Đại vương, được thỉnh cầu bởi Thiên chủ Sakka, ba vị thiên tử này đã sanh lên ở gia tộc. Ba vị nào? Cậu bé trai Sāma, [vương tử] Mahapanāda,¹⁴ và đức Vua Kusa.¹⁵ Cả ba người này đều là các đức Bồ-tát.

– Thưa Ngài Nāgasena, sự nhập vào bào thai đã khéo được giải thích. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Ánh sáng đã được tạo ra ở nơi tâm tối. Cục rối đã được tháo gỡ. Học thuyết của những kẻ khác không còn chói sáng. Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự nhập vào bào thai” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ BIẾN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP (*Saddhammantaradhānapāṇho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

¹⁴ Bốn sanh “Đức Vua Suruci” (*Surucijātakaṃ*), số 489, *TTPV*, tập 32. (ND)

¹⁵ Bốn sanh “Đức Vua Kusa” (*Kusajātakaṃ*), số 531, *TTPV*, tập 33. (ND)

“Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.” Và thêm nữa, vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, được hỏi bởi du sĩ ngoại đạo Subhadda, đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.”** Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm”**, như thế thì lời nói rằng: **“Thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán”** là sai trái. Nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán”**, như thế thì lời nói rằng: **“Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị rối rắm còn hơn bụi rậm, mạnh mẽ hơn người lực sĩ, bị thất lại còn hơn nút thắt, nó được dành cho Ngài. Ở đây, xin Ngài hãy phô bày sự triển khai về năng lực trí tuệ của Ngài như là con kinh ngư di chuyển ở giữa biển khơi.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.”** Và vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, có lời đã được nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: **“Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.”** Tâu Đại vương, hơn nữa lời nói ấy của đức Thế Tôn là có ý nghĩa khác nhau và có văn tự khác nhau. Điều này là giới hạn của giáo pháp, điều kia là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, giống như bầu không gian là cách biệt xa vời với trái đất, địa ngục là cách biệt xa vời với cõi trời, thiện là cách biệt xa vời với bất thiện, lạc là cách biệt xa vời với khổ. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, tuy nhiên chớ làm cho câu hỏi của Đại vương là vô bổ. Tôi sẽ so sánh và giảng giải cho Đại vương về phần cốt yếu. Điều mà đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm”**, trong khi làm sáng tỏ sự hoại diệt ấy Ngài đã xác định phần còn lại rằng: **“Này Ānanda, Chánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm nếu các Tỳ-khưu-ni không xuất gia. Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.”** Tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi nói như vậy phải chăng Ngài nói về sự biến mất của Chánh pháp hay là Ngài bác bỏ về sự lãnh hội?

– Thưa Ngài, không phải vậy.

– Tâu Đại vương, trong khi công bố về việc bị tiêu hoại, trong khi làm sáng tỏ, Ngài đã xác định phần còn lại. Tâu Đại vương, giống như người bị phá sản, sau khi nắm chắc phần còn lại, có thể làm sáng tỏ đối với dân chúng rằng: **“Phần hàng hóa của tôi bị mất mát là chừng này, đây là phần còn lại.”** Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Thế Tôn, trong khi làm sáng tỏ việc bị tiêu hoại, đã thuyết giảng cho chư thiên và nhân loại rằng: **“Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.”**

Tâu Đại vương, tuy nhiên điều đã được nói bởi đức Thế Tôn rằng: **“Này**

Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm"; điều ấy là giới hạn của giáo pháp. Còn điều mà vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, trong lúc công bố cho các vị Sa-môn, Ngài đã nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: *"Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán"*; điều ấy là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Hơn nữa, Đại vương đã khiến cho sự giới hạn và sự làm sáng tỏ trở thành có chung điều cốt yếu. Nếu Đại vương có sự mong muốn, tôi sẽ thuyết giảng. Xin Đại vương hãy chăm chú lắng nghe, hãy chú ý với tâm không bị xao lãng. Tâu Đại vương, ở đây có hồ nước tràn đầy nước mới, trong khi sẽ tràn bờ thì đã được giới hạn lại, đã được làm con đê bao quanh, khi nước ở chính cái hồ ấy chưa bị tháo cạn, có đám mây lớn ở phía trên tuần tự đổ mưa liên tục. Tâu Đại vương, phải chăng nước ở hồ nước ấy có thể đi đến sự cạn kiệt, đi đến sự tháo cạn?

- Thưa Ngài, không đúng.
- Tâu Đại vương, vì lý do gì?
- Thưa Ngài, vì sự liên tục của cơn mưa.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, cái hồ nước Chánh pháp cao quý trong giáo pháp của đảng Chiến Thắng được tràn đầy nước mới không ô nhiễm là tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành, là vượt lên trên, vượt qua khỏi cảnh giới tốt cùng của hiện hữu và tồn tại. Nếu những người con trai của đức Phật trong giáo pháp này có thể liên tục, có thể đổ xuống tuần tự cơn mưa từ đám mây tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành, như thế hồ nước Chánh pháp cao quý trong giáo pháp của đảng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: *"Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán."*

3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây trong khi đồng lửa lớn đang rực cháy, người ta tuần tự đem lại các thứ cỏ, củi, phân bò khô. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa ấy có thể nguội tắt?

– Thưa Ngài, không đúng. Khối lửa ấy có thể rực cháy hơn nữa, có thể tỏa sáng còn nhiều hơn nữa.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, giáo pháp cao quý của đảng Chiến Thắng rực cháy, tỏa sáng ở mười ngàn thế giới với tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành.

Tâu Đại vương, nếu những người con trai của đức Phật được hội đủ năm chi phần của sự nỗ lực, thường xuyên không bị xao lãng, có thể nỗ lực còn hơn thế nữa, có thể học tập với lòng ước muốn đã được sanh khởi về tam học, có thể làm đầy đủ một cách trọn vẹn về sự thực hành và sự kiên cố về giới, như thế giáo pháp cao quý này của đảng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài còn hơn thế nữa, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: *"Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán."*

4. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây họ có thể đánh bóng tuần tự tấm gương trơn láng, bằng phẳng, khéo được đánh bóng, có ánh sáng, hoàn toàn trong sáng, bằng bột phấn đỏ trơn và mịn. Tâu Đại vương, phải chăng vết bẩn, bùn, bụi bặm có thể hiện lên ở tấm gương ấy?

– Thưa Ngài, không đúng. Ngược lại, nó còn trở nên trong sáng hơn nữa.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng tự nhiên vốn không có vết nhơ, đã xa lìa hẳn vết nhơ và bụi bặm phiền não. Nếu những người con trai của đức Phật có thể nhẫn nại thực hành giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng với tánh hạnh, giới đức, phận sự, sự thực hành, sự giảm thiểu và hạnh từ khước, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán; điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: “*Này Subhadda, nếu các Tỷ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán*” là có liên quan đến ý nghĩa này. Tâu Đại vương, giáo pháp của bậc Đạo sư có căn bản là sự thực hành, có cốt lõi là sự thực hành, còn tồn tại khi nào sự thực hành chưa bị biến mất.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều Ngài nói là: “*Sự biến mất của Chánh pháp*”, sự biến mất của Chánh pháp ấy là gì?

– Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp. Ba điều gì? Sự biến mất của việc chứng đắc, sự biến mất của việc thực hành, sự biến mất của tướng mạo. Tâu Đại vương, khi việc chứng đắc bị biến mất, thì ngay cả đối với những người thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Khi việc thực hành bị biến mất, thì điều học và sự quy định bị biến mất, chỉ còn tướng mạo tồn tại. Khi tướng mạo bị biến mất, thì có sự đứt đoạn của truyền thống. Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, đã bị đổ vỡ, đã được làm cho không còn hào quang, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý nhất trong số các vị có đề chúng.

“Câu hỏi về sự biến mất của Chánh pháp” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐÚT PHÁP BẤT THIỆN (*Akusala cchedanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, hay là đã đạt đến bản thể toàn tri khi pháp bất thiện còn dư sót.

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện. Không có pháp bất thiện còn dư sót ở đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài, phải chăng các thọ khổ trước đây đã khởi lên ở cơ thể của đức Như Lai?

– Tàu Đại vương, đúng vậy. Ở Rājagaha, bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, khi cơ thể bị tiết ra chất dơ Jīvaka đã cho sử dụng liều thuốc xỏ, khi cơn bệnh gió phát khởi vị Trưởng lão thị giả đã tìm kiếm nước nóng.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, như thế thì lời nói rằng: “Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi” là sai trái. Nếu bàn chân của đức Như Lai đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, như thế thì lời nói: “Đức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện” cũng là sai trái. Thưa Ngài, không có cảm thọ tách rời khỏi nghiệp, tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp, được cảm nhận chỉ do nghiệp. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

3. – Tàu Đại vương, không hẳn tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp. Tàu Đại vương, các cảm thọ sanh lên do tám lý do, do các lý do ấy chúng sanh phạm phu cảm nhận các thọ. Do tám lý do nào? Tàu Đại vương, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là gió; tàu Đại vương... (nt)... có nguồn sanh khởi là mật; tàu Đại vương... (nt)... có nguồn sanh khởi là đàm; tàu Đại vương... (nt)... có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm]; tàu Đại vương... (nt)... do sự thay đổi của mùa tiết; tàu Đại vương... (nt)... do sự sinh hoạt không đều đặn; tàu Đại vương... (nt)... có liên quan đến việc ra sức; tàu Đại vương một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Tàu Đại vương, do tám lý do này chúng sanh phạm phu cảm nhận các thọ. Ở đây, những chúng sanh nào nói rằng: “Nghiệp đầy đọa các chúng sanh”, những người ấy phủ nhận lý do. Lời nói ấy của những người ấy là sai trái.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, việc có liên quan đến gió, việc có liên quan đến mật, việc có liên quan đến đàm, việc có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm], việc do sự thay đổi của mùa tiết, việc do sự sinh hoạt không đều đặn, việc có liên quan đến việc ra sức, tất cả các việc ấy có nguồn sanh khởi cũng ở nghiệp, tất cả các việc ấy tạo thành cũng do nghiệp.

– Tàu Đại vương, nếu tất cả các bệnh tật ấy có nguồn sanh khởi chỉ là nghiệp, thì chúng không có các đặc điểm để phân loại. Tàu Đại vương, gió trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo mười cách: Do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do ăn quá độ, do đứng, do tinh tấn, do chạy, do việc ra sức, do quả thành tựu của nghiệp. Trong số đó, có chín cách sanh lên không ở quá khứ, không ở vị lai, mà ở bản thể hiện tại. Vì thế, không nên nói rằng: “Tất cả các thọ có sự tạo thành do nghiệp.”

Tàu Đại vương, mật trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do vật thực không đều. Tàu Đại vương, đàm trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do thức ăn thức uống. Tàu Đại vương, cái nào là gió, cái nào là mật, cái nào là đàm, sau khi bị rối loạn do các sự rối loạn bởi chúng, sau khi có sự trộn lẫn thì kéo theo thọ của từng cái một.

Tâu Đại vương, thọ do sự thay đổi của mùa tiết sanh lên do sự thay đổi của mùa tiết, thọ do sự sinh hoạt không đều đặn sanh lên do sự sinh hoạt không đều đặn. Tâu Đại vương, thọ có liên quan đến việc ra sức thì có cái do hành động, có cái do quả thành tựu của nghiệp. Thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp sanh lên do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, như thế do quả thành tựu của nghiệp thì ít, phần còn lại thì nhiều hơn. Ở đây, những kẻ ngu vượt quá [khi cho rằng]: “Tất cả đều do quả thành tựu của nghiệp”; thiếu đi trí tuệ của đức Phật không thể thực hiện việc xác định đối với nghiệp ấy.

Tâu Đại vương, hơn nữa việc bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cảm thọ ấy không có nguồn sanh khởi là gió, không có nguồn sanh khởi là mật, không có nguồn sanh khởi là đàm, không có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm], không do sự thay đổi của mùa tiết, không do sự sinh hoạt không đều đặn, không do quả thành tựu của nghiệp, chỉ có liên quan đến việc ra sức. Tâu Đại vương, bởi vì Devadatta đã buộc oan trái với đức Như Lai nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã cầm lấy hòn đá to nặng rồi buông ra [nghĩ rằng]: “Ta sẽ làm cho rơi ở đỉnh đầu.” Khi ấy, có hai tảng đá khác đã tiến đến hứng chịu hòn đá ấy khi còn chưa chạm vào đức Như Lai. Do sự va chạm của chúng, có miếng đá bị bể đã rơi vào bàn chân của đức Thế Tôn và làm chảy máu. Tâu Đại vương, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu Đại vương, giống như hạt giống không nảy mầm hoặc là do tính chất tồi tệ của thửa ruộng, hoặc là do tính chất tồi tệ của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tự y như thế ấy, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vật thực trở nên lổn cổn hoặc là do tính chất tồi tệ của bao tử, hoặc là do tính chất tồi tệ của thức ăn. Tâu Đại vương, tương tự y như thế ấy, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu Đại vương, hơn nữa đối với đức Thế Tôn không có thọ do quả thành tựu của nghiệp, không có thọ do sự sinh hoạt không đều đặn. Đối với đức Thế Tôn, thọ sanh lên do các nguồn sanh khởi còn lại. Hơn nữa, không thể đoạt lấy mạng sống đức Thế Tôn bởi thọ ấy. Tâu Đại vương, các thọ được ưa thích hay không được ưa thích, tốt hay xấu, rơi xuống ở thân tứ đại này. Tâu Đại vương, ở đây cục đất được ném lên không trung thì rơi xuống đại địa cầu. Tâu Đại vương, phải chăng cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây?

5. – Thừa Ngài, không đúng. Thừa Ngài, không có nhân ấy ở đại địa cầu, mà do nhân ấy đại địa cầu nhận chịu quả thành tựu thiện hay bất thiện. Thừa Ngài, cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nhân hiện tại không có liên quan đến nghiệp.

– Tàu Đại vương, đại địa cầu là như thế nào thì đức Như Lai nên được xem xét như vậy. Giống như cục đất rơi xuống đại địa cầu không do nghiệp đã làm trước đây, tàu Đại vương, tương tự y như thế, đối với đức Như Lai miềng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân không do nghiệp đã làm trước đây. Tàu Đại vương, và lại ở đây con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu, tàu Đại vương, phải chăng con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây?

– Thừa Ngài, không đúng.

– Tàu Đại vương, tương tự y như thế ấy, miềng đá nào đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn miềng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn không do nghiệp đã làm trước đây. Tàu Đại vương, còn cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi trên đức Thế Tôn, cơn bệnh ấy đã phát khởi không do nghiệp đã làm trước đây, nó đã phát khởi có liên quan đến chính sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Tàu Đại vương, mọi cơn bệnh thuộc về thân đã phát khởi ở đức Thế Tôn, chúng đã không sanh ra do nghiệp, mà đã được sanh ra từ nguồn sanh khởi nào đó trong số sáu nguồn sanh khởi. Tàu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở lời giải thích cho Moliyasīvaka ở đoạn *Varalañchaka* (Dấu ấn cao quý) thuộc *Saṃyuttanikāya* (Tương ưng bộ) rằng:

“*Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, tự bản thân nên biết về điều này là một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, ngay cả đối với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: ‘Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quá khứ’, họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian. Vì thế, Ta nói rằng: ‘Điều sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.’* Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là đàm. Này Sīvaka... (nt)... có nguồn sanh khởi là gió. Này Sīvaka... (nt)... có nguồn sanh khởi là sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Này Sīvaka... (nt)... do sự thay đổi của mùa tiết. Này Sīvaka... (nt)... do sự sinh hoạt không đều đặn. Này Sīvaka... (nt)... có liên quan đến việc ra sức. Này Sīvaka một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka tự bản thân nên biết về điều này là một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka, ngay cả đối với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: ‘Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quá khứ’, họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian. Vì thế, Ta nói rằng: ‘Điều sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.’”

Tâu Đại vương, như thế không hẳn tất cả các thọ sanh ra do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự cắt đứt pháp bất thiện” là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CẦN PHẢI LÀM THÊM NỮA (*Uttarikaraṇīyābhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài đã nói rằng: **“Bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm.”** Và ba tháng thiền tịnh này được ghi nhận. Thưa Ngài Nāgasena, nếu bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, như thế thì lời nói ‘ba tháng thiền tịnh’ là sai trái. Nếu có ba tháng thiền tịnh, như thế thì lời nói ‘bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề’ cũng là sai trái. Không có thiền tịnh đối với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Giống như chỉ riêng đối với người bị bệnh thì có việc cần phải làm với thuốc men, còn đối với người không bị bệnh thì có việc gì với thuốc men? Chỉ riêng đối với người đói thì có việc cần phải làm với thức ăn, còn đối với người không đói thì có việc gì với thức ăn? Thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, không có thiền tịnh đối với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh. Nó được dành cho Ngài, nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, và đức Như Lai có thiền tịnh ba tháng. Tâu Đại vương, thiền tịnh quả là có nhiều công đức. Tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. Tâu Đại vương, giống như người nam đã nhận được ân huệ, đã đạt được của cải nhờ vào sự thân cận đức vua. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, gã liên tục đi đến phục vụ đức vua. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị nhiễm bệnh, khổ sở, có bệnh trầm trọng, sau khi đến gặp người thầy thuốc thì thành tựu sự an vui.

Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, gã thường xuyên đi đến gặp người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, tất cả các đức Như Lai đều thiên tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiên tịnh.

3. Tâu Đại vương, hơn nữa đây là hai mươi tám đức tính của thiên tịnh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh. Hai mươi tám đức tính gì? Tâu Đại vương, ở đây thiên tịnh hộ trì bản thân người đang thiên tịnh, làm tăng trưởng tuổi thọ, ban cho sức mạnh, lấp lại tội lỗi, loại trừ điều tai tiếng, đem lại danh tiếng, xua đi sự không hứng thú, cung cấp sự hứng thú, loại trừ sự sợ hãi, làm sanh lên sự tự tin, loại trừ sự lười biếng, tạo ra sự tinh tấn, loại trừ sự tham đắm, loại trừ sự sân hận, loại trừ sự si mê, tiêu diệt sự ngã mạn, phá vỡ sự suy tư, làm cho tâm chuyên nhất, làm cho tâm được trong sáng, sanh ra sự tươi vui, tạo sự kính trọng, làm cho đạt được sự lợi ích, tạo sự cung kính, khiến cho thành tựu hỷ, tạo sự hân hoan, làm cho thấy được bản thể của các sự tạo tác, diệt trừ sự nối liền với việc tái sanh, ban cho toàn bộ Sa-môn hạnh. Tâu Đại vương, đây là hai mươi tám đức tính của thiên tịnh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh.

Tâu Đại vương, hơn nữa với ý muốn tận hưởng sự an tịnh, an lạc, sự hứng thú trong việc chứng đạt, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh với ý định dứt khoát. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh vì bốn lý do. Vì bốn lý do gì? Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh vì tính chất an lạc của việc cư trú, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh nhằm sự gia tăng đức hạnh của việc không phạm lỗi lầm, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh vì đường lối trọn vẹn của bậc Thánh, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh vì đã được tán dương, khen ngợi, ca tụng của tất cả chư Phật. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh vì bốn lý do này. Tâu Đại vương, như thế các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh không phải vì có việc gì cần phải làm, không phải vì sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Quả vậy, các đức Như Lai tiến hành thiên tịnh vì thấy được tính chất đặc biệt về đức tính [của thiên tịnh].

— Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về tính chất không việc gì cần phải làm thêm nữa” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG LỰC CỦA THẦN THÔNG (*Iddhibaladassanapañho*)

1. — Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp. Này Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Từ nay cho đến hết ba tháng, Như Lai sẽ viên tịch Niết-bàn.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói

bởi đức Thế Tôn là: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp”**, như thế thì giới hạn ba tháng là sai trái. Nếu việc giới hạn ba tháng là sự thật, như thế thì lời nói rằng: **“Có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp”** là sai trái. Đối với các đức Như Lai, không có việc đã phát biểu về điều không có cơ sở. Chư Phật, Thế Tôn có lời nói không rồ dại, có lời nói chân thật, có lời nói không hai nghĩa. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, vô cùng khôn khéo, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Xin Ngài hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”** Và giới hạn ba tháng đã được nói đến. Và hơn nữa, kiếp ấy được gọi là kiếp của tuổi thọ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi đang tán dương năng lực của thần thông mà đã nói như vậy: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”** Tâu Đại vương, giống như con ngựa thuần chủng của đức vua có sự di chuyển nhanh với tốc độ của gió. Đức vua trong khi tán dương năng lực về tốc độ của con ngựa có thể nói ở giữa dân chúng gồm có thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính, Bà-la-môn, gia chủ, và các quan đại thần như vậy: “Này các khanh, con ngựa quý giá này của trẫm trong khi mong muốn có thể đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biển cả rồi đi về đây trong giây lát.” Dầu không phô bày sự di chuyển nhanh chóng cho hội chúng ấy, nhưng sự nhanh chóng ấy của nó được biết đến, và nó có khả năng đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biển cả trong giây lát.

Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, điều ấy đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa các vị A-la-hán có ba minh, sáu thắng trí, không ô nhiễm, có các lậu hoặc đã cạn kiệt, cùng với chư thiên và nhân loại rằng: *“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp. Này Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”* Tâu Đại vương, và năng lực thần thông ấy của đức Thế Tôn được biết đến, và đức Thế Tôn có khả năng tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp nhờ vào năng lực thần thông. Nhưng đức Thế Tôn không phô bày năng lực thần thông cho hội chúng ấy. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không có mong muốn đối với tất cả các hữu, và đối với đức Thế Tôn tất cả các hữu là bị chê trách. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: *“Này các Tỳ-khuru, cũng như phân bỏ dầu chỉ chút ít cũng có mùi thối, này các Tỳ-khuru, tương tự y như*

thế, Ta không ca ngợi về sự hiện hữu dầu chỉ chút ít, thậm chí chỉ là thời gian của một khoảnh khắc tay.” Tâu Đại vương, sau khi xem tất cả các hữu, các cảnh giới, và các nguồn đưa đến tái sinh là tương đương với phân bò, phải chăng đức Thế Tôn còn thể hiện sự ước muốn và tham đắm ở các hữu thông qua năng lực của thần thông?

– Thưa Ngài, không đúng.

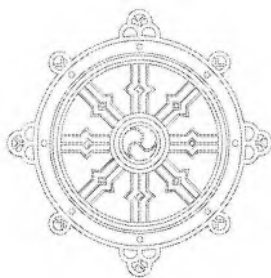
– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy trong khi tán dương năng lực của thần thông đức Thế Tôn đã gầm lên tiếng rống sư tử của bậc Giác Ngộ có hình thức như thế.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự nhận thức đối với năng lực của thần thông” là thứ mười.

Phẩm Năng lực của thần thông là phẩm thứ nhất.

(Ở phẩm này có mười câu hỏi)



II. PHÂM KHÔNG BỊ CHIA RẼ (*ABHEJJAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIỀU NHỎ NHẬT VÀ TIỂU TIẾT (*Khuddānukhuddakapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí.”** Và còn nữa, ở sự quy định về Luật, Ngài đã nói như vậy: **“Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết.”** Thưa Ngài Nāgasena, về việc đức Thế Tôn bảo hủy bỏ các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết sau khi Ngài đã tịch diệt, phải chăng các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết đã được quy định sai, hay là đã được quy định khi không có sự việc [xảy ra], sau khi đã không nhận biết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí”**, như thế thì lời nói rằng: **“Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết”** là sai trái. Nếu ở sự quy định về Luật, đức Như Lai đã nói như vậy: **“Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết”**, như thế thì lời nói: **“Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, tinh vi, tế nhị, vô cùng khôn khéo, vô cùng sâu xa, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài. Ở đây, xin Ngài hãy thể hiện sự triển khai về năng lực trí tuệ của Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí.”** Và ở sự quy định về Luật, Ngài đã nói như vậy: **“Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết.”** Tâu Đại vương, đức Như Lai đã nói điều ấy trong khi thử thách các vị Tỳ-khuru rằng: **“Sau khi Ta tịch diệt, các đệ tử của Ta, trong khi hết bị ràng buộc với Ta, thì sẽ loại bỏ các điều học nhỏ nhật và tiểu tiết, hay là sẽ gắn bó?”** Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương có thể nói với các con trai như vậy: **“Này các con, lãnh thổ rộng lớn này được bao bọc bởi đại dương ở tất cả các phương. Này các con, để duy trì chừng ấy [lãnh thổ] bằng binh lực là việc làm khó khăn. Này các con, sau khi**

ta bằng hà các con hãy buông bỏ các khu vực biên địa.” Tâu Đại vương, phải chăng sau khi vua cha bằng hà, các hoàng tử có thể buông lời tất cả các khu vực biên địa ấy là phần lãnh thổ đã nắm trong tay?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, các vị vua còn ham muốn nhiều hơn. Các hoàng tử vì lòng tham đối với vương quốc có thể tóm thâu lãnh thổ hai lần ba lần hơn thế nữa, làm sao họ có thể buông lời phần lãnh thổ đã nắm trong tay?

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai trong khi thử thách các vị Tỳ-khuru đã nói như vậy: “Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết.”

Tâu Đại vương, nhằm giải thoát hoàn toàn khổ đau, những người con trai của đức Phật với lòng tham muốn về giáo pháp có thể gìn giữ còn nhiều hơn một trăm năm mươi điều học, làm sao các vị lại buông lời điều học đã được quy định theo truyền thống?

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà đức Thế Tôn đã nói về “các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết”, ở đây đám người này là mê muội, bị sanh khởi nổi phân vân, bị tác động, bị khởi lên sự nghi ngờ. Các điều học nhỏ nhặt ấy là các điều nào? Các điều học tiểu tiết là các điều nào?

– Tâu Đại vương, điều học nhỏ nhặt là tội *dukkata* (đã làm sai trái). Điều học tiểu tiết là tội *dubbhāsita* (đã nói sai trái). Hai loại này là các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết. Tâu Đại vương, các vị Đại trưởng lão trước đây đã nêu lên sự phân vân về điều này. Do đức Thế Tôn mà câu hỏi này đã được nêu ra; nó cũng đã gây ra sự không đồng nhất trong cuộc thảo luận về việc duy trì giáo pháp bởi các vị ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều bí ẩn của đấng Chiến Thắng bị bỏ quên bấy lâu, vào lúc này hôm nay đã được mở ra, đã được làm rõ ràng ở thế gian.

“Câu hỏi về các điều nhỏ nhặt và tiểu tiết” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ CÂU TRẢ LỜI NÊN ĐƯỢC ĐÌNH CHỈ

(*Thapanīyabyākaraṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai.” Và thêm nữa khi được Trưởng lão Mālunḍiyyaputta hỏi câu hỏi, Ngài đã không trả lời. Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi này có hai đầu mối và sẽ được nương vào một đầu mối: Hoặc là do sự không biết hoặc là do việc che giấu. Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai”, như thế thì do không biết mà đã không trả lời cho Trưởng lão Mālunḍiyyaputta. Nếu trong khi biết mà đã không trả lời, như thế thì có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai”**, và câu hỏi được hỏi bởi Trưởng lão Mālun̄kyaputta đã không được trả lời. Nhưng điều ấy không phải do sự không biết, không phải do việc che giấu. Tâu Đại vương, đây là bốn cách trả lời câu hỏi. Bốn cách nào? “Câu hỏi nên được trả lời dứt khoát, câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích, câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại, câu hỏi nên được đình chỉ.”

Tâu Đại vương, câu hỏi **“nên được trả lời dứt khoát”** là câu hỏi nào? “Có phải sắc là vô thường” là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. “Có phải thọ là vô thường”, “có phải tưởng là vô thường”, “có phải các hành là vô thường”, “có phải thức là vô thường” là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. Đây là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát.

Câu hỏi **“nên được trả lời sau khi phân tích”** là câu hỏi nào? “Chẳng lẽ sắc là vô thường” là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. “Chẳng lẽ thọ là vô thường”, “chẳng lẽ tưởng là vô thường”, “chẳng lẽ các hành là vô thường”, “chẳng lẽ thức là vô thường” là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. Đây là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích.

Câu hỏi **“nên được trả lời bằng sự hỏi lại”** là câu hỏi nào? “Phải chăng nhận thức mọi thứ bằng con mắt?” Đây là câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại.

Câu hỏi **“nên được đình chỉ”** là câu hỏi nào? “Thế giới là thường còn” là câu hỏi nên được đình chỉ. “Thế giới là không thường còn”, “thế giới là có giới hạn”, “thế giới là không có giới hạn”, “thế giới là có giới hạn và không có giới hạn”, “thế giới không phải là có giới hạn và cũng không phải là không có giới hạn”, “mạng sống là vật ấy thân thể là vật ấy”, “mạng sống là vật khác thân thể là vật khác”, “có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”, “có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”, “có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”, “có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết” là câu hỏi nên được đình chỉ. Đây là câu hỏi nên được đình chỉ.

Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã không trả lời câu hỏi nên được đình chỉ ấy của Trưởng lão Mālun̄kyaputta. Vậy thì vì lý do gì mà câu hỏi ấy là nên được đình chỉ? Không có nguyên nhân hay là lý do cho việc làm sáng tỏ nó, do đó câu hỏi ấy là nên được đình chỉ. Đối với chư Phật Thế Tôn, không có việc thốt lên lời nói không có lý do, không có nguyên nhân.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc trả lời nên được đình chỉ” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG SỢ HÃI SỰ CHẾT (*Maccubhāyanābhāyanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết.” Và thêm nữa Ngài đã nói rằng: **“Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi.”** Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng vị A-la-hán không run sợ đối với mọi sự sợ hãi về hình phạt? Hay là các chúng sanh địa ngục bị đốt cháy, bị đun sôi, bị đốt nóng, bị đun nóng ở địa ngục, trong khi đang chết từ địa ngục có mạng lưới lửa cháy rực ấy, mới sợ hãi sự chết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”**, như thế thì lời nói rằng **“Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi”** là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi”**, như thế thì lời nói rằng: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

– Tâu Đại vương, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”** là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lớn, có tính khí thẳng trâm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”** là liên quan đến những người ấy. Tâu Đại vương, đối với vị A-la-hán, tất cả cảnh giới tái sanh đã bị chặt đứt, nguồn sản xuất đã bị tiêu hoại, sự nối liền với việc tái sanh đã bị hủy diệt, khung sườn đã bị phá vỡ, tất cả các điều kiện của hữu đã bị tiêu hủy, tất cả các hành đã bị trừ tuyệt, thiện và bất thiện đã bị thủ tiêu, vô minh đã bị tiêu tan, thức không còn chủng tử đã được tạo lập, tất cả phiền não đã được đốt cháy, các pháp thế gian đã được vượt lên; vì thế vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu Đại vương, ở đây bốn vị quan đại thần của đức vua là trung thành, đã đạt danh tiếng, được tin cậy, được phong tước vị có quyền hành lớn lao. Rồi vào lúc có sự việc cần làm nào đó sanh khởi, đức vua ra lệnh đến tất cả dân chúng ở trong lãnh địa của mình rằng: “Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm. Các khanh, bốn quan đại thần, hãy hoàn thành sự việc cần làm ấy.” Tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do nỗi sợ hãi về thuế có thể sanh khởi cho bốn vị quan đại thần ấy?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, bốn người ấy đã được đức vua phong tước vị tối cao. Không có thuế má đối với họ. Họ vượt qua khỏi các loại thuế má. Điều đã được đức vua ra lệnh: “Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm” là liên quan đến những người còn lại.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lớn, có tính khí

thăng trầm theo lạc và khô, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”** là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi.

– Thưa Ngài Nāgasena, lời nói ấy không bao gồm phần còn lại, lời nói “tất cả” ấy là trừ ra phần còn lại. Về việc ấy, xin Ngài hãy nói cho trầm thêm về lý do để xác định lời nói ấy.

– Tâu Đại vương, ở đây người trưởng làng ở ngôi làng có thể ra lệnh cho viên mõ làng rằng: “Này ông mõ làng, hết thầy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau chóng tụ tập lại trước mặt tôi.” Người ấy, sau khi chấp nhận: “Tốt lắm, thưa trưởng làng”, đã đứng ở giữa làng thông báo ba lần rằng: “Hết thầy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau mau tụ tập lại trước mặt trưởng làng.” Sau đó, do lời nói của viên mõ làng, các dân làng đã cấp tốc tụ tập lại rồi báo cho ông trưởng làng rằng: “Thưa trưởng làng, tất cả dân làng đã tụ tập lại. Ngài có việc gì cần làm, xin hãy tiến hành điều ấy.”

Tâu Đại vương, người trưởng làng ấy, trong khi bảo những người chủ chốt tụ tập lại, thì ra lệnh cho tất cả dân làng như thế, và những người (dân làng) ấy đều được ra lệnh nhưng không phải tất cả đều tụ tập lại, chỉ có những người chủ chốt tụ tập lại. Và người trưởng làng chấp nhận như thế: “Chỉ bấy nhiêu là dân làng của tôi.” Những người khác đã không đến là nhiều hơn: Đàn bà, đàn ông, tứ gái, tứ nam, người làm thuê, nhân công, khách lữ hành, người bệnh, bò, trâu, dê, cừu, chó; tất cả những ai không đến đều không tính. Điều đã được ra lệnh: “Tất cả hãy tụ tập lại” chỉ liên quan đến những người chủ chốt. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lớn, có tính khí thăng trầm theo lạc và khô, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”** là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi.

Tâu Đại vương, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa không thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa không thiếu sót. Ý nghĩa nên được tiếp thu theo từng trường hợp một.

Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm cách: Theo đoạn văn trích dẫn, theo nghĩa chính yếu, theo truyền thống của vị thầy, theo ý định, theo tính chất vượt trên lý do. Chính ở đây, **“đoạn văn trích dẫn”** là đoạn kinh thích hợp, **“nghĩa chính yếu”** là phù hợp với kinh, **“truyền thống của vị thầy”** là học thuyết của vị thầy, **“ý định”** là quan niệm của bản thân, **“tính chất vượt trên lý do”** là lý do đã được tổng hợp từ bốn cách này. Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm lý do này. Câu hỏi ấy nên được giải quyết một cách khéo léo đúng y như thế.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, hãy là như vậy, trăm chấp nhận điều ấy. Xem như các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này, và các chúng sanh còn lại run sợ. Trái lại, các chúng sanh địa ngục ở nơi địa ngục, trong khi cảm nhận các thọ khổ sắc bén, nhức nhối, với tất cả các phần thân thể và tứ chi bị thiêu đốt, bị đốt cháy, với miệng khóc lóc, rên rỉ thảm thương, than vãn, van xin, bị nhận lãnh các nỗi khổ đau sắc bén không thể chịu đựng, không có sự bảo vệ, không nơi nương nhờ, ở tình trạng không có chốn nương nhờ, không ít sâu bệnh, có cảnh giới tái sanh tận sau cùng, chốn đến kế tiếp toàn là sâu muộn, có sự đốt cháy và chói sáng nóng bức, mãnh liệt, dữ tợn và thô tháo, có các âm thanh ồn ào của tiếng gào thét gây ra sự khiếp đảm và sợ hãi, bị bao vây bởi màng lưới lửa sáu màu kết lại với nhau, với cường độ của ngọn lửa tỏa nóng đến một trăm do-tuần ở xung quanh, trong khi nói đến đại địa ngục cùng cực, nóng bức, có phải họ sợ hãi sự chết?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, chẳng lẽ địa ngục là phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau? Hơn nữa, tại sao các chúng sanh địa ngục phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau lại sợ hãi sự chết trong khi lìa khỏi địa ngục? Ở địa ngục có cái gì mà họ thích thú?

– Tâu Đại vương, không phải các chúng sanh địa ngục ấy thích thú nơi địa ngục, chúng quả có mong muốn được giải thoát khỏi địa ngục. Tâu Đại vương, điều ấy là oai lực của sự chết, vì điều ấy mà sự run sợ sanh khởi ở các chúng sanh ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, trăm không tin điều ấy là việc sự run sợ sự chết sanh khởi ở những người có mong muốn được giải thoát. Thưa Ngài Nāgasena, việc những người ấy đạt được điều đã mong mỏi; sự kiện ấy nực cười. Xin Ngài hãy giúp cho trăm hiểu bằng lý lẽ.

3. – Tâu Đại vương, cái “sự chết” này là cơ sở đem lại sự run sợ cho những người chưa nhìn thấy sự thật; hạng người này run sợ và bị kích động về việc này. Tâu Đại vương, và người nào sợ hãi rắn mãng xà, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi rắn mãng xà. Và người nào sợ hãi voi,... (nt)... sợ hãi sư tử, hổ, báo, gấu, chó sói, trâu rừng, bò mộng, lửa, nước, chông, gai. Và người nào sợ hãi gươm đao, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi gươm đao. Tâu Đại vương, việc chúng sanh còn phiền não run sợ, sợ hãi sự chết, điều ấy là quyền lực của thực chất và bản thể của sự chết. Tâu Đại vương, mặc dầu có mong muốn được giải thoát chúng sanh địa ngục cũng run sợ sự chết.

Tâu Đại vương, ở đây có bệnh mờ đóng cục sanh khởi ở thân thể của người đàn ông. Người ấy bị khổ sở vì căn bệnh ấy, có ước muốn được thoát khỏi hẳn cơn nguy kịch, nên cho mời người thầy thuốc phẫu thuật. Người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi chấp nhận người ấy, sẽ đem lại dụng cụ để lấy đi căn bệnh ấy của người ấy, sẽ mài bén con dao mổ, sẽ đặt thanh dẹp cho việc đốt nóng

ở ngọn lửa, sẽ cho nghiền nát chất kiềm và muối ở đá nghiền, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ có thể sanh khởi ở người bệnh ấy do việc mổ xẻ bằng con dao bén, do việc đốt nóng bằng hai thanh dẹp, do việc đắp vào chất kiềm và muối?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

4. – Tâu Đại vương, như thế người bệnh ấy, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi căn bệnh, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về cảm thọ sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, các chúng sanh địa ngục mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết sanh khởi. Tâu Đại vương, ở đây có người là kẻ phạm tội đối với chủ nhân bị bắt, bị tống vào phòng giam với sự trói lại bằng sợi xích, có ước muốn được tự do. Chủ nhân ấy, có ý muốn trả tự do, bảo đưa người ấy đến, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do việc nhìn thấy chủ nhân sẽ sanh khởi ở người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, trong khi biết rằng: “Ta đã làm quấy”?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, như thế người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, mặc dầu có ước muốn được tự do, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi chủ nhân sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với các người ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sẽ sanh khởi ở nơi họ.

– Thưa Ngài, xin hãy nói thêm về lý do khác nữa, nhờ vào lý do ấy trầm có thể xác định niềm tin.

5. – Tâu Đại vương, ở đây có người nam bị cắn bởi rắn độc có nọc độc ở nanh. Do tác động của nọc độc ấy, người ấy ngã xuống, té lên, lăn qua, lăn lại. Khi ấy, có một người nam khác với câu bùa chú có năng lực đem lại con rắn độc có nọc độc ở nanh ấy, rồi cho hút ngược trở lại nọc độc ở nanh ấy, tâu Đại vương, đối với người nam bị nhiễm nọc độc ấy, khi con rắn có nọc độc ở nanh ấy đang tiến đến gần với nguyên nhân tốt lành, phải chăng nỗi run sợ có thể sanh khởi ở người ấy?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, ở hình thức tương tự như thế, trong khi con rắn đang tiến đến gần, mặc dầu với nguyên nhân tốt lành, nỗi run sợ cũng sanh khởi ở người ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế đối với các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sanh khởi nơi họ. Tâu Đại vương, đối với tất cả chúng sanh, sự chết là điều không được mong muốn. Do đó, các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng sợ hãi về sự chết.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc sợ hãi hay không sợ hãi sự chết” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ SỰ THOÁT KHỎI CÁI BẦY CỦA THÂN CHẾT (*Maccupāsāmuttikapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Không phải ở bầu trời, không phải ở giữa biển khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thân không thể áp đảo người đứng ở nơi ấy, vì khu vực ấy ở trên trái đất không được tìm thấy.”**

Và thêm nữa, các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra như là: *Ratanasutta*, *Khandhaparitta*, *Moraparitta*, *Dhajaggaparitta*, *Āṭānāṭṭiyaparitta*, *Angulimālaparitta*. Thưa Ngài Nāgasena, nếu cho dầu đi đến không trung, cho dầu đi đến giữa biển khơi, cho dầu đi đến tòa lâu đài, chòi, hang, động, sườn núi, hốc kẹt, khe núi, bên trong tảng đá mà cũng không được thoát khỏi gông cùm của thân chết, như thế thì công việc chú thuật hộ trì là sai trái. Nếu do công việc chú thuật hộ trì mà có sự thoát khỏi gông cùm của thân chết, như thế thì lời nói rằng: **“Không phải ở bầu trời,... (nt)... không được tìm thấy”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị thất lại còn hơn nút thắt, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tàu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Không phải ở bầu trời, không phải ở giữa biển khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thân không thể áp đảo người đứng ở nơi ấy, vì khu vực ấy ở trên trái đất không được tìm thấy.”

Và các bài kinh hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra. Tuy nhiên, điều ấy là dành cho người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử, tàu Đại vương, nhưng không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tàu Đại vương, giống như đối với cây đã chết, khô héo, ráo nhựa, hết tươi tắn, sức sống đã bị ngưng lại, sự tạo tác của tuổi thọ đã qua, trong khi rưới nước dầu là một ngàn chậu cũng không thể trở nên tươi tắn hoặc có trạng thái đâm chồi mọc lá xanh. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt bằng thuốc men và việc làm chú thuật hộ trì. Tàu Đại vương, những thuốc men chữa bệnh ở trên trái đất thì cũng không làm được phận sự gì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tàu Đại vương, chú thuật hộ trì bảo vệ, gìn giữ người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử. Vì sự lợi ích ấy mà các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra.

Tàu Đại vương, giống như người nông dân có thể ngăn cản việc dẫn nước vào khi lúa đã chín đều, cọng lúa đã khô. Trái lại, khi cây lúa còn non, tương tự như đám mây, đã đạt đến lúc trưởng thành, thì nó phát triển nhờ vào sự cung cấp nước. Tàu Đại vương, tương tự y như thế đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt, các việc áp dụng thuốc men và chú thuật hộ trì bị đình chỉ, bị chối bỏ. Trái lại, những người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, vì lợi ích cho

những người ấy chú thuật hộ trì và thuốc men được đề cập đến. Những người ấy lớn mạnh nhờ vào chú thuật hộ trì và thuốc men.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu người có tuổi thọ đã cạn kiệt thì chết, người có tuổi thọ vẫn còn thì sống, như thế thì chú thuật hộ trì và thuốc men là không có lợi ích.

– Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nhìn thấy trước đây một loại bệnh nào đó được đẩy lùi bởi các loại thuốc men?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nhìn thấy hàng trăm.

– Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: “Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích” là sai trái.

– Thưa Ngài Nāgasena, các sự nỗ lực của các thầy thuốc gồm có thuốc men, thức uống, cao bôi được nhìn thấy, nhờ sự nỗ lực ấy của các thầy thuốc mà căn bệnh được đẩy lùi.

– Tâu Đại vương, trong khi những người đang tụng đọc các chú thuật hộ trì thì tiếng của họ được nghe, lưỡi bị khô, tim đập mạnh, cổ họng bị khan tiếng. Nhờ vào sự vận hành ấy của các chú thuật hộ trì mà tất cả các bệnh tật được tiêu trừ, tất cả các sự rủi ro qua đi. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nhìn thấy trước đây người nào đó bị rắn cắn đang tẩy trừ nọc độc, đang làm tiêu tan nọc độc, đang rửa sạch bên trên bên dưới nhờ vào câu chú thuật?

4. – Thưa Ngài, đúng vậy. Thậm chí vào lúc này hôm nay điều ấy vẫn tồn tại ở thế gian.

– Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: “Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích” là sai trái. Tâu Đại vương, bởi vì người có chú thuật hộ trì đã được thực hiện thì con rắn, có ý định cắn, vẫn không cắn và ngậm lại cái miệng đã há ra. Thậm chí cây côn của các kẻ trộm dầu đã được nâng lên cũng không có tác dụng; chúng buông rơi cây côn và thể hiện sự triu mến. Ngay cả con long tượng bị lên cơn giận dữ đang lao đến cũng dịu lại. Khối lửa lớn đã phát cháy đang tiến gần cũng bị tắt ngấm. Thậm chí chất độc dữ tợn đã được ăn vào tự biến thành thuốc giải độc hoặc là phát tán theo dạng thức ăn. Những kẻ giết người có ý định giết chết sau khi đến gần thì trở nên trạng thái của người nô lệ. Ngay cả bầy sập đã được bước lên cũng không hoạt động. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về con chim công có chú thuật hộ trì đã được thực hiện khiến người thợ săn trong bảy trăm năm đã không thể dụ đến gần bầy sập. Khi chú thuật hộ trì không được thực hiện thì chính vào ngày ấy người thợ săn đã dụ được nó vào bầy sập.

– Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên.

5. – Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: “Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích” là sai trái. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về người khổng lồ, trong khi gìn giữ người vợ, liền cho

vào vỏ bọc, nuốt vào và mang theo ở trong bụng. Khi ấy, có người thầy pháp đã đi vào miệng của người không lồ ấy và vui thú với người vợ. Đến khi người không lồ ấy biết được thì ói ra cái bọc rồi mở nó ra. Khi cái bọc được mở ra thì người thầy pháp đã thoát thân theo như ý muốn.

– Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy cũng đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên.

– Tâu Đại vương, không lẽ người thầy pháp ấy được thoát khỏi sự bắt giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì.

6. Tâu Đại vương, hơn nữa phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây về một người thầy pháp khác gian dối với hoàng hậu ở nội cung của đức vua xứ Bārāṇasī, trong khi đang bị bắt giữ thì trong phút chốc đã trở nên không còn nhìn thấy nhờ vào năng lực của chú thuật?

– Thưa Ngài, có được nghe.

– Tâu Đại vương, không lẽ người thầy pháp ấy được thoát khỏi sự bắt giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải chú thuật hộ trì bảo vệ cho tất cả?

– Tâu Đại vương, bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì chú thuật hộ trì là không có lợi ích cho tất cả.

– Tâu Đại vương, phải chăng vật thực bảo vệ mạng sống cho tất cả?

– Thưa Ngài, bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, khi một số người ăn vào quá nhiều chính vật thực ấy thì bị chết vì bệnh ói mửa.

– Tâu Đại vương, như thế thì vật thực không bảo vệ mạng sống cho tất cả.

– Thưa Ngài Nāgasena, vật thực tước đoạt mạng sống vì hai lý do: Do đã ăn quá nhiều hoặc do năng lực yếu kém của lửa [tiêu hóa]. Thưa Ngài Nāgasena, vật thực là vật ban cho tuổi thọ, do việc sử dụng sai trái mà tước đoạt mạng sống.

7. – Tâu Đại vương, tương tự y như thế, chú thuật hộ trì bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì không bảo vệ vì ba lý do: Do sự ngăn cản của nghiệp, do sự ngăn cản của phiền não, do sự không có niềm tin. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì là sự bảo tồn chúng sanh, nhưng buông bỏ sự bảo vệ do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như người mẹ nuôi dưỡng đứa con đã nhập thai, rồi sanh ra với sự chăm sóc tốt đẹp. Sau khi

sanh ra, còn tẩy uế vật dơ, chất bẩn và nước nhầy, rồi thoa hương thơm quý giá hạng nhất. Vào thời gian sau, khi những người con trai của những kẻ khác đang mắng chửi hoặc đánh [nó], nó đánh lại chúng. Những người ấy nổi giận với nó rồi lôi đến nơi tập thể, và nắm lấy nó đưa đến các vị chủ quản. Nếu người con trai của bà ấy là phạm tội, vượt qua luật lệ, thì đám người [ấy], trong khi lôi kéo nó đến các vị chủ quản, quất roi, đánh đập nó bằng gậy gộc, dùi cui, đầu gối, nắm tay. Tâu Đại vương, đối với việc lôi đi, kéo lê, bắt giữ để thực hiện việc đưa đến gặp các vị chủ quản, phải chăng người mẹ của nó gánh chịu?

8. – Thưa Ngài, không đúng.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì sự phạm tội của bản thân [người con trai].

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, sự bảo vệ các chúng sanh trở nên vô hiệu vì sự phạm tội của bản thân.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, mạng lưới tà kiến đã bị tháo rời, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

“Câu hỏi về sự thoát khỏi cái bẫy của thần chết” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ SỰ CHƯỞNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THỂ TÔN (*Bhagavato lābhanārāyapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: “Đức Thể Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh.” Và thêm nữa, “Đức Thể Tôn sau khi đi vào khát thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thể Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh, như thế thì lời nói rằng: “Đức Thể Tôn sau khi đi vào khát thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế” là sai trái. Nếu đức Thể Tôn sau khi đi vào khát thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế, như thế thì lời nói rằng: “Đức Thể Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng quan trọng, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, đức Thể Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh. Ngài sau khi đi vào khát thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã

trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế. Tuy nhiên, việc làm ấy có lý do là bởi Ma vương ác độc.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì thiện pháp của đức Thế Tôn, được tạo lập theo cách thức tính toán bằng kiếp sống đã trải qua, đã được hoàn tất như thế nào? Sự triển khai về tốc độ và năng lực của thiện pháp ấy đã bị Ma vương ác độc, kẻ mới xuất hiện vào lúc này, đóng lại như thế nào? Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì trong việc này sự chỉ trích tiếp cận dựa trên hai cơ sở: Bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vì lý do gì mà cây cối lại có ngọn mang nặng hơn cả rễ? Và điều ác lại có sức mạnh hơn cả đức hạnh đã được tích tụ?

3. – Tâu Đại vương, đương nhiên chỉ với chừng ấy thì không thể nói là bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vậy thì lý do ở trường hợp này là được mong mỏi. Tâu Đại vương, giống như có người đàn ông đem mật ong, hoặc bánh mật ong, hoặc tặng phẩm dâng lên đức Chuyển Luân Vương, người gác cổng của đức vua nói với người ấy như vậy: “Này ông, nay không phải là thời điểm để diện kiến đức vua. Này ông, như thế thì ông hãy cầm lấy tặng phẩm của ông và mau mau đi trở lui. Chớ để đức vua giáng hình phạt đến ông.” Do đó, người đàn ông ấy bị run rẩy, bị chần động do nỗi sợ hãi về hình phạt, liền cầm lấy tặng phẩm ấy và mau mau đi trở lui. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với từng ấy sự việc không đúng thời điểm của tặng phẩm mà gọi là đức Chuyển Luân ấy có năng lực kém hơn người gác cổng, hay là đức Chuyển Luân còn có thể nhận bất cứ tặng phẩm nào khác nữa?

4. – Thưa Ngài, không đúng. Do bản chất ganh ghét mà người gác cổng ấy ngăn chặn tặng phẩm. Tuy nhiên tặng phẩm của đức vua, thậm chí có phẩm chất cả trăm ngàn lần, đi đến bằng cánh cửa khác.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, do bản chất ganh ghét mà Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Trái lại, hàng trăm ngàn thiên nhân mang theo thuốc bất tử, là dưỡng chất của cõi trời, đến gần lễ bái đức Thế Tôn rồi đứng chấp tay [thưa rằng]: “Chúng tôi sẽ đặt dưỡng chất vào cơ thể của đức Thế Tôn.”

– Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Đối với đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân ở thế gian, bốn món vật dụng là dễ dàng nhận được, chừng ấy thức ăn được thọ nhận theo như ước muốn. Được thỉnh cầu bởi chư thiên và nhân loại mà đức Thế Tôn thọ dụng bốn món vật dụng. Tuy nhiên, ý định của Ma vương có sự thành tựu liền tức thời, là việc Ma vương đã tạo ra sự chướng ngại về vật thực đến đức Thế Tôn. Thưa Ngài, trong việc này nỗi hoài nghi của trăm không được cắt đứt. Trăm bị sanh khởi nổi phân vân, bị rơi vào sự nghi ngờ. Về việc ấy, tâm ý của trăm không chấp nhận việc Ma vương, là thầy ma, hèn hạ, nhỏ nhoi, độc ác, không cao thượng, tội lỗi, đã tạo ra sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhân vật cao quý tối

cao ở thế gian có cả chư thiên, cội nguồn của những phước báu cao quý về thiện pháp, không ai sánh bằng, không kẻ tương đương, không người tương xứng.

5. – Tâu Đại vương, quả là có bốn sự chướng ngại: Chướng ngại do chưa được nhìn thấy, chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng. Ở đây, **chướng ngại do chưa được nhìn thấy** nghĩa là khi vật được làm xong còn chưa chỉ định [người nhận] do việc chưa nhìn thấy thì có người nào đó tạo ra sự chướng ngại rằng: ‘Có điều gì với việc cho đến người khác?’ Đây gọi là chướng ngại do chưa được nhìn thấy. **Chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận]** là thế nào? Ở đây, vật thực là được chuẩn bị dành cho, được chỉ định cho một cá nhân, rồi có người nào đó tạo ra sự chướng ngại cho người ấy. Đây gọi là chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận]. **Chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong** là thế nào? Ở đây, bất cứ vật gì đã được chuẩn bị xong còn chưa được thọ nhận. Tại nơi ấy, có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong. **Chướng ngại về sự thọ dụng** là thế nào? Ở đây là bất kỳ sự thọ dụng nào, tại nơi ấy có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại về sự thọ dụng. Tâu Đại vương, đây là bốn sự chướng ngại.

Hơn nữa, việc Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā là vật thọ dụng còn chưa thuộc về đức Thế Tôn, chưa được đem đến gần, chưa được chỉ định [người nhận], và Ngài còn chưa đi đến, chưa ngự đến; chướng ngại đã được tạo ra đối với Ngài là do việc chưa được nhìn thấy. Hơn nữa, việc ấy không phải chỉ riêng một mình đức Thế Tôn. Vào thời điểm ấy, thậm chí tất cả những người đã rời khỏi, đã đi đến vào ngày hôm ấy cũng đã không nhận được vật thực. Tâu Đại vương, tôi không nhìn thấy người nào ở thế gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, có thể tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn ấy được. Nếu có kẻ nào đó do ganh ghét rồi tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng [đối với đức Thế Tôn] thì sẽ khiến cho đầu của kẻ ấy vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh.

6. Tâu Đại vương, đây là bốn đức tính không thể bị che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Bốn đức tính gì? Tâu Đại vương, lợi lộc đã được chỉ định dành cho đức Thế Tôn, đã được chuẩn bị xong, thì không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, ánh sáng hào quang của đức Thế Tôn là di chuyển dọc theo thân, không người nào có thể tạo ra chướng ngại. Tâu Đại vương, bản thể toàn tri là vật báu trí tuệ của đức Thế Tôn, không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, không người nào có thể tạo ra chướng ngại đến mạng sống của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, đây là bốn đức tính không thể bị che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Tâu Đại vương, tất cả các đức tính này chỉ có một phẩm chất, không bị bệnh, không bị chuyển

dịch, không có sự sánh kịp bởi những người khác, là những sự việc không bị đụng chạm. Tâu Đại vương, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ấn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, giống như ở các vùng biên địa không bằng phẳng của đức vua, nhờ vào việc không nhìn thấy, các kẻ cướp đã ẩn nấp rồi làm hư hỏng con đường. Tuy nhiên, nếu đức vua nhìn thấy các kẻ cướp ấy, phải chăng những kẻ cướp ấy có thể đạt được sự bình yên?

– Thưa Ngài, không đúng. Đức vua có thể ra lệnh phanh thây bằng búa thành trăm mảnh hay ngàn mảnh.

7. – Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ấn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn bà có chồng nhờ vào việc không nhìn thấy, ấn núp rồi gần gũi người đàn ông khác. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ấn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu người đàn bà gần gũi người đàn ông khác trước mặt chồng, phải chăng người đàn bà ấy có thể đạt được sự bình yên?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người chồng có thể giết chết, hành hạ, giam cầm cô ấy, hoặc đem đi làm nô lệ.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ấn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ma vương ác độc đã làm điều ấy tương tự như kẻ cướp. Ma vương ác độc đã ấn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Thưa Ngài, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh, hoặc thân thể của Ma vương có thể tan tác như là nắm trâu.

Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

**“Câu hỏi về sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Thế Tôn”
là thứ năm.**

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI Ở HÀNH ĐỘNG ÁC CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT (*Ajānantassa pāpakaraṇe bahu-apuññaṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: “Người nào giết hại mạng sống trong khi không biết, người ấy tạo ra tội trầm trọng hơn.” Và thêm

nữa, ở phần quy định về Luật, đức Thế Tôn đã nói như vậy: “Người không biết thì không vi phạm tội.” Thưa Ngài Nāgasena, nếu người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn, như thế thì lời nói rằng: “Người không biết thì không vi phạm tội” là sai trái. Nếu người không biết thì không vi phạm tội, như thế thì lời nói rằng: “Người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khó vượt trội, khó vượt qua, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Người nào giết hại mạng sống trong khi không biết, người ấy tạo ra tội trầm trọng hơn.” Và thêm nữa, ở phần quy định về Luật, đức Thế Tôn đã nói như vậy: “Người không biết thì không vi phạm tội.” Tuy nhiên, trường hợp ấy có sự khác biệt về ý nghĩa. Sự khác biệt về ý nghĩa ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, có loại tội vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vi phạm không có sự nhận thức. Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: “Người không biết thì không vi phạm tội” có liên quan đến loại tội ấy, là loại tội vi phạm có sự nhận thức.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

**“Câu hỏi về việc có nhiều tội ở hành động ác của người không biết”
là thứ sáu.**

7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HỘI CHÚNG TỖ-KHUU (*Bhikkhusaṅghapariharaṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vậy: “Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu”** hoặc là: **“Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta.”** Và thêm nữa, trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vậy: **“Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vậy: “Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu”** hoặc là: **“Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta”**, như thế thì trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài nói rằng: **“Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm”**, lời nói ấy là sai trái.

Nếu trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vậy: **“Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm”**, như thế thì lời nói rằng: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vậy: “Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu”** hoặc là: **“Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta”** là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vậy: “Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khuru”** hoặc là: **“Hội chúng Tỳ-khuru là thuộc sự chỉ đạo của Ta.”** Và trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vậy: **“Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khuru nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khuru nhiều trăm năm.”** Tâu Đại vương, ở câu hỏi này, một ý nghĩa có sự thiếu sót, một ý nghĩa không có sự thiếu sót. Tâu Đại vương, đức Như Lai không phụ thuộc vào tập thể, trái lại tập thể phụ thuộc vào đức Như Lai. Tâu Đại vương, điều này là quan niệm chung: “Tôi”, “của tôi”, điều này không phải là ý nghĩa tuyệt đối. Tâu Đại vương, đối với đức Như Lai việc được lìa xa là điều ưa thích, việc được lìa xa là điều yêu mến. Đối với đức Như Lai không có sự nắm giữ như là “của tôi”. Tuy nhiên, do sự bám víu mà có sự nương nhờ. Tâu Đại vương, giống như địa cầu đất là nơi nâng đỡ cho các chúng sanh có sự cư ngụ ở mặt đất. Và các chúng sanh này cư ngụ ở địa cầu. Nhưng đại địa cầu không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: “Họ thuộc về tôi.” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai là nơi nâng đỡ cho tất cả chúng sanh và ban cho chỗ ẩn náu. Và các chúng sanh này có đức Như Lai là chốn nâng đỡ. Nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: “Họ thuộc về tôi.”

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ trong khi đổ mưa thì ban cho sự tăng trưởng của cỏ, cây, thú vật, loài người, rồi duy trì sự tiếp nối. Và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ vào mưa, nhưng đám mây lớn không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: “Họ thuộc về tôi.” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai làm sanh ra và duy trì các pháp thiện đối với tất cả các chúng sanh, và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ có đấng Đạo Sư, nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: “Họ thuộc về tôi.” Điều ấy có nguyên nhân là gì? Sự dứt bỏ đối với tà kiến về bản thân [tùy ngã kiến].

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, điều thâm sâu đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, (pháp) nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng.

“Câu hỏi về việc quản trị hội chúng Tỳ-khuru” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỘI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ (*Abhejjaparisatāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **“Đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ.”** Và còn có nói rằng: **“Năm trăm Tỳ-khuru đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ, như thế thì lời nói rằng: **“Năm trăm Tỳ-khuru đã bị chia**

rẽ cùng một lúc bởi Devadatta” là sai trái. Nếu năm trăm Tỳ-khuru đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta, như thế thì lời nói rằng: “Đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ” là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, là thâm sâu, khó tháo gỡ, bị thất lại còn hơn nút thắt. Ở đây, nhóm người này là bị ngăn cản, bị bùng bít, bị che đậy, bị bao trùm. Xin Ngài hãy phô bày năng lực trí tuệ của Ngài về các lời nói của những người khác.

2. – Tâu Đại vương, đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ. Và năm trăm Tỳ-khuru đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta. Tuy nhiên, việc ấy là do năng lực của người chia rẽ. Khi người chia rẽ đang hiện hữu, tâu Đại vương, không có việc không bị chia rẽ. Khi có người chia rẽ, mẹ cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với mẹ, cha cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với cha, anh em trai cũng bị chia rẽ với chị em gái, chị em gái cũng bị chia rẽ với anh em trai, bạn bè cũng bị chia rẽ với bạn bè, thậm chí con thuyền được kết hợp bởi nhiều thanh gỗ cũng bị chia rẽ bởi tốc độ và sự đập vỗ của sóng nước, cây cối có trái đầy đủ chất mật ngọt bị va chạm với sức mạnh và tốc độ của gió cũng bị chia rẽ, vàng có phẩm chất tự nhiên cũng bị chia rẽ bởi đồng.

3. Tâu Đại vương, vả lại việc này không phải là ý định của những người hiểu biết, không phải là khuynh hướng của chư Phật, điều này không phải là ước muốn của các bậc sáng suốt, là việc “Đức Như Lai có hội chúng bị chia rẽ.” Hơn nữa, ở đây còn có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai được gọi là “có hội chúng không bị chia rẽ.” Lý do ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, ‘hội chúng bị chia rẽ’ do sự không bố thí đã làm, hoặc do lời nói không triu mến, hoặc do việc thực hành điều không lợi ích, hoặc do tính cách không bình đẳng của đức Như Lai trong lúc Ngài đang thực hành đức hạnh về bất cứ việc nào ở bất cứ nơi đâu là điều chưa từng được nghe trước đây. Bởi lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “có hội chúng không bị chia rẽ.” Tâu Đại vương, Đại vương cũng nên biết điều này: Trong lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại, có bài kinh được truyền thừa nào gọi là với lý do này, [nghĩa là] với việc đã làm của Bồ-tát, mà hội chúng của đức Như Lai bị chia rẽ?

– Thưa Ngài, không có. Điều ấy không được thấy, cũng không được nghe ở thế gian. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc hội chúng không bị chia rẽ” là thứ tám.

Phẩm Không bị chia rẽ là phẩm thứ nhì.

(Ở phẩm này có tám câu hỏi)

III. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUỔI ĐI (*PAṆĀMITAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG (*Setṭhadhammapañho*)

1. –Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai.”** Và thêm nữa, **“người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đạo xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đánh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khuru hoặc Sa-di phạm nhân.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **“Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai”**, như thế thì lời nói rằng: **“Người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đạo xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đánh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khuru hoặc Sa-di phạm nhân”** là sai trái. Nếu người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đạo xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đánh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khuru hoặc Sa-di phạm nhân, như thế thì lời nói rằng: **“Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai”**, và **“người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đạo xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đánh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khuru hoặc Sa-di phạm nhân.”** Hơn nữa, ở trường hợp này là có lý do. Lý do ấy là gì?

Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp **tạo thành Sa-môn** và hai đặc điểm của vị Sa-môn, do những điều ấy vị Sa-môn là xứng đáng với sự đánh lễ, đứng dậy, kính nể, cúng dường.

Hai mươi pháp **tạo thành Sa-môn** và hai đặc điểm của vị Sa-môn là những pháp nào? Sự đặt đế ở địa vị tối thượng, sự kèm chế tội đình, sự thực hành, sự an trú [tứ vô lượng tâm], sự thu thúc [giác quan], sự phòng hộ [trong Giới bổn], sự kham nhẫn, hiền hòa, thực hành sự đơn độc, thích thú sự đơn độc, ẩn cư thiên tịnh, tâm quý, tinh tấn, không xao lãng, thọ trì việc học tập, việc đọc tụng [Chánh tạng], học hỏi [Chú giải], thỏa thích giới, định, tuệ, không mong

cầu, có sự tròn đủ các điều học, việc mặc y ca-sa và hình thức cạo tóc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vị Sa-môn.

Vị Tỳ-khưu thọ trì và hành theo các đức tính này. Do tính chất không thiếu sót, do tính chất đã được tròn đủ, do trạng thái đã đạt đến đầy đủ, vị ấy tiến vào địa vị của bậc Vô Học, địa vị của bậc A-la-hán, tiến vào vị thế tối thượng khác nữa. [Nghĩ rằng:] “Là vị đã đi đến gần phẩm vị A-la-hán”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Vị ấy chính là bậc có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã tiến đến bản thể Sa-môn, cơ hội ấy chưa có đối với ta”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Vị ấy đã tiến đến hội chúng tối cao, ta chưa tiến đến vị thế ấy”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Vị ấy đạt được tư cách để nghe đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*), ta chưa đạt được tư cách để nghe điều ấy”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Vị ấy cho những người khác xuất gia, cho tu lên bậc trên, làm tăng trưởng giáo pháp của đấng Chiên Thắng, ta chưa đạt được tư cách để làm việc này”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Là vị có sự thực hành đầy đủ về các điều học nhiều vô số, ta không thực hành về các điều ấy”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Vị ấy đã tiến đến biểu tượng của Sa-môn, đã tồn tại trong sự mong muốn của đức Phật, ta bị tách rời ra xa đối với biểu tượng ấy”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

[Nghĩ rằng:] “Vị ấy có lông nách mọc dài, không thoa son, không trang sức, được bồi xúc bằng hương thơm của giới, còn ta thì thích thú việc trang sức, tô điểm”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

Tâu Đại vương, và thêm nữa [nghĩ rằng]: “Hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm ấy, tất cả các pháp này được hiện hữu ở vị Tỳ-khưu, chính vị ấy duy trì các pháp ấy, thậm chí còn cho những người khác học tập về việc ấy, sự truyền thừa ấy và việc huấn luyện [người khác] là không có đối với ta”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân.

3. Tâu Đại vương, giống như vị hoàng tử thu thập kiến thức và học tập lẽ lối của dòng dõi Sát-đế-ly nơi vị quân sư. Vị ấy, về sau này, đã được đăng quang, vẫn đánh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị thầy [nghĩ rằng]: “Người này là vị tạo điều kiện cho ta việc học tập.” Tâu Đại vương, tương tự y như thế [nghĩ rằng]:

“Vị Tỳ-khuru là vị tạo điều kiện cho việc học tập, người duy trì truyền thống”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đánh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khuru phạm nhân. Tâu Đại vương, hơn nữa theo cách thức này, Đại vương hãy nhận biết trạng thái vĩ đại và bao la không sánh bằng này của địa vị Tỳ-khuru. Tâu Đại vương, nếu người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu chứng ngộ phẩm vị A-la-hán, đối với người ấy chỉ có hai lối đi, không có lối khác: Hoặc là vô dư Niết-bàn nội trong ngày hôm ấy, hoặc là tiến đến trạng thái Tỳ-khuru. Tâu Đại vương, bởi vì sự xuất gia ấy là không bị dao động, vĩ đại, vươn lên cao tột đỉnh, tức là địa vị Tỳ-khuru.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi liên quan đến trí tuệ đã khéo được tháo gỡ bởi Ngài là người có năng lực và vô cùng sáng suốt. Không có người nào khác có khả năng để tháo gỡ câu hỏi này như vậy, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như Ngài.

“Câu hỏi về giáo pháp tối thượng” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ SỰ BAN PHÁT ĐIỀU LỢI ÍCH ĐẾN TẤT CẢ CHÚNG SANH (*Sabbasattahitapharaṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **“Đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh.”** Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: **“Trong khi bài pháp *Ví dụ về đồng lửa*¹⁶ đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khuru có số lượng sáu mươi vị.”** Thưa Ngài, trong khi đức Như Lai đang thuyết giảng bài pháp *Ví dụ về đồng lửa*, Ngài đã xua đi điều lợi ích và đem lại điều bất lợi cho các Tỳ-khuru có số lượng sáu mươi vị. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh, như thế thì lời nói rằng: “Trong khi bài pháp *Ví dụ về đồng lửa* đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khuru có số lượng sáu mươi vị” là sai trái. Nếu trong khi bài pháp *Ví dụ về đồng lửa* đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khuru có số lượng sáu mươi vị, như thế thì lời nói rằng: “Đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh. Trong khi bài pháp *Ví dụ về đồng lửa* đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khuru có số lượng sáu mươi vị. Tuy nhiên, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Như Lai, mà do việc đã làm của bản thân chính các vị ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai không thuyết giảng bài pháp *Ví dụ về đồng lửa*, phải chăng máu nóng có thể trào ra từ miệng của các vị ấy?

¹⁶ Xem A. IV. 128, *Kinh Ví dụ nhóm lửa (Aggikkhandhopamasuttam)*.

– Tâu Đại vương, không thể. Tâu Đại vương, đối với các vị đã thực hành sai trái ấy thì sau khi lắng nghe bài pháp của đức Thế Tôn có sự nóng nảy đã sanh khởi. Do sự nóng nảy ấy của các vị ấy mà máu nóng đã trào ra từ miệng.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì do việc đã làm của chính đức Như Lai mà máu nóng đã trào ra từ miệng của các vị ấy. Trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tổn hại cho những vị ấy. Thưa Ngài Nāgasena, giống như câu chuyện con rắn đi vào hang mối, rồi có người đàn ông nọ cần dùng đất nên phá vỡ gò mối rồi đem đất đi. Do việc đem đất đi của người ấy làm lấp lại các lỗ hồng của gò mối. Và con rắn, ở ngay tại chỗ ấy, trong khi không đạt được hơi thở vào nên bị chết. Thưa Ngài, không lẽ con rắn đi đến sự chết vì việc đã làm của người ấy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tổn hại cho những vị ấy.

3. – Tâu Đại vương, đức Như Lai trong khi thuyết giảng giáo pháp không thể hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông trong lúc làm lay động cây xoài, cây mận, hoặc cây cam thảo, thì ở nơi ấy những trái nào có phẩm chất, có sự gắn bó chắc chắn, thì còn tồn tại ở chính nơi ấy không bị tổn hại; trái lại, ở nơi ấy những trái nào có cuống hay cọng bị thối rữa thì rơi xuống. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai trong khi thuyết giảng giáo pháp không thể hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nông dân có ý định gieo hạt bắp nên cày thửa ruộng. Khi người ấy đang cày thì hàng trăm ngàn cỏ dại bị chết. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai đã được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ý đã được chín muồi. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ; trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống, ví như các cỏ dại ấy bị chết. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người ép cây mía bằng máy ép vì nguyên nhân nước cốt. Khi những người ấy đang ép cây mía, những con sâu bọ nào đi vào miệng máy ép thì bị ép nát. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai ép máy ép giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ý đã được chín muồi. Tại nơi ấy những người nào thực hành sai trái thì bị chết giống như các con sâu bọ.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, không lẽ các Tỳ-khưu ấy bị rơi xuống vì sự thuyết giảng giáo pháp ấy?

– Tâu Đại vương, phải chăng người thợ đẽo gỗ trong khi bảo vệ khúc cây thì làm cho ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru?

– Thừa Ngài, không đúng. Người thợ đẽo gỗ sau khi bỏ đi chỗ hư hỏng rồi mới làm cho khúc cây ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai trong khi [chỉ lo] bảo vệ hội chúng thì không thể giác ngộ các chúng sanh có khả năng giác ngộ; sau khi loại ra các chúng sanh thực hành sai trái như vậy rồi mới giác ngộ các chúng sanh có khả năng giác ngộ này. Tâu Đại vương, hơn nữa những người thực hành sai trái ấy rơi xuống do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như cây chuối, cây tre, con la khi thành quả được tạo ra bởi bản thân¹⁷ thì bị chết, tâu Đại vương, tương tự y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi xuống do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như những kẻ trộm gánh chịu sự móc mắt, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu do việc đã làm của bản thân, tâu Đại vương, tương tự y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng do việc đã làm của bản thân.

Tâu Đại vương, đối với các Tỷ-khuru, số lượng sáu mươi vị có máu nóng đã trào ra từ miệng, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Thế Tôn, không phải do việc đã làm của những người khác, khi ấy là do việc đã làm của chính bản thân các vị ấy. Tâu Đại vương, giống như người ban bố thuốc bắt tử cho tất cả dân chúng, những người ấy sau khi ăn vào thuốc bắt tử trở thành vô bệnh, sống lâu, có thể thoát khỏi tất cả các tai họa. Rồi có người nam khác sau khi ăn vào thuốc ấy theo cách hành xử ấu tả có thể gánh lấy cái chết. Tâu Đại vương, phải chăng người cho thuốc bắt tử do nguyên cơ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó?

– Thừa Ngài, không đúng.

5. – Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai ban bố món quà giáo pháp là sự bắt tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế giới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bắt tử, trái lại những chúng sanh nào không có khả năng thì chúng bị chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bắt tử. Tâu Đại vương, vật thực duy trì mạng sống cho tất cả chúng sanh. Một số người ăn vật thực bị chết vì cơn thổ tả. Tâu Đại vương, phải chăng người bố thí vật thực ấy do nguyên cơ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó?

– Thừa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai ban bố món quà giáo pháp là sự bắt tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế giới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bắt tử, trái lại những chúng sanh nào không có khả năng thì bị chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bắt tử.

– Thừa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự ban phát điều lợi ích đến tất cả chúng sanh” là thứ nhì.

¹⁷ Sau khi cây chuối trở buồng, bụi tre nở hoa, la cái sanh con thì chúng tàn lụi và chết đi.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIỂU LỘ VẬT ĐƯỢC CHE GIẤU SAU LỚP VẢI (*Vatthaguyhanidassanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **“Lành thay sự phòng hộ thân! Lành thay sự phòng hộ lời nói! Lành thay sự phòng hộ ý! Lành thay sự phòng hộ tất cả.”**

Và thêm nữa, đức Như Lai sau khi ngồi xuống ở giữa tứ chúng đã phô bày tướng mã âm tàng¹⁸ cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy ở phía trước chư thiên và nhân loại. Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được đức Thế Tôn nói là: **“Lành thay sự phòng hộ thân!”** như thế thì lời nói rằng: “Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy” là sai trái. Nếu Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy, như thế thì lời nói rằng: “Lành thay sự phòng hộ thân!” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **“Lành thay sự phòng hộ thân!”**, và tướng mã âm tàng đã được phô bày cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy. Tâu Đại vương, đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông. Chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, và lại ai sẽ tin rằng chỉ có một người ở hội chúng nhìn thấy vật được che giấu sau lớp vải ấy, và số còn lại đang ở ngay tại chỗ ấy lại không nhìn thấy? Trong trường hợp này, xin Ngài hãy xác định cho trầm lý do ấy, xin hãy giúp cho trầm hiểu bằng lý lẽ.

– Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nhìn thấy trước đây một người đàn ông nào đó bị bệnh, được vây quanh bởi bà con và bạn bè?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng nhóm người nhìn thấy cái cảm thọ ấy, là cái cảm thọ mà người đàn ông ấy cảm nhận?

– Thưa Ngài, không được. Chỉ có người đàn ông ấy cảm nhận bởi chính bản thân.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho chính người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc vong linh có thể nhập vào một người nam nào đó, tâu Đại vương, phải chăng nhóm người ấy nhìn thấy vong linh ấy đang tiến đến gần?

– Thưa Ngài, không được. Chỉ có người bệnh ấy nhìn thấy sự tiến đến gần của vong linh ấy.

¹⁸ Vật được bao bọc lại bằng lớp màng và được che giấu sau lớp vải. (ND)

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, việc khó làm đã được thực hiện bởi đức Thế Tôn trong lúc Ngài phô bày vật không thể nhìn thấy ấy cho một người thôi.

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phô bày vật được che giấu, trái lại đã cho nhìn thấy cái hình bóng bằng thần thông.

– Thưa Ngài, dầu chỉ là cái hình bóng được nhìn thấy nhưng đúng là vật che giấu đã được nhìn thấy, sau khi nhìn thấy vật ấy thì đã đạt được mục đích.

– Tâu Đại vương, đức Như Lai làm việc khó làm để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai buông lời công việc thì những chúng sanh có khả năng giác ngộ không thể giác ngộ. Tâu Đại vương, và bởi vì đức Như Lai biết được phương thức để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ, vì thế bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ thì đức Như Lai giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy.

3. Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, bằng phương thuốc nào khiến người bệnh được lành bệnh thì đi đến người bệnh với phương thuốc ấy, làm cho nôn mửa người cần phải nôn mửa, làm xổ người cần phải xổ, bôi dầu người cần phải bôi dầu, tắm hương người cần phải tắm hương. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ, thì giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nữ có bào thai ngược, phô bày vật che giấu không đáng được nhìn thấy cho người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, để giác ngộ những người có khả năng giác ngộ, đức Như Lai đã phô bày bằng thần thông cái hình bóng của vật che giấu không đáng được nhìn thấy. Tâu Đại vương, vật gọi là không đáng được nhìn thấy thì không có cơ hội dành cho cá nhân. Tâu Đại vương, nếu người nào đó sau khi nhìn thấy trái tim của đức Thế Tôn mà được giác ngộ thì đức Thế Tôn theo phương thức cũng cho người ấy nhìn thấy trái tim. Tâu Đại vương, đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng. Tâu Đại vương, không lẽ sau khi biết được khuynh hướng của Trưởng lão Nanda, đức Như Lai đã đưa vị ấy đến thiên cung và cho nhìn thấy các cô con gái ở cõi trời [nghĩ rằng]: “Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này”, và nhờ đó người con trai gia đình danh giá ấy đã được giác ngộ. Tâu Đại vương, như thế trong khi khi dễ, trong khi chê trách, trong khi nhòm góm hình tướng mỹ miều bằng nhiều phương thức, đức Như Lai đã cho vị ấy nhìn thấy những cô tiên nữ có các bàn chân bồ câu vì nguyên nhân giúp cho vị ấy giác ngộ. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

4. Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, vào lúc Trưởng lão Cullapanthaka bị người anh đuổi ra [khỏi tu viện] nên có tâm trí buồn bã, đức Như Lai đã đi

đến và trao cho miếng vải mềm [nghĩ rằng]: “Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này.” Bởi lý do ấy, vị ấy đã đạt được bản thể năng lực về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, đức Như Lai đã không trả lời câu hỏi được vị Bà-la-môn Mogharāja hỏi đến lần thứ ba [nghĩ rằng]: “Như vậy thì sự ngã mạn của người con trai gia đình danh giá này sẽ được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn sẽ có sự chứng ngộ.” Và nhờ thế, ngã mạn của người con trai gia đình danh giá ấy đã được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn mà vị Bà-la-môn ấy đã đạt được bản thể năng lực về sáu thắng trí. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, [pháp] nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng, các ngoại đạo không còn chói sáng, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

“Câu hỏi về việc biểu lộ vật được che giấu sau lớp vải” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT

(*Pharusavācābhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến: “**Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lỗi cư xử xấu xa về lời nói khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta.**” Và thêm nữa, trong khi quy định tội *pārājika* về việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Như Lai đã xưng hô bằng từ kẻ rò đại với những lời nói gay gắt. Và vì thế, vị Trưởng lão ấy bị run sợ, có sự ân hận, đã không thể thấu triệt Thánh đạo. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lỗi cư xử xấu xa về lời nói, như thế thì lời nói rằng: “Trong việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rò đại” là sai trái. Nếu trong việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rò đại, như thế thì lời nói rằng: “Đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lỗi cư xử xấu xa về lời nói” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến: “**Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lỗi cư xử xấu xa về lời nói**

khuyến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta.” Và thêm nữa, trong khi quy định tội *pārājika* về việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại. Tuy nhiên, điều ấy là không do tâm xấu xa, không do sự giận dữ, mà là với biểu hiện đúng đắn. Và ở đây biểu hiện đúng đắn là gì? Tâu Đại vương, đối với cá nhân nào mà sự chứng ngộ bốn sự thật không có ở bản ngã này, thì bản thể con người của kẻ ấy là rồ dại, trong khi cái này đang được làm thì lại thành tựu với cái khác; do điều ấy mà được gọi là “kẻ rồ dại”. Tâu Đại vương, như thế đối với Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng lời nói về bản thể, không phải bằng lời không đúng sự thật.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, người nào trong khi mắng nhiếc [kẻ khác] mà nói đến cho dầu là đúng với bản thể, đối với người ấy chúng ta nên bắt chịu hình phạt nhẹ. Người ấy rõ ràng là có lỗi, người ấy mắng nhiếc trong khi thể hiện sự bày tỏ căn cứ vào sự kiện theo tính cách riêng.

– Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nghe trước đây về việc đánh lễ, đứng dậy, tôn vinh, hoặc dâng biếu quà tặng đến người bị lỗi lầm chăng?

– Thưa Ngài, không có. Người ấy đã bị lỗi lầm vì điều gì, do đâu, ở nơi nào, ở bất cứ đâu, là xứng với sự rầy la, xứng với sự quở trách, đối với kẻ này người ta còn chặt đầu, hành hạ, trối lại, giết chết và thiêu đốt nữa.

– Tâu Đại vương, như thế thì chỉ có việc nên làm là được đức Thế Tôn thực hiện, chứ không có việc không nên làm?

– Thưa Ngài Nāgasena, ngay cả hành động cần phải làm còn được thực hiện một cách phù hợp, một cách thích đáng. Thưa Ngài Nāgasena, đối với đức Như Lai, chỉ riêng với việc nghe danh thôi thì thế gian có cả chư thiên đều kinh hãi, hổ thẹn, với việc nhìn thấy thì còn nhiều hơn, với việc phục vụ khi đi đến gần thì còn vượt trội cả điều ấy nữa.

4. – Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc ban cho các loại thuốc thoa trong trường hợp cơ thể bị tiết dịch, có chất độc hoành hành?

– Thưa Ngài, không đúng. Với sự mong mỏi về sức khỏe, ông ta ban cho các loại thuốc mạnh, có thể gây cồn cào.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai ban cho lời chỉ bảo nhằm làm lắng yên tất cả các căn bệnh phiền não. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng xoa dịu chúng sanh, làm cho trở thành nhu thuận.

Tâu Đại vương, giống như nước nóng làm mềm mại bất cứ vật gì có thể làm mềm mại, làm cho trở thành nhu nhuyễn. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót.

Tâu Đại vương, giống như lời nói của người cha đối với các con trai là có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng

thương xót. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng đưa đến sự dứt bỏ phiền não của các chúng sanh.

Tâu Đại vương, giống như nước tiêu trâu bò dầu có mùi thối mà được uống vào, món thuốc dầu không có mùi vị mà được ăn vào, lại diệt trừ căn bệnh cho các chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót.

Tâu Đại vương, giống như đồng gòn, dầu lớn, rơi xuống ở cơ thể của người khác vẫn không gây ra thương tích. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng không làm sanh lên sự khổ đau cho bất cứ ai.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết bằng nhiều lý lẽ. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về bản thể của lời nói gay gắt của đức Như Lai” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ SUY TƯ CỦA CÂY CỐI

(Rukkhācetanabhāvapañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **“Này Bà-la-môn, nguyên nhân của điều gì mà nguoi, là người có sự tinh tấn đã được ra sức, thường xuyên không xao lãng, lại hỏi han cây cối về sự ngủ nghỉ thoải mái trong khi biết rằng cây này là loài không có tâm tư, không nghe, không biết?”**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng:

“Cây phandana đã tức thời đáp lại rằng: Tôi cũng có lời trình. Này Bhāradvāja, hãy lắng nghe tôi.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu cây cối là không có tâm tư, như thế thì lời nói rằng: ‘Cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja’ là sai trái. Nếu cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja, như thế thì lời nói rằng: ‘Cây cối là không có tâm tư’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.”

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **“Cây cối là không có tâm tư.”** Và cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja. Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói theo cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại vương, đối với cây cối không có tâm tư không có việc gọi là chuyện trò. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi “cây” ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và nói “cây cối trò chuyện”, đây là quy định của thế gian. Tâu Đại vương, giống như chiếc xe kéo được chất đầy lúa thì người ta gọi là “xe lúa”, tuy rằng chiếc xe kéo ấy làm bằng gỗ. Do tính chất đã được chất đồng của lúa ở chiếc xe kéo ấy mà người ta gọi là “xe lúa”. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy

có thiên nhân ngữ. Cái từ gọi “cây” ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và “cây cối trò chuyện”, đây là quy định của thể gian.

3. Tàu Đại vương, hoặc là giống như trong khi khuấy sữa đông thì gọi là: “Tôi khuấy bơ.” Vật mà người ấy khuấy không phải là bơ. Người ấy đang khuấy chính là sữa đông nhưng lại nói là: “Tôi khuấy bơ.” Tàu Đại vương, tương tự y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngữ. Cái từ gọi “cây” ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và “cây cối trò chuyện”, đây là quy định của thể gian. Tàu Đại vương, giống như người đang tạo ra vật chưa hình thành thì nói là: “Tôi tạo ra vật đã hình thành.” Nói về vật chưa thành tựu là: “Vật đã thành tựu”; như vậy điều ấy là cách diễn đạt của thể gian. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngữ. Cái từ gọi “cây” ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và “cây cối trò chuyện”, đây là quy định của thể gian. Tàu Đại vương, đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp cho chúng sanh cũng theo y như cách diễn đạt của thể gian mà người ta thường nói.

— Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo vậy.

“Câu hỏi về bản thể suy tư của cây cối” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC

(*Piṇḍapātamaḥapphalapañho*)

1. — Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được các vị Trưởng lão thực hiện cuộc trùng tụng giáo pháp nói đến: **“Tôi đã được nghe rằng: Sau khi thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chết.”**

Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vị Chánh đẳng giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót. Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.”**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh trầm trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kề cận cái chết, như thế thì lời nói rằng: **“Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác”** là sai trái. Nếu hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí

thực khác, như thế thì lời nói rằng: “Đức Thế Tôn, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh trầm trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kề cận cái chết” cũng là sai trái.

Thưa Ngài Nāgasena, không lẽ phần thí thực ấy có quả báo lớn do tình trạng đã bị nhiễm độc, có quả báo lớn do việc đã làm sanh lên cơn bệnh, có quả báo lớn do việc đã làm hoại đi tuổi thọ, có quả báo lớn do việc đã lấy đi mạng sống của đức Thế Tôn? Về việc này, xin Ngài hãy nói cho trầm lý do nhằm phản bác lại các học thuyết khác. Về việc ấy, đám người bị mê muội này cho rằng: “Bệnh ly xuất huyết sanh lên bởi đã ăn quá nhiều do tác động của tham.” Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được các vị Đại trưởng lão thực hiện cuộc trùng tụng giáo pháp nói đến: **“Tôi đã được nghe rằng: Sau khi thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chết.”**

Và đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.** Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vị Chánh đẳng giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.” Hơn nữa, phần thí thực ấy có nhiều đức tánh, có nhiều quả thành tựu, có nhiều quả báo.

Tâu Đại vương, chư thiên đã mừng rỡ, có tâm ý tịnh tín [nghĩ rằng]: “Đây là lần thọ thực cuối cùng của đức Thế Tôn” nên đã rắc dường chất thuộc cõi trời ở món thịt lợn rừng.¹⁹ Hơn nữa, món ấy đã được nấu đúng cách, đã được nấu nhuần nhuyễn theo ý thích, có nhiều chất bổ, có lợi cho sức nóng của ngọn lửa (tiêu hóa) ở bao tử. Tâu Đại vương, không phải do duyên có ấy khiến cơn bệnh nào đó chưa khởi lên đã khởi lên cho đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy một cách bình thường, khi có nhiên liệu khác được cho vào thì bùng cháy

¹⁹ *Sūkaramaddava*: Các bộ *Chú giải* đã không xác định rõ ràng về món thí thực này. *Chú giải* của *Dīghanikāya* (Kinh Trường bộ) ghi như sau: 1) *Sūkaramaddava* là phần thịt ngon nhất đã được làm sẵn của con heo rừng không quá trẻ, không quá già. Món ấy nhừ và béo, đã được cho chuẩn bị và nấu kỹ lưỡng. 2) Một số vị giải thích là: ‘Một loại nước xúp bò được nấu với năm loại hương vị.’ 3) Nhiều vị khác cho rằng: ‘Món ấy là chất bổ dưỡng’ (DA. II. 568). *Chú giải Udāna* (Kinh Phật tự thuyết) cũng giải thích giống như (1) và (3) ở trên, ngoài ra còn có lời giải thích khác rằng: ‘*Sūkaramaddava* không phải là thịt heo rừng mà là một loại măng tre đã bị loài heo rừng giẫm đạp, hoặc là loại nấm mọc lên ở vùng đất đã được heo rừng cây ủi.’ *Chú giải* này còn ghi thêm rằng: ‘Thợ rèn Cunda đã chuẩn bị chất bổ dưỡng ấy và đã cúng dường đến đức Phật nhằm kéo dài tuổi thọ vì nghe rằng Ngài sẽ viên tịch Niết-bàn trong ngày đó (UdA. 399).

hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cơn suối đang chảy một cách tự nhiên, khi có đám mây lớn đổ mưa thì trở thành dòng chảy lớn, cơn nước lũ. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như bao tử đang no đầy một cách bình thường, khi có vật nào khác chưa nấu chín được nuốt vào thì có thể bị căng cứng hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, không có gì sai trái ở món thí thực ấy. Và không thể gán điều sai trái cho món ấy.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, bởi lý do gì mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác?

– Tâu Đại vương, do năng lực của sự thuần thực và chứng đạt các pháp mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, do năng lực của sự thuần thực và chứng đạt đối với các pháp nào mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác?

– Tâu Đại vương, do năng lực của sự thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch đối với chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Như Lai đã thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch một cách nổi bật đối với chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự chỉ trong hai ngày thôi sao?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Việc nào dầu là sự bố thí tốt đỉnh không thể sánh bằng ở ruộng phước đức Phật cũng không sánh được với hai phần thí thực này. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự vĩ đại đến chừng nào, thì do năng lực của sự chứng đạt và an trú theo tuần tự mà sự bố thí ở chính nơi ấy là có được quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về quả báo lớn của món thí thực” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT (*Buddhapūjanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, các người chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai.”**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng:

“Các người hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các người từ chốn này sẽ đi đến cõi trời.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Này Ānanda, các người chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai”, như thế thì lời nói rằng: “Các người hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các người từ chốn này sẽ đi đến cõi trời” là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Các người hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các người từ chốn này sẽ đi đến cõi trời”, như thế thì lời nói rằng: “Này Ānanda, các người chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Ānanda, các người chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Các người hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các người từ chốn này sẽ đi đến cõi trời.” Tuy nhiên, điều đã được nói ấy: “Này Ānanda, các người chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai” không dành cho tất cả, mà chỉ liên quan đến các người con trai của đảng Chiến Thắng.

Tâu Đại vương, điều này, tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đảng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quán sát về bốn sự thiết lập niệ, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đảng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại.

Tâu Đại vương, giống như đối với các vị hoàng tử ở trên quả đất thì có các môn học về voi, ngựa, xe, cung, gươm, viết chữ, quản lý, binh thư, lắng nghe, khéo tiếp nhận, chiến đấu, động viên là công việc cần phải làm; còn đối với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phạm phu thì việc trồng trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cần phải làm. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đảng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quán sát về bốn sự thiết lập niệ, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đảng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đối với các thanh niên Bà-la-môn thì các môn học như (bốn bộ Vệ-đà) Rig-Veda, Yajur-Veda, Sāma-Veda, Atharva-Veda, tướng số, truyền thống, truyền thuyết, từ vựng, nghi thức, sự phân tích âm từ, cú pháp, văn phạm, cấu trúc ngôn ngữ, hiện tượng, giấc mơ, điềm báo hiệu, sáu chi phần (của kinh Vệ-đà), nguyệt thực, nhật thực, sự di chuyển che khuất của các thiên thể, sự tranh giành ảnh hưởng của các vì sao, sự xuất hiện, sự rơi của thiên thể, sự động đất, sự bùng sáng ở các phương, bầu khí quyển, thiên văn học, tương lai của thế gian, điềm báo từ loài chó, điềm báo từ loài thú, điềm báo từ vị trí của các vì sao, hiện tượng bị xáo trộn, tiếng kêu của các loài chim là việc cần phải làm; còn đối với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phạm phu thì việc trồng trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cần phải làm.

Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, do đó đức Như Lai [nghĩ rằng]: “Chớ để những người này vướng bận về những việc không phải là phận sự. Hãy để những người này gắn bó với những công việc của chính mình” nên đã nói rằng: “Này Ānanda, các người chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai.” Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không nói điều này thì các vị Tỳ-khưu sau khi nhận lấy y và bình bát của mình rồi làm chỉ mỗi việc cúng dường đức Phật.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự cúng dường đức Phật” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỊ THƯƠNG BỞI MIẾNG ĐÁ Ở BÀN CHÂN (*Pādasakalikāhatapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **“Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên.”** Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: **“Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá.”** Về miếng đá đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn, tại sao miếng đá ấy đã không né tránh bàn chân [của đức Thế Tôn]. Thưa Ngài Nāgasena, nếu trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên, như thế thì lời nói rằng: “Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá” là sai trái. Nếu bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, như thế thì lời nói rằng: “Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống

và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tàu Đại vương, việc ấy là thật. Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên. Và bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá. Tuy nhiên, miếng đá ấy đã không rơi theo bản thể tự nhiên của nó, mà đã rơi do mưu mô của Devadatta. Tàu Đại vương, Devadatta đã buộc oan trái với đức Thế Tôn nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã buông ra tảng đá lớn có kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn [nghĩ rằng]: “Ta sẽ làm cho rơi ở phía trên của đức Thế Tôn.” Khi ấy, có hai khối đá đã trôi lên từ trái đất và đã hứng chịu tảng đá ấy. Rồi do sự va chạm của chúng, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, hai khối đá đã hứng chịu tảng đá ấy như thế nào thì mảnh đá [bị vỡ ra] cũng nên được hứng chịu y như thế ấy.

– Tàu Đại vương, mặc dầu đã được hứng chịu nhưng ở đây một mảnh nào đó vượt qua, văng đi, rồi mất dạng. Tàu Đại vương, giống như nước được giữ lại bởi bàn tay thì vượt qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng; [giống như] sữa tươi, sữa đông, bơ lỏng, mật ong, dầu ăn, sốt cá, sốt thịt được giữ lại bởi bàn tay, thì vượt qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tàu Đại vương, hoặc là giống như cát trơn, mịn, li ti, tương tự hạt bụi được giữ lại bởi nắm tay, thì vượt qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tàu Đại vương, hoặc là giống như vắt cơm được giữ lại bởi cái miệng, ở đây có thể một phần nào đó từ miệng của người ấy bị trào ra, vượt qua, trôi đi, rồi mất dạng. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Hãy cho là tảng đá được hứng chịu bởi hai khối đá. Thế thì mảnh đá cũng nên thể hiện sự cung kính [đối với đức Phật] giống y như đại địa cầu vậy.

– Tàu Đại vương, có mười hai hạng này không thể hiện sự cung kính. Mười hai hạng nào? Hạng luyến ái do tác động của sự luyến ái không thể hiện sự cung kính, hạng xấu xa do tác động của sân, hạng mê mờ do tác động của si, hạng cao ngạo do tác động của ngã mạn, hạng thiếu tánh tốt do không có ưu điểm, hạng quá bướng bỉnh do thiếu sự răn đe, hạng hạ liệt do bản tánh hạ liệt, hạng làm theo lời sai bảo do thiếu bản lãnh, hạng ác xấu do tánh bồn xển, hạng bị chịu

khô do tánh tự làm cho khô, hạng tham lam do bị ngự trị bởi tham, hạng bị bận rộn do chuyên chú vào của cải không thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, đây là mười hai hạng không thể hiện sự cung kính. Và hơn nữa, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt bụi trơn, mịn, li ti, bị gom lại bởi sức mạnh của cơn gió thì lăn lóc tung tóe không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, nếu mảnh đá ấy không bị tách rời khỏi tảng đá, thì sau khi trôi lên hai khối đá ấy cũng có thể tóm lấy mảnh vỡ của tảng đá ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng đá, mảnh đá ấy không trụ ở mặt đất, không trú ở không trung, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như chiếc lá úa bị cuốn lên bởi cơn gió lốc thì lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa do tiến trình gánh lấy khổ đau của Devadatta vô ơn, bòn xén mà miếng đá ấy đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc bị thương bởi miếng đá ở bàn chân” là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẤT

(Aggaggasamaṇapañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng:

“Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn.”

Trong trường hợp ấy, bốn pháp này là: Kham nhẫn, hạn chế về vật thực, dứt trừ hẳn sự thỏa thích, không sở hữu bất cứ vật gì. Tuy nhiên, người có lậu hoặc chưa được đoạn diệt, thậm chí còn ô nhiễm, vẫn có tất cả các pháp này. Thưa Ngài Nāgasena, nếu do sự đoạn tận của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn, như thế thì lời nói rằng: **“Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn”** là sai trái. Nếu được thành tựu bốn pháp là trở thành vị Sa-môn, như thế thì lời nói rằng: **“Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Do sự

cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.” Và đức Thế Tôn đã nói rằng: “Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn.” Tâu Đại vương, lời nói này đây đã được nói về phương diện đức hạnh của những con người ấy đây: “Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn.” Còn đây là lời nói trọn vẹn: “*Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.*” Hơn nữa tâu Đại vương, liên quan và đề cập đến tất cả những vị đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất.

Tâu Đại vương, giống như trong số bất cứ các loài hoa nào sống ở nước hoặc sống ở đất liền, thì hoa nhài được gọi là hạng nhất. Hơn nữa, liên quan và đề cập đến tất cả các loài hoa nào đó còn lại, đủ các hạng, thì chỉ riêng hoa nhài là được con người mong cầu, ước muốn. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, liên quan và đề cập đến tất cả những vị đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như trong số tất cả các loại hạt thì gạo sãli được gọi là hạng nhất. Liên quan và đề cập đến bất cứ các loại hạt còn lại, đủ các hạng, là các loại vật thực nhằm nuôi dưỡng cơ thể, thì chỉ riêng gạo sãli được gọi là hạng nhất trong số các loại ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, liên quan và đề cập đến tất cả những vị đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về vị Sa-môn cao quý hạng nhất” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ VIỆC NÓI LỜI CA NGỢI (*Vaṇṇabhaṇanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “**Này các Tỳ-khuru, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các người không nên thể hiện nổi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm.**”

Và thêm nữa, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng:

“Này Sela, Ta là đức vua, đáng Pháp Vương vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giáo pháp, là bánh xe không thể bị chuyển vận nghịch lại.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “**Này các Tỳ-khuru, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các người không nên thể hiện nổi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm**”, như thế thì lời nói rằng: “Trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân” là sai trái.

Nếu trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phần khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các người không nên thể hiện nổi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phần khởi của tâm” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các người không nên thể hiện nổi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phần khởi của tâm.” Và trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, Ngài đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng:

“Này Sela, Ta là đức vua, đáng Pháp Vương vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giáo pháp, là bánh xe không thể bị chuyển vận nghịch lại.”

Tâu Đại vương, trong khi đang giải thích về hiện tượng của bản thể luôn cả cốt lõi, về bản thể, về sự hiển hiện, về sự hiện hữu, về thực thể, về trạng thái thật của giáo pháp, đức Thế Tôn đã nói lên câu thứ nhất rằng: “Này các Tỳ-khuru, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các người không nên thể hiện nổi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phần khởi của tâm.”

Trái lại, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Thế Tôn đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: “Này Sela, Ta là đức vua, đáng Pháp Vương vô thượng”, điều ấy không do nhân lợi lộc, không do nhân danh vọng, không do nhân phe nhóm, không vì lòng mong mỏi đệ tử. Khi ấy, vì lòng thương tưởng, vì lòng bi mẫn, vì ước muốn điều lợi ích [nghĩ rằng]: “Như vậy sẽ có sự lãnh hội cho người này và ba trăm thanh niên Bà-la-môn”, nên Ngài đã công bố nhiều hơn, vượt trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: “Này Sela, Ta là đức vua, đáng Pháp Vương vô thượng.”

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc nói lời ca ngợi” là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG HÃM HẠI VÀ SỰ TRẦN ÁP (*Ahimsāniggahapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, người sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Hãy trần áp kẻ xứng đáng với sự trần áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng

đỡ.” Thưa Ngài Nāgasena, trấn áp nghĩa là chặt tay, chặt chân, trừng phạt, giam cầm, hành hạ, giết chết, làm tổn thương sự tiếp nối [mạng sống]. Lời nói này đối với đức Thế Tôn là không được đúng đắn. Và đức Thế Tôn không thể nào nói lời nói này.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, người sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận”, như thế thì lời nói rằng: “Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ” là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ”, như thế thì lời nói rằng: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, người sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, người sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận.”** Và Ngài đã nói rằng: **“Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ.”**

Tâu Đại vương, điều nói là: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, người sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận”, đối với tất cả các đức Như Lai thì điều này được chấp thuận, điều này là sự chỉ dạy, điều này là sự giảng giải giáo pháp. Tâu Đại vương, bởi vì giáo pháp có sự không hãm hại là tương trọng. Điều này là lời nói về bản thể.

Tâu Đại vương, còn về việc đức Như Lai đã nói rằng: “Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ”, điều ấy là ngôn từ. Tâu Đại vương, tâm bị kích động là cần được trấn áp, tâm tri trệ là cần được nâng đỡ. Tâm bất thiện là cần được trấn áp, tâm thiện là cần được nâng đỡ. Tác ý không đúng đường lối là cần được trấn áp, tác ý đúng đường lối là cần được nâng đỡ. Sự thực hành sai trái là cần được trấn áp, sự thực hành đúng đắn là cần được nâng đỡ. Người không thánh thiện là cần được trấn áp, người thánh thiện là cần được nâng đỡ. Kẻ trộm cướp là cần được trấn áp, kẻ không là trộm cướp là cần được nâng đỡ.

– Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Giờ đây Ngài mới đề cập đến vấn đề của trầm, trầm quan tâm đến ý nghĩa của điều trầm hỏi. Thưa Ngài Nāgasena, như vậy trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên trấn áp như thế nào?

– Tâu Đại vương, trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên trấn áp như vậy: Kẻ đáng quả trách thì nên quả trách, kẻ đáng trừng phạt thì nên trừng phạt, kẻ đáng lưu đầy thì nên lưu đầy, kẻ đáng giam cầm thì nên giam cầm, kẻ đáng tử hình thì nên tử hình.

– Thưa Ngài Nāgasena, như vậy việc tử hình những kẻ trộm cướp có được các đức Như Lai chấp thuận không?

– Tâu Đại vương, không.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì tại sao việc kẻ trộm cướp cần được chỉ dạy lại được các đức Như Lai chấp thuận?

– Tâu Đại vương, kẻ nào bị tử hình, không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai mà kẻ ấy bị tử hình. Kẻ ấy bị tử hình bởi việc đã làm của chính bản thân. Thêm nữa, kẻ ấy được chỉ dạy theo sự chỉ dạy về giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng bậc trí có thể bắt giữ người không gây án không phạm tội đang đi trên đường rồi giết chết không?

– Thưa Ngài, không thể.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì là người không gây án.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, kẻ trộm cướp sẽ bị giết chết không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai. Kẻ ấy sẽ bị giết chết bởi việc đã làm của chính bản thân. Như thế, phải chăng trong trường hợp này người chỉ dạy phạm vào lỗi lầm nào đó?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, như thế thì sự chỉ dạy của các đức Như Lai là sự chỉ dạy đúng đắn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự không hãm hại và sự trấn áp” là thứ mười một.

12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỈ-KHƯU

(*Bhikkhupaṇāmitapaṇho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Ta không có nổi giận, không có khát khe.”** Và thêm nữa, đức Như Lai đã giải tán hai vị Trưởng lão Sāriputta và Moggallāna cùng với đồ chúng [của hai vị]. Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Như Lai đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, hay là đã giải tán khi được vui vẻ? Xin Ngài nhận biết cho việc ấy là thuộc về trường hợp này. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, như thế thì đối với đức Thế Tôn sự nổi giận còn chưa được dứt trừ. Nếu đã giải tán đồ chúng khi được vui vẻ, như thế thì [đồ chúng] đã bị giải tán khi không có cơ sự, trong khi không hay biết. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Ta không có nổi giận, không có khát khe”**, và hai vị Trưởng lão Sāriputta và Moggallāna cùng với đồ chúng đã bị giải tán. Tuy nhiên, điều ấy không do sự nổi giận. Tâu Đại vương, ở đây có người nam nào đó vấp chân vào rễ cây, gốc cây, cục đá, miếng sành, hoặc chỗ đất không bằng phẳng rồi té ngã. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa cầu này bị nổi giận rồi làm cho kẻ ấy té ngã?

– Thưa Ngài Nāgasena, không đúng. Đối với đại địa cầu không có sự nổi

giận hay vui thích. Đại địa cầu được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Kẻ ấy chính tự mình lơ đễnh nên mới bị vấp chân rồi té ngã.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình nên mới bị giải tán vì sự sai trái của bản thân. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây biển cả không sống chung với xác chết. Nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy ra khỏi, hoặc hất lên đất liền. Tâu Đại vương, phải chăng biển cả bị nổi giận rồi đưa xác chết ấy ra khỏi?

3. – Thưa Ngài, không đúng. Đối với biển cả không có sự nổi giận hay vui thích. Biển cả được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình, vì sự sai trái của bản thân nên mới bị giải tán.

Tâu Đại vương, giống như người bị lỗi lầm với trái đất rồi té ngã, tương tự y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán. Giống như xác chết ở trong biển cả thì bị đưa ra khỏi, tương tự y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán.

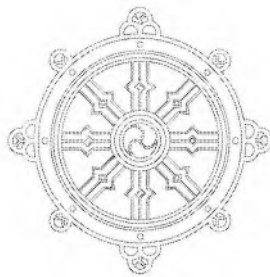
Tâu Đại vương, hơn nữa việc đức Như Lai đã giải tán các vị ấy với sự mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn điều lợi ích, mong muốn sự an lạc, mong muốn sự thanh tịnh cho các vị ấy; Ngài đã giải tán [nghĩ rằng]: “Như vậy, những người này sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.”

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc đã giải tán các vị Tỳ-khưu” là thứ mười hai.

Phẩm Đã bị giải tán là thứ ba.

(Trong phẩm này có mười hai câu hỏi)



IV. PHẨM VỀ TRÍ TOÀN TRI (*SABBAÑÑUTAÑÑĀVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ QUẢ THÀNH TỰU CỦA NGHIỆP CÓ NĂNG LỰC LỚN HƠN THẦN THÔNG (*Iddhiyā kammavipākabalavatarapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khuru đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahāmoggallāna.” Và thêm nữa, nghe nói vị ấy bị đánh bằng những cây côn, đầu bị vỡ, xương thịt gân bị nghiền nát thành bột và toàn thân bị chặt đứt, rồi viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nāgasena, nếu vị Trưởng lão Mahāmoggallāna đã đạt đến tột đỉnh của thần thông, như thế thì lời nói rằng: “Bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-bàn” là sai trái. Nếu bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-bàn, như thế thì lời nói rằng: “Đã đạt đến tột đỉnh của thần thông” cũng là sai trái. Có phải vị ấy không có khả năng về thần thông để tránh né việc chết chóc của mình, để trở thành đối tượng nương nhờ của thế gian luôn cả chư thiên? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khuru đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahāmoggallāna.” Và Trưởng lão Mahāmoggallāna đã bị đánh bằng cây côn rồi viên tịch Niết-bàn. Tuy nhiên, điều ấy là do đã bị chế ngự bởi nghiệp.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế không phải lãnh vực của thần thông đối với người có thần thông và quả thành tựu của nghiệp là hai điều không thể nghĩ bàn hay sao? Và có thể tránh né việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác]? Thưa Ngài, giống như những ai mong muốn trái cây thì chọi thẳng trái táo rừng bằng trái táo rừng, chọi thẳng trái xoài bằng trái xoài, thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, sau khi đối chọi việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác] thì có thể tránh né được.

– Tâu Đại vương, tuy nhiên trong hai điều không thể nghĩ bàn thì một điều là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Tâu Đại vương, giống như các vị vua ở trên trái đất là tương đương về dòng dõi. Tuy nhiên trong số các vị tương đương về dòng dõi ấy, có một vị thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội.

Tâu Đại vương, hơn nữa trong trường hợp một người nam vi phạm một sự việc nào đó thì người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh chị em, hoặc bạn bè thân hữu của người ấy không bảo vệ được anh ta, khi ấy chính đức vua thống trị ở nơi ấy và thể hiện quyền hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Do tình trạng vi phạm tội. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám lửa rừng khi đã phát khởi ở trái đất thì cho dầu một ngàn lu nước cũng không thể nào dập tắt. Khi ấy, chính ngọn lửa thống trị ở nơi ấy và thể hiện quyền hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Là do sức mạnh của ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội. Tâu Đại vương, do đó Trưởng lão Mahāmoggallāna là đã bị chế ngự bởi nghiệp, trong khi đang bị đánh bằng những cây côn đã không có được sự gom tụ lại của thần thông.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.
“Câu hỏi về thần thông và quả thành tựu của nghiệp” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÀ LUẬT ĐƯỢC CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU (*Dhammavinayaṇapaṭicchannāpaṭicchannapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu.”** Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*) và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Thưa Ngài Nāgasena, nếu Ngài đạt được sự gắn bó, hoặc sự thành tựu, hoặc sự lãnh hội trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, thì sự quy định về Luật là được bộc lộ, có thể tỏa sáng. Vì lý do gì? Toàn bộ ở đây là sự thu thúc trong các điều học, sự kèm chế, sự quy định về giới đức và tánh hạnh đều có hương vị của mục đích, hương vị của giáo pháp, hương vị của giải thoát. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu”**, như thế thì lời nói rằng: **“Việc đọc tụng Giới bốn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu”** là sai trái. Nếu việc đọc tụng Giới bốn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu, như thế thì lời nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bậc lộ, chói sáng, không bị che giấu.” Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bốn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Tuy nhiên, điều ấy không phải là đối với tất cả (mọi người), sau khi đã thực hiện ranh giới thì việc ấy được đóng lại.

Tâu Đại vương, việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại bởi đức Thế Tôn bởi vì ba tính chất: Được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước, được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp, được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khuru.

Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bốn ở giữa các vị Tỳ-khuru, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, giống như kiến thức Sát-đế-ly của dòng Sát-đế-ly lưu truyền chỉ trong số các vị Sát-đế-ly, việc như thế này là tập quán đối với thế gian của các vị Sát-đế-ly, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bốn ở giữa các vị Tỳ-khuru, và đóng lại đối với các thành phần còn lại.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như các nhóm người sinh sống ở trái đất gồm có: Thợ đầu vật, làm xiếc, uốn dẻo, tài tử, diễn viên, kịch sĩ, vũ công, múa rối, ảo thuật, hạng thờ phụng các vị Trời Maṇibhaddā, Puṇṇabhaddā, thần Mặt trăng, thần Mặt trời, thần May mắn, thần Rủi ro, thần Siva, thần Visnu, thần Mây, thần Asipāsā, thần Bhaddiputta. Điều bí mật của mỗi một nhóm lưu truyền chỉ trong từng nhóm người ấy, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bốn ở giữa các vị Tỳ-khuru, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là như vậy.

Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, giáo pháp là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng. Ở đây, người có sự thực hành đúng đắn thì đạt được trí tuệ. Người đạt được điều ấy ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa, người không đạt được điều ấy ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa [nghĩ rằng]: “Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách.” Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là như vậy.

Tâu Đại vương, giống như vật gọi là trầm huyết có lỗi, cao quý, ưu tú, chính cống, nguyên chất, màu đỏ được đem đến nơi thị tứ ở thôn quê thì bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, có người [nghĩ rằng]: “Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái theo sự truyền thừa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách.” Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là như vậy.

Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khuru [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, bản thể Tỳ-khuru ở trên đời quả là không so sánh được, không đo lường được, không định giá được, không ai có thể đem ra đánh giá, đem ra so sánh, đem ra đo lường [nghĩ rằng]: “Mong rằng người này đứng vững trong bản thể Tỳ-khuru như vậy và chớ trở thành đồng đẳng với thế gian”, việc đọc tụng Giới bốn lưu truyền ở giữa chỉ riêng các vị Tỳ-khuru.

Tâu Đại vương, giống như loại hàng hóa cao quý và ưu tú ở trên đời là tấm vải hoặc là tấm thảm trải, hoặc là voi, ngựa, xe, vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc trai, các châu báu của phụ nữ, v.v... hoặc là những việc làm và các vị anh hùng không bị đánh bại, tất cả các vật ấy đều đến với đức vua. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, hết thảy các điều học, các kinh điển khéo được truyền thừa và pháp học, các đức tính của việc thu thúc trong hành xử và của sự phòng hộ các giới, tất cả các điều ấy đều đến với hội chúng Tỳ-khuru. Việc đọc tụng Giới bốn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khuru [nghĩa] là như vậy.

— Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về Pháp và Luật được che giấu hay không được che giấu” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI

(*Musāvādagarulahubhāvapañho*)

1. — Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vị.”** Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà do một lời nói dối thì bị dứt đoạn và do một lời nói dối lại có được sự sửa chữa? Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*”, như thế thì lời nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vị” là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự

hiện diện của một vị”, như thế thì lời nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*.” Và Ngài đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vị.” Và điều ấy là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Ở đây, có kẻ tung cú đấm bằng bàn tay vào người khác, Đại vương xét xử hình phạt gì đối với kẻ ấy?

– Thưa Ngài, nếu người kia nói: “Tôi không tha thứ”, thì chúng tôi sẽ bảo kẻ không được tha thứ ấy mang lại một đồng tiền.

– Tâu Đại vương, trái lại ở đây nếu chính kẻ ấy tung cú đấm bằng bàn tay vào Đại vương, thì kẻ ấy chịu hình phạt gì?

– Thưa Ngài, đối với kẻ ấy trăm có thể bảo chặt bàn tay, cũng có thể bảo chặt bàn chân, có thể bảo chặt theo lối xử trăm đến tận cái đầu, cũng có thể cho tịch thu toàn bộ nhà cửa của kẻ ấy và thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đến bảy đời.

– Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà trong việc đấm bằng bàn tay vào một người thì chịu hình phạt nhẹ một đồng tiền, còn trong việc đấm bằng bàn tay vào Đại vương thì chịu sự bị chặt bàn tay, sự bị chặt bàn chân, cho đến việc bị chặt theo lối xử trăm đến tận cái đầu, sự tịch thu toàn bộ nhà cửa, sự thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đến bảy đời.

– Thưa Ngài, do sự cách biệt giữa loài người.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, việc cố tình nói dối là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trăm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về tính chất nặng nhẹ của lời nói dối” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ QUY LUẬT TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỨC BỒ-TÁT (*Bodhisattadhammatāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở bài giảng pháp về quy luật tự nhiên: “**Ngay trong thời quá khứ, mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định, cội cây Bồ-đề là được xác định, các vị Thánh văn hàng đầu là được xác định, người con trai là được xác định, vị thị giả là được xác định.**” Và thêm nữa, Ngài nói rằng: “**Khi ngự ở tập thể chư thiên Tusitā, đức Bồ-tát quán xét tám điều quán xét chánh yếu: Quán xét về thời điểm, quán xét về châu lục, quán xét về xứ sở, quán xét về gia tộc, quán xét về người mẹ, quán xét về tuổi thọ, quán xét về tháng (thời gian trụ thai), quán xét về việc xuất ly.**” Thưa Ngài Nāgasena, khi trí chưa được chín muồi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muồi thì không thể chờ đợi dầu chỉ trong nháy mắt. Trí đã chín muồi sẽ không bị vượt qua. Tại sao đức Bồ-tát quán

xét thời điểm rằng: “Ta tái sanh vào thời điểm nào?” Khi trí chưa được chín muồi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muồi thì không thể chờ đợi dầu chỉ trong nháy mắt. Tại sao đức Bồ-tát quán xét gia tộc rằng: “Ta tái sanh vào gia tộc nào?” Thưa Ngài Nāgasena, nếu mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định ngay trong thời quá khứ, như thế thì lời nói rằng: “Quán xét về gia tộc” là sai trái. Nếu [đức Bồ-tát] quán xét về gia tộc, như thế thì lời nói rằng: “Mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định ngay trong thời quá khứ” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

– Tâu Đại vương, mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định ngay trong thời quá khứ, và đức Bồ-tát quán xét về gia tộc. Nhưng quán xét về gia tộc như thế nào? Quán xét về gia tộc như vậy: “Những người nào là mẹ cha của ta, có phải những người ấy là Sát-đế-ly hay là Bà-la-môn?”

Tâu Đại vương, sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước đối với tám hạng. Đối với tám hạng nào? Tâu Đại vương, đối với thương buôn, hàng hóa mua bán nên được xem xét trước. Đối với con voi chúa, con đường chưa đi đến nên được xem xét trước bằng vòi. Đối với người đánh xe bò, bến nước cạn chưa đi đến nên được xem xét trước. Đối với người thuyền trưởng, bến tàu chưa đi đến nên được xem xét trước rồi mới nên cho thuyền tiến vào. Đối với người thầy thuốc, nên xem xét trước về tuổi thọ rồi mới nên đến gần người bệnh. Đối với cây cầu để vượt qua, nên biết trước về tình trạng bền hay yếu rồi mới nên bước lên. Đối với vị Tỳ-khưu, nên quán xét trước về thời gian [thọ thực] còn chưa trôi qua rồi mới nên thọ dụng thức ăn. Đối với các đức Bồ-tát, nên xem xét trước về gia tộc là gia tộc Sát-đế-ly hay là gia tộc Bà-la-môn. Tâu Đại vương, đối với tám hạng này thì sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về quy luật tự nhiên đối với đức Bồ-tát” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TỰ KẾT LIỄU BẢN THÂN (*Attanipātanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân;²⁰ vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp.”** Và thêm nữa, Ngài nói rằng: **“Ở bất cứ nơi nào, trong khi thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp bằng nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết. Bởi vì bất cứ vị nào vượt qua sanh, già, bệnh, chết, Ngài ca ngợi vị ấy với lời ca ngợi cao cả nhất.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp”**, như thế thì lời nói rằng: **“Ngài thuyết giảng giáo pháp nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết”** là sai trái. Nếu Ngài

²⁰ “Tự kết liễu” là đã được dịch thoát. Từ Pāli *pāpeti* có ý nghĩa là “làm cho rơi, lao xuống.”

thuyết giảng giáo pháp nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp.” Ở bất cứ nơi nào, trong khi thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp bằng nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết. Tuy nhiên trường hợp ấy là có lý do, mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ và đã khuyến khích.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì ở đây có lý do gì mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ và đã khuyến khích?

– Tâu Đại vương, người có giới, đầy đủ về giới, giống như liều thuốc giải trong việc tiêu diệt chất độc phiền não của chúng sanh; giống như phương thuốc làm dịu xuống cơn bệnh phiền não của chúng sanh; giống như nước trong việc tẩy trừ bụi bặm phiền não của chúng sanh; giống như viên ngọc quý ma-ni trong việc ban phát tất cả các sự thành tựu cho chúng sanh; giống như chiếc thuyền trong việc vượt lên trên bốn dòng lũ của chúng sanh; giống như người hướng dẫn đoàn xe trong việc vượt qua bãi sa mạc tái sanh của chúng sanh; giống như làn gió trong việc dập tắt sức nóng của ngọn lửa gồm ba loại cho chúng sanh; giống như cơn mưa lớn trong việc làm tràn đầy tâm ý của chúng sanh; giống như người thầy trong việc rèn luyện điều tốt đẹp cho chúng sanh; giống như người hướng dẫn khéo léo trong việc chỉ ra đạo lộ an toàn cho chúng sanh. Tâu Đại vương, người có hình thức như thế là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, có một khối đức tính, có một đồng đức tính, là người làm lợi lạc cho chúng sanh, tâu Đại vương, vì lòng thương tưởng chúng sanh [nghĩ rằng]: “Chớ để người có giới bị tiêu hoại”, đức Thế Tôn đã quy định điều học: “Này các Tỳ-khuru, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp.” Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được vị Trưởng lão Kumārakassapa, vị Pháp sư có tài hùng biện, trong lúc đang làm sáng tỏ về thế giới khác cho đức Vua Pāyāsi: “Thưa Bệ hạ, các vị Sa-môn, Bà-la-môn có giới, có thiện pháp, tồn tại thời gian dài lâu như thế nào thì họ thực hành vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc cho chư thiên và loài người như thế ấy.”

Vậy thì vì lý do gì mà đức Thế Tôn đã khuyến khích? Tâu Đại vương, sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, chết cũng là khổ, sầu muộn cũng là khổ, than vãn cũng là khổ, khổ đau cũng là khổ, ưu phiền cũng là khổ, thất vọng cũng là khổ, sự liên hệ với những gì không yêu thích cũng là khổ, sự xa lìa với những gì yêu

thích cũng là khổ, cái chết của mẹ cũng là khổ, cái chết của cha cũng là khổ, cái chết của anh em trai cũng là khổ, cái chết của chị em gái cũng là khổ, cái chết của con cũng là khổ, cái chết của vợ cũng là khổ, mất mát về thân quyến cũng là khổ, mất mát vì bệnh tật cũng là khổ, mất mát về tài sản cũng là khổ, mất mát về giới cũng là khổ, mất mát về kiến thức cũng là khổ, sợ hãi vì đức vua cũng là khổ, sợ hãi vì trộm cướp cũng là khổ, sợ hãi vì kẻ thù cũng là khổ, sợ hãi vì vật thực khó khăn cũng là khổ, sợ hãi vì lửa cũng là khổ, sợ hãi vì nước cũng là khổ, sợ hãi vì sóng nước cũng là khổ, sợ hãi vì nước xoáy cũng là khổ, sợ hãi vì cá sấu cũng là khổ, sợ hãi vì cá dữ cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của bản thân cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của người khác cũng là khổ, sợ hãi vì hình phạt cũng là khổ, sợ hãi vì khổ cảnh cũng là khổ, sợ hãi vì e ngại tập thể cũng là khổ, sợ hãi vì sự nuôi mạng cũng là khổ, sợ hãi vì sự chết cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây gậy cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây roi cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây đoản côn cũng là khổ, việc chặt bàn tay cũng là khổ, việc chặt bàn chân cũng là khổ, việc chặt bàn tay và bàn chân cũng là khổ, việc cắt tai cũng là khổ, việc xẻo mũi cũng là khổ, việc cắt tai và xẻo mũi cũng là khổ, việc [nhúng vào] hũ giấm chua cũng là khổ, việc cạo đầu bôi vôi cũng là khổ, việc đốt lửa ở miệng cũng là khổ, việc thiêu sống cũng là khổ, việc đốt cháy ở bàn tay cũng là khổ, việc lột da thành sợi cũng là khổ, việc mặc y phục vỏ cây cũng là khổ, việc kéo căng thân người ở trên đất cũng là khổ, việc xiên da thịt bằng lưỡi câu cũng là khổ, việc khoét thịt thành đồng tiền cũng là khổ, việc chà xát với chất kiềm cũng là khổ, việc quay tròn ở trên thập tự giá cũng là khổ, việc ngồi ở ghế rơm cũng là khổ, việc rưới bằng dầu sôi cũng là khổ, việc cho những con chó gặm cũng là khổ, việc đặt trên giáo nhọn lúc còn sống cũng là khổ, việc chặt đầu bằng gươm cũng là khổ.²¹ Tâu Đại vương, người bị luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như thế.

Tâu Đại vương, giống như nước tích lũy ở núi Hy-mã-lạp ngập tràn ở các viên đá, sỏi, cát nhám, vực nước xoáy, ghềnh, thác, vật chướng ngại, vật ngăn cản, rễ cây, cành lá ở sông Gaṅgā; tâu Đại vương, tương tự y như thế, người bị luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như thế.

Tâu Đại vương, khổ đau thì bị xoay chuyển, an lạc [Niết-bàn] thì không bị xoay chuyển. Tâu Đại vương, trong khi giải thích rõ về đức tính của sự không bị xoay chuyển và nguy hiểm của sự bị xoay chuyển, vì sự chứng ngộ pháp không bị xoay chuyển, vì sự vượt qua sanh, già, bệnh, chết mà đức Thế Tôn đã khuyến khích. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khuyến khích.

– Thưa Ngài Nāgaseṇa, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Trăm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc tự kết liễu bản thân” là thứ năm.

²¹ Một số hành phật đã được phỏng đoán. (ND)

6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ (*Mettānisamsapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, với từ tâm giải thoát đã được rèn luyện, được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp, mười một điều lợi ích này là điều mong đợi. Mười một điều nào? [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mị xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy, tâm được định nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp cao hơn thì được sanh về thế giới Phạm thiên.” Và thêm nữa, Ngài nói rằng: “Bé trai Sāma, có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bảy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tâm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy.”²²

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Này các Tỳ-khuru, với từ tâm... (nt)... được sanh về thế giới Phạm thiên”, như thế thì lời nói rằng: “Bé trai Sāma có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bảy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tâm độc nên đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy” là sai trái. Nếu bé trai Sāma có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bảy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tâm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, với từ tâm... (nt)... lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng khôn khéo, hết sức tinh vi, tế nhị, sâu xa. Thậm chí mò hôi có thể tiết ra ở thân thể của những người vô cùng khôn khéo. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy gỡ rối cục rối lớn đã bị rối lại. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những người con của đấng Chiến Thắng trong ngày vị lai bằng cách giải quyết.

2. – Tàu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, với từ tâm... (nt)... lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy.” Và bé trai Sāma có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bảy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tâm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Tàu Đại vương, tuy nhiên ở trường hợp ấy là có lý do. Lý do gì ở trường hợp ấy? Tàu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tàu Đại vương, bé trai Sāma trong khi đang nâng lên vò nước, vào giây phút ấy đã bị xao lãng về sự phát triển tâm từ. Tàu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tàu Đại

²² Bốn sanh “Sāma” (*Sāmajātakaṃ*), số 540, TTPV, tập 34. (ND)

vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

Tâu Đại vương, ở đây, người nam là anh hùng chiến trận, khoác lên chiếc áo giáp lưới sắt không thể xuyên thủng rồi xông vào chiến trường, những mũi tên được bắn ra hướng đến người ấy đều bị rơi xuống tung tóe, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người anh hùng chiến trận, đức tính ấy thuộc về chiếc áo giáp lưới sắt không thể xuyên thủng, khiến những mũi tên được bắn ra hướng đến người ấy đều bị rơi xuống tung tóe. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây một người sử dụng rễ cây làm tàng hình ở cõi trời nơi bàn tay. Khi nào rễ cây ấy còn nằm ở bàn tay của người ấy thì không người bình thường nào nhìn thấy người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về rễ cây làm tàng hình, khiến người ấy không hiện ra trong tầm nhìn của những người bình thường.

Tâu Đại vương, tương tự y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như cơn mưa to lớn không lồ đang đổ mưa không thể làm ướt con người đã đi vào trong hang lớn khéo được tạo lập. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về cái hang lớn, khiến cơn mưa to lớn không lồ đang đổ mưa không thể làm ướt người ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Sự phát triển tâm từ có sự ngăn cản mọi điều xấu xa.

– Tâu Đại vương, sự phát triển tâm từ có sự vận chuyển mọi đức tính tốt

đẹp đến những người tốt và luôn cả những người xấu. Sự phát triển tâm từ có lợi ích lớn lao nên được phân phát đến tất cả những chúng sanh đã gắn liền với sự nhận thức.

“Câu hỏi về lợi ích của tâm từ” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN

(Kusalākusalasamapañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, quả thành tựu của người làm việc thiện cũng như của người làm việc bất thiện là tương đương nhau? Hay là có sự khác biệt nào đó?

– Tâu Đại vương, có sự khác biệt giữa thiện và bất thiện. Tâu Đại vương, thiện có an lạc là quả thành tựu đưa đến cõi trời. Bất thiện có khổ đau là quả thành tựu đưa đến địa ngục.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: “Devadatta thuần đen, hội đủ các pháp thuần đen. Đức Bồ-tát thuần trắng, hội đủ các pháp thuần trắng.” Thêm nữa, Devadatta với đức Bồ-tát trong từng kiếp một là tương đương nhau về danh vọng và đồ chúng, hoặc đôi lúc trội hơn. Vào lúc Devadatta đã là con trai viên quan tể tự của đức Vua Brahmadatta ở thành Bārāṇasī, khi ấy đức Bồ-tát đã là người thầy pháp có dòng dõi hạ tiện đáng thương, sau khi đọc thâm thần chú đã làm trở ra các trái xoài sai mùa.²³ Khi ở vào trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi và thấp kém về danh vọng so với Devadatta.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua, chủ tể của đại địa cầu, có đầy đủ tất cả các dục, khi ấy đức Bồ-tát đã là vật sử dụng của nhà vua, là con long tượng có đủ mọi tướng tốt. Trong khi bị khó chịu với cử chỉ và điệu bộ duyên dáng của con voi, đức vua trong khi muốn giết nên đã nói với người thầy dạy voi như vậy: “Này ông thầy, con long tượng này không được người dạy dỗ, người hãy cho nó thực hiện việc tên là ‘đi trên không trung’ đi.”²⁴ Luôn cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là loài thú đáng thương, thấp kém về dòng dõi so với Devadatta.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, kẻ bị phá sản ở trong rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ tên Mahāpaṭhavī.²⁵ Cho đến lần này thì sự khác biệt giữa người và thú được nhận thấy. Luôn cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi so với Devadatta.

3. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ thợ săn mạnh mẽ tên Soṇuttara, có sức mạnh hơn cả sức mạnh của con voi, khi ấy đức Bồ-tát đã là con voi chúa tên Chaddanta. Khi ấy, gã thợ săn ấy đã giết chết con long tượng ấy.²⁶ Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn.

²³ Bốn sanh “Cây xoài” (*Ambajātakam*), số 474, *TTPV*, tập 32. (ND)

²⁴ Bốn sanh “Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā” (*Amarādevipaṇho*), số 122, *TTPV*, tập 32. (ND)

²⁵ Bốn sanh “Con khỉ vĩ đại” (*Mahākapijātakam*), số 516, *TTPV*, tập 33. (ND)

²⁶ Bốn sanh “Voi chúa Chaddanta” (*Chaddantajātakam*), số 514, *TTPV*, tập 33. (ND)

4. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sống ở rừng, sống không có chỗ ở, khi ấy đức Bồ-tát đã là loài chim, là con chim đa đa có sự học tập về chú thuật. Khi ấy, kẻ sống ở rừng ấy cũng đã giết chết con chim ấy. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vua xứ Kāsi tên Kalābu, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị đạo sĩ khổ hạnh giảng về sự kham nhẫn.²⁷ Khi ấy, vị vua ấy bị nổi giận, đã cho chặt đứt các bàn tay và bàn chân của vị đạo sĩ khổ hạnh ấy như là chém các chồi măng non. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi và danh vọng.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khi chúa tên Nandiya. Cũng vào khi ấy, kẻ sống ở rừng ấy đã giết chết con khi chúa ấy cùng với khi mẹ và khi em.²⁸ Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ lỗi thể tên Kārambhiya, khi ấy đức Bồ-tát đã là con rồng chúa tên Paṇḍaraka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ bện tóc ở trong rừng. Khi ấy đức Bồ-tát đã là con heo rừng lớn tên Tacchaka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là đức vua tên Suraparicara của xứ Cetī, có sự di chuyển trong không trung, ở bầu trời, phía bên trên của đám người, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị Bà-la-môn tên Kapila.²⁹ Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi và danh vọng.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, có tên là Sāma, khi ấy đức Bồ-tát đã là con nai chúa có tên Ruru. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là thợ săn sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con long tượng. Kẻ thợ săn ấy đã bảy lần cắt lấy ngà của con long tượng ấy rồi mang đi.³⁰ Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về nguồn gốc xuất thân.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài chó rừng, có tư cách của dòng dõi Sát-đế-ly, nó đã làm cho hết thảy tất cả những vị vua của các xứ sở ở Jambudīpa trở thành chư hầu, khi ấy đức Bồ-tát đã là bậc sáng trí tên Vidhura.³¹ Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là tội hơn về danh vọng.

5. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con long tượng, nó đã giết

²⁷ Bốn sanh “Vị thuyết về nhẫn nại” (*Khantivādi jātakam*), số 313, *TTPV*, tập 32. (ND)

²⁸ Bốn sanh “Con khi Cūlanandiya” (*Cūlanandiyajātakam*), số 222, *TTPV*, tập 32. (ND)

²⁹ Bốn sanh “Vua Cetiya” (*Cetiyajātakam*), số 422, *TTPV*, tập 32. (ND)

³⁰ Bốn sanh “Voi chúa giới hạnh” (*Silavanāgajātakam*), số 72, *TTPV*, tập 32. (ND)

³¹ Bốn sanh “Mọi loài thú có nanh” (*Sabbadāṭhājātakam*), số 241, *TTPV*, tập 32. (ND)

những chim con của con chim cú, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con long tượng, chúa của một bầy.³² Cho đến trường hợp ấy, cả hai đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài dạ-xoa tên Adhamma, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là loài dạ-xoa tên Dhamma.³³ Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là thuyền trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là thuyền trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình.³⁴ Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là người chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là người chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe.³⁵ Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con nai chúa tên Sākha, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con nai chúa tên Nigrodha.³⁶ Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị tướng quân tên Sākha, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vua tên Nigrodha.³⁷ Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

6. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị Bà-la-môn tên Khaṇḍahāla, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vương tử tên Canda.³⁸ Khi ấy, chính Khaṇḍahāla này là trội hơn.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Brahmadatta, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị hoàng tử tên Mahāpaduma, con trai của vị vua ấy. Khi ấy, vị vua ấy đã ra lệnh ném người con trai của mình xuống corapapāta (khe núi kẻ cướp).³⁹ “Bởi vì ở mọi nơi, chính người cha là đặc biệt, là trội hơn những người con trai”, như thế luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Mahāpatāpa, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị hoàng tử tên Dhammapāla, con trai của vị vua ấy. Khi ấy, vị vua ấy đã ra lệnh chặt các bàn tay bàn chân và đầu của người con trai của mình.⁴⁰ Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là cao hơn, trội hơn.

Vào lúc này hôm nay, cả hai cũng đã sanh vào gia tộc Sakya. Đức Bồ-tát đã

³² Bốn sanh “Chim cú” (*Laṭukikajātakam*), số 357, *TTPV*, tập 32. (ND)

³³ Bốn sanh “Thiên tử Dhamma” (*Dhammajātakam*), số 457, *TTPV*, tập 32. (ND)

³⁴ Bốn sanh “Biển cả và thương buôn” (*Samuddavaṇijajātakam*), số 466, *TTPV*, tập 32. (ND)

³⁵ Bốn sanh “Không lỗi lầm” (*Apaṇṇakajātakam*), số 1, *TTPV*, tập 32. (ND)

³⁶ Bốn sanh “Nai Nigrodha” (*Nigrodhamigajātakam*), số 12, *TTPV*, tập 32. (ND)

³⁷ Bốn sanh “Vua Nigrodha” (*Nigrodhajātakam*), số 445, *TTPV*, tập 32. (ND)

³⁸ Bốn sanh “Quan tể tự Khaṇḍahāla” (*Khaṇḍahālajātakam*), số 542, *TTPV*, tập 34. (ND)

³⁹ Bốn sanh “Hoàng tử Paduma vĩ đại” (*Mahāpadumajātakam*), số 472, *TTPV*, tập 32. (ND)

⁴⁰ Bốn sanh “Tiểu Dhammapāla” (*Culladhammapālajātakam*), số 358, *TTPV*, tập 32. (ND)

trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, vị Lãnh Đạo Thế Gian, còn Devadatta sau khi xuất gia trong giáo pháp của vị chúa của chư thiên ấy, đã làm sanh khởi thần thông và đã thể hiện ước muốn làm Phật.

Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng điều đã được trăm nói, mọi điều ấy đều là như thế ấy, hay là như thế khác?

7. – Tâu Đại vương, tất cả mọi lý do theo nhiều loại đã được Ngài dẫn giải ấy đều y như thế ấy, không phải như thế khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đen cũng như trắng là có cảnh giới tái sanh tương đương nhau, như thế thì phải chăng thiện cũng như bất thiện có quả thành tựu tương đương nhau?

– Tâu Đại vương, không phải thiện cũng như bất thiện là có quả thành tựu tương đương nhau. Tâu Đại vương, không hẳn là Devadatta đã chống đối lại tất cả mọi người, đã chống đối lại chính đức Bồ-tát. Mà sự chống đối của vị ấy đối với đức Bồ-tát được chín muồi và trở quả ngay trong mỗi một kiếp sống ấy.

Tâu Đại vương, ngay cả Devadatta khi được đặt vào ở vị thế quyền lực cũng ban bố sự bảo vệ đến các xứ sở, cũng cho xây dựng cầu cống, hội trường, phước xá, cũng dâng cúng vật thí theo như mong mỏi đến các Sa-môn và Bà-la-môn, đến những người khôn khổ và nghèo khó có sự bảo hộ hoặc không có sự bảo hộ. Do quả thành tựu của điều ấy, Devadatta đạt được các sự thành tựu trong từng kiếp sống một. Tâu Đại vương, đối với người nào mà có thể nói về điều này: “Sẽ hưởng thụ sự thành tựu mà không cần bố thí, rèn luyện, thu thúc, thực hành trai giới?”

Tâu Đại vương, hơn nữa về điều mà Đại vương nói như vậy: “Devadatta và đức Bồ-tát tuần tự luân chuyển chung với nhau”, việc gặp gỡ ấy đã xảy ra không phải với sự trải qua của trăm kiếp sống, không phải với sự trải qua của ngàn kiếp sống, không phải với sự trải qua của trăm ngàn kiếp sống, mà đôi lúc đôi khi đã xảy ra với sự trải qua của nhiều ngày đêm. Tâu Đại vương, hơn nữa về ví dụ về con rùa mù đã được đức Thế Tôn chỉ ra về [sự khó khăn trong] việc thành tựu bản thể nhân loại.⁴¹ Tâu Đại vương, hãy ghi nhận việc gặp gỡ của hai người này là [khó khăn] tương tự như thế.

Tâu Đại vương, không phải đã xảy ra sự gặp gỡ của đức Bồ-tát với riêng Devadatta, tâu Đại vương, Trưởng lão Sāriputta trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội, đã là chú, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chị [em] gái, đã là bạn bè của đức Bồ-tát. Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội, đã là chú, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chị [em] gái, đã là bạn bè của Trưởng lão Sāriputta. Tâu Đại vương, thậm chí tất cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bị cuốn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đều gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương.

⁴¹ M. III. 164, *Bālapanāḍitasuttam* (Kinh Hiền ngu), số 129.

Tâu Đại vương, giống như nước, trong khi bị cuốn trôi theo dòng thì gặp gỡ với vật sạch, dơ, đẹp, xấu, tâu Đại vương, tương tự y như thế, thậm chí tất cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bị cuốn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đều gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương.

Tâu Đại vương, Devadatta trong khi là dạ-xoa với bản thân theo phi pháp, sau khi khuyến khích những người khác theo phi pháp đã bị nung nấu ở đại địa ngục trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm.⁴² Tâu Đại vương, còn đức Bồ-tát trong khi là dạ-xoa với bản thân theo đúng pháp, sau khi khuyến khích những người khác theo đúng pháp đã vui sướng ở cõi trời, có đầy đủ tất cả các dục, trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm.

Tâu Đại vương, hơn nữa Devadatta trong kiếp sống này sau khi công kích đức Phật là bậc không nên công kích, sau khi chia rẽ hội chúng hòa hợp, đã đi vào trái đất. Đức Như Lai, sau khi được giác ngộ tất cả các pháp, rồi đã viên tịch Niết-bàn khi có sự tiêu diệt của các mầm tái sanh.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự bằng nhau của thiện và bất thiện” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ HOÀNG HẬU AMARĀ (*Amarādevīpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác.”

Và thêm nữa được thuật lại rằng: “Người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là:

“Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác”, như thế thì lời nói rằng: “Người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng” là sai trái.

Nếu người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng, như thế thì lời nói rằng: **“Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ**

⁴² 57 *koṭi* và 60 trăm ngàn năm.

kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác” cũng là sai trái.

Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác.”

Và được thuật lại rằng: “Người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng.”

Tâu Đại vương, người đàn bà ấy trong khi nhận được một ngàn đồng có thể làm hành động xấu xa với người nam vừa ý, [hay] nàng ấy có thể không làm nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý?

Tâu Đại vương, người đàn bà Amarā ấy, trong khi xem xét, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý. Nàng đã không nhìn thấy do sợ hãi về sự chê trách ở đời này, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sợ hãi về địa ngục ở đời sau, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện [vì nghĩ rằng]: “Việc xấu xa có quả thành tựu đắng cay”, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn buông bỏ người yêu, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sự kính trọng đối với chồng, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi tôn kính giáo pháp, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi đang chê trách việc không thánh thiện, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn đổ bể việc làm. Nàng đã không nhìn thấy vì nhiều lý do có hình thức như thế.

Còn về chỗ kín đáo, sau khi suy xét ở thế gian, nàng ấy trong khi không nhìn thấy nên đã không làm điều xấu xa. Nếu nàng ấy có thể đạt được chỗ kín đáo đối với loài người thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với điều phi pháp. Sau khi không đạt được chỗ kín đáo vì nhiều lý do có hình thức như thế, nàng đã không làm điều xấu xa.

Còn về kẻ mời mọc, sau khi xem xét ở thế gian, trong khi không đạt được người vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa.

3. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố. Được hội đủ với hai mươi tám yếu tố nào? Tâu Đại vương, Mahosadha là bậc anh hùng, có tâm, có quý, có tùy tùng, đạt được bạn bè, nhẫn nại, có giới hạnh, nói lời chân thật, đạt được sự thanh tịnh, không giận dữ, không ngã mạn thái quá, không ganh tỵ, có sự tinh tấn, năng nổ [làm phước thiện], hào phóng, rộng rãi, nói năng khéo léo, cư xử khiêm tốn, tế nhị, không gian trá, không xảo quyệt, đạt được sự thông minh vượt bậc, khôn khéo, đạt được kiến thức, có sự tâm cầu lợi ích cho những người nương tựa, được mọi người mong mỏi, có tài sản, có danh vọng. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố này. Nàng ấy sau khi không đạt được kẻ mời mọc nào khác vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về Hoàng hậu Amarā” là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG SỢ HÃI CỦA BẬC LẬU TẬN

(Khīṇāsavābhāyanapañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa.”** Và thêm nữa ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng các vị A-la-hán ấy đã tản mác vì sợ hãi? Hay là đã tản mác với ước muốn được chứng kiến thân thông không thể đo lường, vĩ đại, không thể sánh bằng của đức Như Lai?

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa”**, như thế thì lời nói rằng: **“Ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda”** là sai trái. Nếu ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda, như thế thì lời nói rằng: **“Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa.”** Và ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương

ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Tuy nhiên, điều ấy không do sự sợ hãi, cũng không phải do sự mong muốn để khiến cho đức Thế Tôn bị ngã gục.

Tâu Đại vương, do nhân nào các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hoặc có thể bị run rẩy, nhân ấy đã được trừ tuyệt ở các vị A-la-hán; vì thế các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa. Tâu Đại vương, vậy thì đại địa cầu có bị sợ hãi trong khi [bị] đào xới, trong khi [bị] đổ vỡ, trong khi nâng đỡ biển cả, núi non và đỉnh núi?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, nhân nào khiến cho đại địa cầu có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đại địa cầu.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhân nào khiến cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu Đại vương, vậy thì đỉnh núi có bị sợ hãi trong khi [bị] nứt nẻ, trong khi [bị] đổ vỡ, trong khi sụp xuống, hoặc trong khi [bị] đốt nóng bởi ngọn lửa?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

3. – Thưa Ngài, nhân nào khiến cho đỉnh núi có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đỉnh núi.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhân nào khiến cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu Đại vương, nếu như tất cả những ai đó được gộp vào thành phần chúng sanh ở trăm ngàn thế giới, với bàn tay cầm gươm, đuổi theo và dọa dẫm một vị A-la-hán, thì cũng không có bất cứ điều gì đổi khác ở tâm của vị A-la-hán. Vì lý do gì? Bởi vì sự không thực tế và tính chất không hợp lý. Tâu Đại vương, hơn nữa các vị A-la-hán ấy đã có ý nghĩ suy tầm như vậy: “Hôm nay, khi bậc cao quý và ưu tú của loài người, đáng Chiến Thắng anh hùng cao quý, đã tiến vào thành phố cao quý ở trên con đường thì con voi Dhanapālakaka sẽ lao đến. Điều không nghi ngờ là vị thị giả sẽ không rời bỏ vị chúa của chư thiên. Nếu tất cả chúng ta sẽ không rời bỏ đức Thế Tôn thì đức tính của Ānanda sẽ không được thể hiện, và chủ yếu là con long tượng sẽ không tự tiến đến gần đức Như Lai. Vậy chúng ta hãy tránh ra xa. Điều này là như vậy, sẽ có sự giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não cho đám đông người, và đức tính của Ānanda sẽ được thể hiện.” Như vậy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, các vị A-la-hán ấy đã tản mác khắp các phương.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi đã khéo được phân giải. Điều ấy là như vậy, không có sự sợ hãi hoặc sự run rẩy đối với các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán ấy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, đã tản mác khắp các phương.

“Câu hỏi về sự không sợ hãi của bậc lậu tận” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI (*Tathāgatasabbaññutāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: “Đức Như Lai là đấng Toàn Tri.” Và thêm nữa, Ngài nói rằng: “**Khi hội chúng Tỳ-khưu đứng đầu là Sāriputta và Moggallāna bị đức Như Lai giải tán, các vị dòng Sakya ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã nhắc đến ví dụ về hạt giống và ví dụ về con bê nhỏ khiến cho đức Thế Tôn tin tưởng, tha thứ và đã tỏ vẻ hài lòng.**”

Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Như Lai đã được thích thú, tha thứ, an tịnh và đã tỏ vẻ hài lòng? Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, như thế thì đức Phật không là đấng Toàn Tri. Nếu biết, như thế thì Ngài đã ép buộc dời đi, đã giải tán, không có ý định tìm hiểu, như thế thì lòng thương xót không hiện hữu ở Ngài. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Toàn Tri. Và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Thế Tôn đã tin tưởng, thích thú, tha thứ, an tịnh và đã tỏ vẻ hài lòng. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Pháp Chủ. Nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!”

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn bà nhờ vào tài sản của chính mình dành cho người chồng mà làm cho chồng được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và người chồng nói với cô ấy lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakya ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!”

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thợ cạo, trong lúc trang điểm cái đầu của đức vua, nhờ vào cái lược vàng của chính mình dành cho đức vua mà làm cho đức vua được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, đức vua nói lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!”, rồi ban thưởng theo như ước muốn. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakya ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!”

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đệ tử sau khi nhận lấy đồ ăn khát thực đã được mang lại cho thầy tế độ, trong khi dâng lên cho thầy tế độ mà làm cho thầy tế độ được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, thầy tế độ nói lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakya ở tại

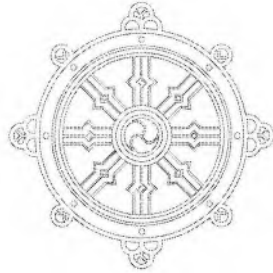
Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai sau khi nói lời tùy hỷ rằng: “Tốt lắm!”, rồi đã thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự hoàn toàn giải thoát mọi khổ đau.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Như Lai” là thứ mười.

Phẩm về trí toàn tri là thứ tư.

(Trong phẩm này có mười câu hỏi)



V. PHẨM THÂN THIẾT (*SANTHAVAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ SỰ THÂN THIẾT (*Santhavapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.”⁴³

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy.”⁴⁴**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết”, như thế thì lời nói rằng: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy” là sai trái.

Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy”, như thế thì lời nói rằng: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tàu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.”**

Và Ngài đã nói rằng: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy.”

Tàu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói là: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết”, điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói không thay đổi, [điều ấy] tương xứng với Sa-môn, thích hợp với Sa-môn, thích đáng với Sa-môn, xứng đáng với Sa-môn, [việc ấy] là hành xử của Sa-môn, là cách thức của Sa-môn, là pháp hành của Sa-môn.

Tàu Đại vương, giống như con nai là loài thú rừng, trong khi lang thang ở

⁴³ *Suttanipāṭapāli* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 65, câu kệ 209.

⁴⁴ *Tạng Luật*, tập 2, *Tiểu phẩm*, TTPV, tập 7, trang 133.

rừng cây, rừng rậm, không chỗ ngụ, không nhà ở, thì ngụ [nơi nào] theo như ý thích, tâu Đại vương, tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu nên suy tư rằng: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.”

3. Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy”, điều ấy đã được đức Thế Tôn nói trong khi xem xét về hai lợi ích. Hai điều nào? Việc gọi là bố thí trú xá được tất cả chư Phật ngợi khen, đồng ý, tán dương, ca tụng rằng: “Những người ấy sau khi dâng cúng vật thí về trú xá ấy thì sẽ hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, chết.” Đây là lợi ích thứ nhất trong việc bố thí trú xá.

Còn có điều khác nữa, trong khi trú xá được hiện hữu thì các Tỳ-khưu-ni sẽ có được nơi gặp gỡ các vị [Tỳ-khưu] có kinh nghiệm, đối với những người có ước muốn tiếp kiến thì việc tiếp kiến sẽ là việc dễ dàng đạt được, việc khó tiếp kiến sẽ xảy ra khi không có trú xứ. Đây là lợi ích thứ nhì trong việc bố thí trú xá. Trong khi xem xét về hai lợi ích này, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy.” Trong trường hợp ấy, người con trai của đức Phật không nên biến chỗ ngụ thành nhà ở.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự thân thiết” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HẠN CHẾ BAO TỬ (*Udarasamyatapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử.”**

Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử”, như thế thì lời nói rằng: “Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa” là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa”, như thế thì lời nói rằng: “Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử.” Và Ngài đã nói rằng: “Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa.”

Tâu Đại vương, điều mà đức Thế Tôn đã nói là: “Không nên xao lãng trong

việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử”, điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói đầy đủ, là lời nói không thay đổi, là lời nói về sự thật, là lời nói đúng sự thật, là lời nói chính xác, là lời nói không sai quấy, là lời nói của bậc Ẩn Sĩ, là lời nói của bậc Hiền Triết, là lời nói của đức Thế Tôn, là lời nói của vị A-la-hán, là lời nói của vị Phật Độc Giác, là lời nói của đấng Chiến Thắng, là lời nói của đấng Toàn Tri, là lời nói của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác.

Tâu Đại vương, người không hạn chế ở bao tử giết hại mạng sống, lấy vật không cho, đi đến vợ người khác, nói lời dối trá, uống chất say, đoạt mạng sống của mẹ, đoạt mạng sống của cha, đoạt mạng sống của vị A-la-hán, chia rẽ hội chúng, làm chảy máu đức Như Lai với tâm ác xấu. Tâu Đại vương, chẳng phải Devadatta, kẻ không hạn chế ở bao tử, đã chia rẽ hội chúng và đã gây nên nghiệp kéo dài một kiếp (trái đất). Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử.”

3. Tâu Đại vương, người hạn chế ở bao tử lãnh hội được sự lãnh hội về bốn sự thật, chứng ngộ bốn quả vị Sa-môn, đạt được bản thể năng lực về bốn tuệ phân tích, về tám thiền chứng, về sáu thắng trí, và làm tròn đủ toàn bộ phận sự của Sa-môn. Tâu Đại vương, chẳng phải con bò câu xinh, sau khi hạn chế ở bao tử, đã làm rung động đến tận cung trời Đạo-lợi và đã khiến cho Sakka, chúa của chư thiên, phải đi đến chăm sóc.⁴⁵ Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử.”

Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: “Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa”, điều ấy đã được đấng Toàn Tri, bậc Tự Chủ, đức Như Lai, vị có phận sự đã làm xong, có công việc đã hoàn thành, có mục đích đã được thành tựu, có nhiệm vụ đã hoàn mãn, không còn chướng ngại, nói về bản thân Ngài.

Tâu Đại vương, giống như đối với người bị bệnh cần được ới ra, cần được xỏ, cần phải thải độc, thì công việc chăm sóc là cần thiết, tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với người còn phiền não chưa thấy được sự thật thì việc hạn chế ở bao tử là việc nên làm. Tâu Đại vương, giống như đối với viên ngọc quý ma-ni có hào quang, nguyên chất, có phẩm chất cao và hoàn toàn tinh khiết thì không có việc cần phải chùi mài, chà xát, đánh bóng. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với đức Như Lai, vị đã đi đến sự toàn hảo trong cương vị của một bậc Giác Ngộ, thì không có sự trở ngại trong các hành động và việc làm.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc hạn chế bao tử” là thứ nhì.

⁴⁵ Bốn sanh “Chim két lớn”, số 429 và Bốn sanh “Chim két nhỏ”, số 430, TTPV, tập 32. (ND)

3. CÂU HỎI VỀ SỰ ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THẾ TÔN (*Bhagavato appābādhapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bồ thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng.”** Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khuru đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula.”** Và bệnh tật được nhìn thấy đã nhiều lần sanh khởi ở cơ thể của đức Thế Tôn.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai là vô thượng, như thế thì lời nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khuru đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula”** là sai trái. Nếu Trưởng lão Bakkula là đứng đầu trong số các vị ít có bệnh tật, như thế thì lời nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bồ thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bồ thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng.”** Và Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khuru đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula.”** Tuy nhiên, điều ấy được nói có liên quan đến tình trạng đang có ở bản thân đối với sự chứng đắc và việc học tập ở bên ngoài [của Tam tạng].

Tâu Đại vương, hơn nữa có những vị đệ tử của đức Thế Tôn là các vị chuyên đứng và đi kinh hành. Các vị ấy trải qua ngày đêm với việc đứng và đi kinh hành. Tâu Đại vương, trái lại đức Thế Tôn trải qua ngày và đêm với việc đứng, đi kinh hành, ngồi và nằm. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khuru nào chuyên đứng và đi kinh hành, những vị ấy là vượt trội về chi phần ấy.

Tâu Đại vương, hơn nữa có những vị đệ tử của đức Thế Tôn là các vị thọ thực chỉ một chỗ ngồi. Các vị ấy cho dù vì nguyên nhân mạng sống, cũng không thọ dụng hai bữa ăn. Tâu Đại vương, trái lại đức Thế Tôn thọ dụng vật thực thậm chí đến lần thứ nhì luôn cả đến lần thứ ba. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khuru nào chỉ thọ thực một chỗ ngồi, những vị ấy là vượt trội về chi phần ấy. Tâu Đại vương, những việc làm ấy với nhiều hình thức được nói đến có liên quan đến việc này việc nọ của những vị này vị khác. Tâu Đại vương, tuy nhiên đức Thế Tôn là vượt trội về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, về mười lực, về bốn pháp tự tín, về mười tám pháp của vị Phật, về sáu trí không phổ thông [đến các vị Thánh văn]. Và điều ấy đã được nói đến có liên quan đến toàn bộ cương vị của một bậc Giác Ngộ là: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bồ thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng.”**

3. Tâu Đại vương, nơi đây ở giữa loài người: Một người là có dòng dõi, một người có tài sản, một người có kiến thức, một người có tài nghệ, một người là anh hùng, một người có sự cảnh giác, sau khi vượt trội tất cả những người này, chính đức vua là tối thượng trong số những người ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Thế Tôn là vị đứng đầu, cao cả, tối thượng trong số tất cả các chúng sanh.

Trái lại, về việc Đại đức Bakkula đã là người ít có bệnh tật, việc ấy là do năng lực của sự ước nguyện. Tâu Đại vương, bởi vì khi bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn Anomadassī đã sanh khởi, và khi bệnh hoa cỏ [dị ứng?] của đức Thế Tôn Vipassī và sáu mươi tám ngàn vị Tỳ-khuru đã sanh khởi, vị ấy trong khi bản thân là đạo sĩ khổ hạnh, đã xua đi cơn bệnh ấy bằng vô số thuốc men khác loại nên đã đạt được trạng thái ít bệnh tật. Và điều đã được nói là: “Này các Tỳ-khuru, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khuru đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula.”

Tâu Đại vương, trong khi căn bệnh của đức Thế Tôn đang sanh lên cũng như đang tiếp diễn, trong khi Ngài đang duy trì cũng như không duy trì pháp từ khước, không có bất cứ chúng sanh nào sánh bằng đức Thế Tôn. Điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở đoạn *Varalañchaka* (*Dấu ấn cao quý*) thuộc *Samyuttanikāya* (*Tương ưng bộ*) rằng: “Này các Tỳ-khuru, cho đến các hàng chúng sanh không chân, hoặc hai chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc hữu hình, hoặc vô hình, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, trong số các hạng ấy đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đăng Giác được gọi là hạng nhất.”

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự ít bệnh của đức Thế Tôn” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO LỘ CHƯA ĐƯỢC SANH KHỞI (*Anuppannamagguppādakapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đăng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đăng Giác trước đây đi theo.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đăng Giác trước đây đi theo” là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đăng Giác trước đây đi theo”, như thế thì lời nói rằng: “Đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.”** Và Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo.”** Cả hai điều ấy đều là lời nói về bản thể.

Tâu Đại vương, với sự biến mất của các đức Như Lai trước đây, trong khi không có người chỉ dạy, đạo lộ đã biến mất. Đức Như Lai ấy, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn ấy, đã nhìn thấy rằng đạo lộ ấy đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo.”**

Tâu Đại vương, với sự biến mất của các đức Như Lai trước đây, trong khi không có người chỉ dạy, đạo lộ đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn ấy; giờ đây đức Như Lai đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.”**

3. Tâu Đại vương, ở đây do sự biến mất của đức Chuyển Luân Vương, viên ngọc quý ma-ni ẩn tàng ở nơi đỉnh núi. Rồi do việc hành xử chính trực của đức Chuyển Luân Vương khác, nó lại hiện đến. Tâu Đại vương, phải chăng viên ngọc quý ma-ni ấy là được tạo ra cho vị ấy?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, viên ngọc quý ma-ni vốn là vật hiển nhiên, tuy nhiên do vị ấy mà nó lại hiện ra.

– Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đạo lộ an toàn có tám chi phần đã được thực hành bởi các đức Như Lai trước đây vốn là hiển nhiên trong khi không có người chỉ dạy, thì đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn; đức Thế Tôn trong khi quán sát bằng tuệ nhãn đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.”**

Tâu Đại vương, hoặc là giống như với việc sanh ra đứa con trai qua đường tử cung và đứa con đang hiện hữu thì người mẹ được gọi là “sanh mẫu”. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.”**

4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam nào đó nhìn thấy vật gì đó đã bị thất lạc, thì người ta đồn đãi rằng: **“Nhờ người ấy mà vật ấy được xuất hiện.”** Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về

đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.”

Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam nào đó dọn sạch mảnh rừng rồi ban ra thành đất bằng, thì người ta đồn đãi rằng: “Mảnh đất ấy là của người ấy.” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: “Này các Tỳ-khuru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.”

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ LOMASAKASSAPA (*Lomasakassapapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Trong khi là vị ẩn sĩ tên Lomasakassapa đã giết chết hàng trăm mạng sống và đã hiến cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya*.”**⁴⁶

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh”, như thế thì lời nói rằng: “Đại lễ tế thần *Vājapeyya* đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống” là sai trái. Nếu đại lễ tế thần *Vājapeyya* đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống, như thế thì lời nói rằng: “Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh.” Và đại lễ tế thần *Vājapeyya* đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống. Tuy nhiên, việc ấy là do tác động của ái luyến, không có sự suy nghĩ, không có sự cố ý.

– Thưa Ngài Nāgasena, tám hạng người này giết hại mạng sống. Tám hạng nào? Hạng luyến ái giết hại mạng sống do tác động của luyến ái, hạng xấu xa giết hại mạng sống do tác động của sân, hạng mê mờ giết hại mạng sống do tác

⁴⁶ Bốn sanh “Ẩn sĩ Lomasakassapa” (*Lomasakassapajātakaṃ*), số 433, TTPV, tập 32. (ND)

động của si, hạng ngã mạn giết hại mạng sống do tác động của ngã mạn, hạng tham lam giết hại mạng sống do tác động của tham, hạng không có gì giết hại mạng sống vì mục đích nuôi mạng, hạng ngu dốt giết hại mạng sống do tác động của sự đù giỡn, đức vua giết hại mạng sống do tác động của kỷ cương. Thưa Ngài Nāgasena, đây là tám hạng người giết hại mạng sống. Thưa Ngài Nāgasena, có phải việc đã làm bởi đức Bồ-tát có tính chất tự nhiên?

– Tâu Đại vương, việc đã làm bởi đức Bồ-tát không phải có tính chất tự nhiên. Tâu Đại vương, nếu đức Bồ-tát hạ thấp [phẩm cách] để hiển cúng đại lễ tế thần vì bản tánh tự nhiên thì không nói lên lời kệ này:

“Ta không mong muốn vùng đất có sự bao quanh của biển cả, có biển là vòng đai, cùng với lời phỉ báng. Nay Sayha, người hãy nhận biết như vậy.”⁴⁷

3. Tâu Đại vương, với lời nói như vậy, đức Bồ-tát do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiển cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya* với sự tích lũy to lớn không lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết.

Tâu Đại vương, giống như kẻ bị điên có tâm bị tán loạn, bước lên ngọn lửa đã được đốt cháy, nắm bắt con rắn độc đã bị lên cơn giận, cưỡi lên con voi đã bị nổi điên, lao vào biển cả không nhìn thấy bến bờ, giẫm đạp vào vũng nước luôn cả hổ phân, leo lên hàng rào gai, lao vào vực thẳm, ăn vật dơ, thậm chí lỡ lộ đi ở đường phố, [hoặc] làm nhiều công việc không xứng đáng khác nữa. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Bồ-tát do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiển cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya* với sự tích lũy to lớn không lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết.

Tâu Đại vương, việc xấu xa đã được làm bởi kẻ có tâm bị tán loạn trong thời hiện tại không phải là có tội lỗi nghiêm trọng, và tương tự y như thế cũng không có quả thành tựu ở thời vị lai. Tâu Đại vương, ở đây một kẻ điên khùng nào đó phạm vào tội đáng chết thì Ngài sẽ giáng xuống kẻ đó hình phạt gì?

4. – Thưa Ngài Nāgasena, sẽ là hình phạt gì đối với kẻ điên khùng? Chúng tôi cho người đánh đập rồi bảo đuổi kẻ ấy đi; chính điều ấy là hình phạt đối với kẻ ấy.

– Tâu Đại vương, như thế cũng không có hình phạt trong việc phạm tội của kẻ điên khùng. Vì thế, trong việc đã làm của kẻ điên khùng thì không có sự sai trái, có thể tha thứ. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, vị ẩn sĩ Lomasakassapa do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy

⁴⁷ *Bổn sanh* “Quan đại thần Sayha” (*Sayhajātakaṃ*), số 310, *TTPV*, tập 32. (ND)

ngĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, đã đi ra ngoài sự kiềm chế, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiến cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya* với sự tích lũy to lớn không lồ về lượng máu từ căn cổ của những con thú bị giết. Hơn nữa, đến khi đã có tâm trở lại bình thường, có trí nhớ đã được hồi phục, khi ấy [Lomasakassapa] sau khi xuất gia trở lại lần nữa, đã làm sanh khởi năm thắng trí và đã đi đến cõi Phạm thiên.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về Lomasakassapa” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ CHADDANTA VÀ JOTIPĀLA (*Chaddantajotipālapanho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta:⁴⁸ **“Trong khi siết chặt [ngĩ rằng]: Ta có thể hủy diệt gã này, con voi đã nhìn thấy tám y ca-sa, biểu tượng của các vị ẩn sĩ. Con thú bị hành hạ đau khổ đã có ý tưởng sanh khởi rằng: Biểu tượng của các vị A-la-hán là cao quý, là hình bóng không thể bị hủy diệt.”**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Trong khi là người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla thì đã sỉ vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.”**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Bồ-tát trong khi là loài thú đã tôn kính tám y ca-sa, như thế thì lời nói rằng: “Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi” là sai trái. Nếu đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi, như thế thì lời nói rằng: “Y ca-sa đã được tôn kính bởi voi chúa Chaddanta” cũng là sai trái. Nếu đức Bồ-tát, lúc là loài thú, đang chịu đựng cảm thọ thô thiển, nhức nhối, đau đớn, cũng đã tôn kính tám y ca-sa được kẻ thợ săn khoác lên, tại sao trong khi là loài người, có trí tuệ đã chín muồi, có sự hiểu biết đã chín muồi, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đáng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Gian Kassapa vô cùng nổi bật, có hào quang một dải tay rực sáng, bậc cao quý tối thượng đang khoác lên tám y ca-sa vải xứ Kāsi cao quý và ưng ý thì đã không tôn kính? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta: **“Trong khi là người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla thì đã sỉ**

⁴⁸ Bốn sanh “Voi chúa Chaddanta” (*Chaddantajātakaṃ*), số 514, TTPV, tập 33. (ND)

vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.”

Và đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi. Tuy nhiên, điều đó là do tác động của dòng dõi, do tác động của gia tộc. Tàu Đại vương, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín. Cha mẹ, anh chị em, những người tôi trai, tớ gái, kẻ hầu và tùy tùng của anh ta là những người thờ phụng đáng Brahmā, kính trọng đáng Brahmā. Họ [nghĩ rằng]: “Chỉ có các vị Bà-la-môn là tối thượng, cao quý, rồi chê trách, nhờm gớm các vị xuất gia còn lại.” Thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã nghe điều ấy từ những người ấy, nên khi được người thợ làm đồ gốm Ghaṭṭikāra mời mọc về việc diện kiến đáng Đạo Sư đã nói như vậy: “Cái gì với việc diện kiến vị Sa-môn nhỏ nhoi trọc đầu của người?”

Tàu Đại vương, giống như thuốc trường sanh sau khi đặt gần thuốc độc thì trở nên đắng. Và giống như nước mát sau khi để gần ngọn lửa thì trở nên nóng. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín; anh ta sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai.

Tàu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã được đốt lên phát cháy, có ánh sáng, sau khi gặp nước thì trở nên có màu đen, mát lạnh, ánh sáng và sức nóng bị mất đi, tựa như trái cây niggunḍi đã được chín muối. Tàu Đại vương, tương tự y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla có phước đức, có đức tin, có sự sáng láng bao la của trí tuệ, sau khi đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín; anh ta, sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai, và sau khi đi đến gần và đã biết được ân đức của Phật thì đã trở thành như là người hầu, và sau khi xuất gia trong giáo pháp của đáng Chiến Thắng, đã làm sanh khởi các thắng trí và các thiền chứng, rồi đã đi đến cõi Phạm thiên.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về Chaddanta và Jotipāla” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ GHAṬṬIKĀRA (*Ghaṭṭikārapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Căn nhà của người thợ gốm Ghaṭṭikāra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mưa.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột.”** Thưa Ngài Nāgasena, tại sao cốc liêu của đức Như Lai Kassapa, bậc Có Thiện Căn Đầy Đủ như thế lại bị mưa dột? Oai lực ấy của đức Như Lai là điều đáng được ao ước. Thưa Ngài Nāgasena, nếu căn nhà của người thợ gốm Ghaṭṭikāra có mái che là bầu trời đã

không có mưa dột, như thế thì lời nói rằng: “Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột” là sai trái. Nếu cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột, như thế thì lời nói rằng: “Căn nhà của người thợ gốm Ghaṭṭikāra có mái che là bầu trời đã không có mưa dột” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Căn nhà của người thợ gốm Ghaṭṭikāra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mưa.” Và Ngài đã nói rằng: “Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột.” Tâu Đại vương, người thợ gốm Ghaṭṭikāra là người có giới hạnh, có thiện pháp, có thiện căn đầy đủ, đang nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa già yếu. [Các Tỷ-khuru] không có mặt của vị ấy, còn chưa có hỏi ý, đã lấy đi cỏ [lợp mái] ở nhà của vị ấy rồi che mái cho cốc liêu của đức Thế Tôn. Vị ấy, với việc lấy đi cỏ [lợp mái] ấy, đã đạt được niềm vui không bị lay chuyển, không bị dao động, khéo được ổn định, bao la, không thể sánh bằng, và còn làm sanh lên tâm hoan hỷ không thể ước lượng hơn thế nữa: “Ôi, quả nhiên đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Ở Thế Gian đã vô cùng tin tưởng ở ta!” Do việc ấy, quả thành tựu hiện tiền đã sanh lên cho vị ấy. Tâu Đại vương, bởi vì đức Như Lai không bị dao động vì chùng ấy sự xáo trộn.

Tâu Đại vương, giống như núi chúa Sineru cũng không rung động, không dao động bởi sự dồn dập của hàng trăm ngàn cơn gió; đại dương, biển cả cao quý và ưu tú, cũng không tràn đầy, không đi đến sự xáo trộn vì hàng trăm vạn trăm ngàn con sóng lớn. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai không bị dao động vì chùng ấy sự xáo trộn.

Tâu Đại vương, hơn nữa về việc cốc liêu của đức Như Lai bị mưa dột, việc ấy là vì lòng thương tưởng đối với số đông nhân loại. Tâu Đại vương, trong khi xem xét hai điều lợi ích này, các đức Như Lai không sử dụng vật thiết yếu được tự mình hóa hiện ra: Chư thiên và nhân loại [nghĩ rằng]: “Bậc Đạo Sư này là bậc đáng cúng dường hạng nhất” sẽ dâng cúng vật thiết yếu đến đức Thế Tôn và sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi mọi cảnh giới khổ đau. Chớ để những kẻ khác trách móc rằng: “Những vị này phô diễn điều kỳ diệu và tầm cầu sinh kế.” Trong khi xem xét hai điều lợi ích này, các đức Như Lai không sử dụng vật thiết yếu được tự mình hóa hiện ra.

Tâu Đại vương, nếu [Chúa trời] Sakka hoặc đấng Brahmā, hoặc tự thân [đức Thế Tôn] làm cho cốc liêu ấy hết mưa dột thì có thể có điều đáng nói; chính việc làm ấy là có sự sai trái, có sự khiển trách rằng: “Những người này gây ra chuyện rồi mê hoặc thế gian, làm việc có tính chất dư thừa.” Do đó, việc làm ấy là đáng bị chê trách. Tâu Đại vương, các đức Như Lai không cầu xin vật chất. Do việc không cầu xin vật chất ấy, các Ngài không đáng bị quở trách.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về Ghaṭṭikāra” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA (*Brāhmaṇarājavadapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Ta là đức Vua Sela.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin”**, như thế thì lời nói rằng: **“Ta là đức Vua Sela”** là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **“Ta là đức Vua Sela”**, như thế thì lời nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin”** cũng là sai trái. Bởi vì chỉ có thể hoặc là Sát-đế-ly hoặc là Bà-la-môn, nghĩa là không thể có hai giai cấp cho một lần sanh ra. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Ta là đức Vua Sela.”** Ở đây có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì lý do ấy là gì, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua?

– Tâu Đại vương, tất cả các ác bất thiện pháp của đức Như Lai đã được lánh xa, đã được dứt bỏ, đã được xa lìa, đã được dứt lìa, đã được chặt đứt, đã đi đến sự cạn kiệt, đã được diệt tắt, đã được an tịnh, vì thế đức Như Lai được gọi là **“Bà-là-môn”**.

Bà-là-môn nghĩa là đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là **“Bà-là-môn”**.

Bà-là-môn nghĩa là đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bị dính lứu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bị dính lứu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là **“Bà-là-môn”**.

3. Bà-là-môn nghĩa là có nhiều sự an trú cao cả, tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng có nhiều sự an trú cao cả, tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là **“Bà-là-môn”**.

Bà-là-môn nghĩa là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiểm chế. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiểm chế. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là **“Bà-là-môn”**.

Bà-là-môn nghĩa là vị có sự tham thiên về thiên, có sự trú vào lạc bao la. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị có sự tham thiên về thiên, có sự trú vào lạc bao la. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Bà-là-môn”.

Bà-là-môn nghĩa là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Bà-là-môn”.

Tâu Đại vương, tên gọi “Bà-là-môn” này của đức Thế Tôn không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh trai tạo ra, không do chị gái tạo ra, không do các bạn bè thân hữu tạo ra, không do các thân quyến cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn và Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Tên gọi này của chư Phật Thế Tôn liên quan đến mốc cuối cùng của sự giải thoát, cùng với sự đạt được trí toàn tri sau khi tiêu diệt đạo binh của Ma vương ở ngay dưới cội cây Bồ-đề, sau khi lánh xa các ác bất thiện pháp thuộc quá khứ, hiện tại và vị lai, là sự xác định thực tế về việc đã đạt được, đã được hiển lộ, đã được sanh khởi, tức là “Bà-là-môn”. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Bà-là-môn”.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì với lý do gì đức Như Lai được gọi là “Vua”?

– Tâu Đại vương, vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc, chỉ dạy thế gian. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng cai trị vương quốc bằng giáo pháp ở mười ngàn thế giới, chỉ dạy thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến loài người luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”.

Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi chế ngự toàn bộ dân chúng loài người, trong khi làm hoan hỷ tập thể thân quyến, trong khi gây sầu muộn cho tập thể kẻ thù, rồi cho giương lên chiếc lọng che màu trắng tinh khiết là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cầm bằng lõi cây cứng chắc, được trang hoàng với một trăm thanh nan không thiếu sót. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi gây sầu muộn cho đội binh của Ma vương có sự thực hành sai trái, trong khi làm hoan hỷ chư thiên và nhân loại có sự thực hành đúng đắn, cũng cho giương lên ở mười ngàn thế giới chiếc lọng che màu trắng tinh khiết của sự giải thoát cao cả quý báu, là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cầm bằng lõi cây cứng chắc là sự nhẫn nại, được trang hoàng với một trăm thanh nan trí tuệ cao quý. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”.

Tâu Đại vương, vua nghĩa là vị đáng được đánh lễ bởi số đông dân chúng đã đi đến và gặp gỡ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị đáng được đánh lễ bởi số đông chư thiên và nhân loại đã đi đến và gặp gỡ. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”.

Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với người nào có sự ra sức thì tin tưởng, ban cho ân huệ đã chọn lựa, và làm thỏa mãn theo như ước muốn. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đối với người nào có sự ra sức về thân, về khẩu, về ý, thì

cũng tin tưởng, ban cho ân huệ vô thượng đã chọn lựa là sự giải thoát hoàn toàn mọi sự khổ đau, và làm thỏa mãn trọn vẹn ân huệ theo như ước muốn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”.

Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với kẻ chống lại mệnh lệnh thì quở trách, loại trừ, tiêu diệt. Tâu Đại vương, trong giáo pháp cao quý của đức Thế Tôn, kẻ vô liêm sỉ vượt qua sự quy định cũng bị chê bai, khinh miệt, khiển trách vì tình trạng yếu hèn và bị loại ra khỏi giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”.

Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các vị vua chính trực trước đây, trong khi cai quản vương quốc một cách chính trực thì trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với dân chúng và loài người, rồi duy trì dòng dõi hoàng tộc lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của sự chính trực. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn sau khi cũng giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các đấng Tự Chủ trước đây, trong khi chỉ dạy thế gian đúng theo pháp thì sẽ trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với chư thiên và nhân loại, rồi chuyển vận giáo pháp lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của Pháp bảo. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”.

Tâu Đại vương, như vậy lý do có nhiều loại, mà với lý do ấy đức Như Lai có thể vừa là Bà-la-môn có thể vừa là vua. Vị Tỳ-khưu vô cùng khôn khéo cũng không có thể thành tựu được việc ấy cho dầu là một kiếp. Có ích gì với việc nói quá nhiều, điều khái quát nên được chấp nhận.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về lời nói là Bà-la-môn và là vua” là thứ tám.

9. CÂU HỎI GIẢNG VỀ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGÀ CÁC BÀI KỆ (*Gāthābhigītābhojanakathāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Nay Bà-la-môn, đối với những vị đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Nay Bà-la-môn, việc ấy là cách hành xử khi giáo pháp hiện hữu.”

Và thêm nữa, đức Thế Tôn trong khi thuyết giảng giáo pháp có phương pháp, trong khi giảng giải theo thứ lớp, trước tiên hết giảng giải bài thuyết về bố thí, kế đến là bài thuyết về giới. Sau khi lắng nghe lời giảng giải của đức Thế Tôn ấy, vị Chúa Tể Của Tất Cả Các Thế Giới, chư thiên và nhân loại chuẩn bị và dâng cúng vật thí. Vật thí ấy đã được gọi đến cho Ngài và các đệ tử thọ dụng.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng”, như thế thì lời nói rằng: “Đức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên” là sai trái. Nếu

Ngài giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên, như thế thì lời nói rằng: “[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng” cũng là sai trái. Vì lý do gì? Thưa Ngài, vị nào đó là bậc xứng đáng cúng dường, giảng giải cho hàng tại gia bài thuyết về quả thành tựu của việc bố thí vật thực, sau khi lắng nghe bài giảng về giáo pháp của vị ấy, họ có tâm tịnh tín rồi liên tục dâng cúng vật thí. Các vị nào thọ dụng vật thí ấy, tất cả các vị ấy thọ dụng [vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khôn khéo, thâm sâu, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Nay Bà-la-môn, đối với những vị đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Nay Bà-la-môn, việc ấy là cách hành xử khi giáo pháp hiện hữu.”

Và đức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên. Hơn nữa, điều ấy là việc làm của tất cả các đức Như Lai, trước hết bằng bài thuyết về bố thí, các Ngài làm cho tâm [người nghe] được thích thú vào việc ấy, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới. Tâu Đại vương, giống như đối với những đứa trẻ còn nhỏ, người ta trước tiên hết cho chúng những món đồ chơi như là móc câu, gậy ngắn, cối xay, vật đóng đo, xe kéo, cây cung, sau đó gắn bó chúng theo hành động của mỗi đứa. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai trước tiên hết làm cho tâm [người nghe] được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc đối với những người bệnh, trước tiên hết cho uống dầu bốn năm ngày để tạo ra sức mạnh để làm cho mềm, sau đó cho thuốc xỏ. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai trước hết làm cho tâm được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho gắn bó vào giới.

Tâu Đại vương, tâm của những người bố thí, của những thí chủ là nhu thuận, dịu dàng, mềm mại. Nhờ cây cầu và đường đi của việc bố thí ấy, những người ấy tiến đến gần bờ bên kia của biển cả luân hồi nhờ vào con thuyền của sự bố thí. Do đó, đối với những người ấy trước hết Ngài chỉ dạy về nền tảng của nghiệp, nhưng không vì điều ấy mà phạm vào sự yêu cầu.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là “yêu cầu”, vậy thì các sự yêu cầu ấy có bao nhiêu loại?

4. – Tâu Đại vương, đây là hai sự yêu cầu: Yêu cầu bằng thân và yêu cầu bằng khẩu. Trong trường hợp ấy, có sự yêu cầu bằng thân là có tội, có sự yêu cầu bằng thân là không có tội; có sự yêu cầu bằng khẩu là có tội, có sự yêu cầu bằng khẩu là không có tội. Sự yêu cầu bằng thân nào là có tội? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, rồi đứng lì tại chỗ; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai,

bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, nhướng cổ, nhìn soi mói với cái nhìn của loài công [nghĩ rằng]: “Như vậy thì những người này sẽ nhìn thấy.” Và do việc ấy, những người ấy nhìn thấy; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó yêu cầu bằng quai hàm, hoặc bằng lông mày, hoặc bằng ngón cái; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

Sự yêu cầu bằng thân nào là không có tội? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, có niệm, được định tĩnh, có sự tỉnh giác, đi đến chỗ đứng cũng như ở nơi không phải chỗ đứng theo lời chỉ dạy, rồi đứng tại chỗ, ở những người có ý định bỏ thí thì đứng [chờ], ở những người không có ý định bỏ thí thì bước đi; đây là sự yêu cầu bằng thân không có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là “có hạnh giảm thiểu, có sự nuôi mạng trong sạch.”

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

“Các bậc có trí tuệ không cầu xin, các bậc Thánh chê trách việc cầu xin. Các bậc Thánh đứng theo quy định, việc ấy là sự cầu xin của các bậc Thánh.”

5. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là có tội? Tâu Đại vương, ở đây vị Tỳ-khưu yêu cầu các vật dụng là y, vật thực, chỗ ngụ và thuốc men chữa bệnh bằng lời nói theo nhiều cách; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó nói như vậy khiến cho những người khác nghe được: “Tôi có sự cần dùng với vật này.” Và do lời nói ấy, do việc làm cho những người khác nghe được, lợi lộc phát sanh đến vị ấy; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó thông

báo cho hội chúng với việc loan tin bằng khẩu rằng: “Nên dâng cúng vật như vậy và như vậy đến các vị Tỳ-khưu.” Và do việc ấy, những người ấy nghe theo lời nói rồi mang lại vật đã được thông báo; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

Tâu Đại vương, quả là Trưởng lão Sāriputta trong lúc bị bệnh vào ban đêm khi mặt trời đã lặn, trong khi được Trưởng lão Mahāmoggallāna hỏi về thuốc chữa bệnh, đã nói ra lời. Do việc nói ra lời ấy của vị ấy, thuốc chữa bệnh đã phát sanh. Rồi Trưởng lão Sāriputta [nghĩ rằng]: “Do việc nói ra lời của ta mà thuốc chữa bệnh này đã được phát sanh. Chớ để cho sự nuôi mạng của ta bị hư hỏng”, do sự lo âu về việc làm hư hỏng sự nuôi mạng nên đã từ chối, đã không sử dụng thuốc chữa bệnh ấy. Sự yêu cầu bằng khẩu như vậy cũng có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là “có sự nuôi mạng bị hư hỏng.”

6. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là không có tội? Tâu Đại vương, ở đây vị Tỳ-khưu khi có duyên cơ rồi yêu cầu thuốc chữa bệnh ở các gia đình đã được thỉnh cầu và ở thân quyến; đây là sự yêu cầu bằng khẩu không có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là “có hạnh giảm thiểu, có sự nuôi mạng được trong sạch”, và được cho phép bởi các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đẳng Chánh Đẳng Giác.

Tâu Đại vương, trái lại việc đức Như Lai đã từ chối bữa ăn của Bà-la-môn Kasābhāradvāja, bữa ăn ấy được phát sanh do việc gây rối, việc tháo gỡ, việc lôi kéo, việc phê bình và việc công kích. Do đó, đức Như Lai đã khước từ, đã không sử dụng phần vật thực ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải chư thiên luôn luôn rắc dưỡng chất của cõi trời vào bình bát trong lúc đức Như Lai đang thọ thực, hay là đã rắc vào ở hai món là ở món thịt lợn rừng và ở món cơm sữa ngọt mà thôi?

– Tâu Đại vương, trong lúc đức Như Lai thọ thực, chư thiên luôn luôn cầm lấy dưỡng chất của cõi trời, đứng gần bên, rồi rắc vào những nắm cơm mỗi một lúc được đưa lên [miệng]. Tâu Đại vương, giống như trong lúc đức vua đang ăn, người đầu bếp của vua cầm lấy món súp, đứng gần bên, rồi rưới súp vào mỗi một nắm cơm. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, trong lúc đức Như Lai thọ thực, chư thiên luôn luôn cầm lấy dưỡng chất của cõi trời, đứng gần bên, rồi rắc vào những nắm cơm mỗi một lúc được đưa lên [miệng].

Tâu Đại vương, thậm chí ở Verañjā trong lúc đức Như Lai đang thọ thực những hạt lúa mạch khô khan, chư thiên cũng tuần tự tắm ướt [chúng] với dưỡng chất của cõi trời rồi đem lại. Nhờ thế, cơ thể của đức Như Lai đã được bồi bổ.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là điều lợi ích đối với chư thiên ấy, là các vị đã thường xuyên, liên tục thể hiện sự nỗ lực trong việc chăm sóc thân thể của đức Như Lai. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG NỖ LỰC TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP

(Dhammadesanāya appossukabhāvaṇṇho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **“Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng.”** Và thêm nữa: **“Tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp.”**

Thưa Ngài Nāgasena, giống như viên xạ thủ hoặc các học trò của viên xạ thủ, sau khi học tập thuật bắn cung vì mục đích chiến trận trong nhiều ngày, đến khi cuộc chiến đấu lớn xảy ra thì có thể thôi lui. Thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vị Toàn tri thì Ngài đã thôi lui trong việc thuyết giảng giáo pháp.

Thưa Ngài Nāgasena, hoặc là giống như người võ sĩ đấu vật, hoặc các học trò của người võ sĩ đấu vật, sau khi học tập thuật đấu vật trong nhiều ngày, đến khi trận đấu lớn xảy ra thì có thể thôi lui. Thưa Ngài Nāgasena, tương tự y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vị Toàn tri thì Ngài đã thôi lui trong việc thuyết giảng giáo pháp.

2. Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng đức Như Lai đã thôi lui vì sợ hãi? Hay đã thôi lui vì chưa được rèn rũ? Hay đã thôi lui vì năng lực yếu kém? Hay đã thôi lui vì chưa phải phẩm vị Toàn tri? Ở đây, điều gì là lý do? Nào, xin Ngài hãy nói cho trầm lý do nhằm vượt qua nỗi nghi hoặc.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, như thế thì lời nói rằng: **“Tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp”** là sai trái. Nếu tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp, như thế thì lời nói rằng: **“Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng”** cũng là sai trái. Câu hỏi này

cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

3. – Tâu Đại vương, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, trí toàn tri đã được đức Như Lai làm cho chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng. Và tâm của vị đạt đến trí toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Và lại, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình [thì nghĩ rằng]: “[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?” và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh.

Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi đi đến gặp người bị hành hạ bởi nhiều căn bệnh, thì suy nghĩ như vậy: “Bằng cách thức gì, hoặc với phương thuốc nào thì căn bệnh của người này có thể được lắng xuống?” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy loài người bị hành hạ bởi mọi căn bệnh phiền não và tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của giáo pháp [thì nghĩ rằng]: “[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?”, và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh.

4. Tâu Đại vương, giống như đối với đức vua dòng Sát-đế-ly đã được rưới nước thơm ở đầu [làm lễ phong vương], sau khi nhìn thấy những người giữ cổng, lính gác, quân thần, thị dân, nhân công, binh lính, quan đại thần, hoàng tộc, và thuộc hạ thì có thể khởi tâm như vậy: “Trẫm sẽ hậu đãi cái gì cho những người này? Bằng cách nào?” Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình [thì nghĩ rằng]: “[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?”, và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điều này.

5. Tâu Đại vương, thêm nữa điều này là quy luật của các đức Như Lai, là việc các Ngài thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Vậy trong trường hợp ấy, điều gì là lý do? Vào lúc bấy giờ, tất cả các vị đạo sĩ khổ hạnh, du sĩ, Sa-môn, Bà-la-môn là những người thờ phụng đáng Brahmā, kính trọng đáng Brahmā, nương tựa đáng Brahmā. Do đó [nghĩ rằng]: “Với sự hạ mình của vị [Brahmā] có năng lực, có danh vọng, được biết tiếng, được nổi tiếng, hơn hẳn, được vượt trội ấy, thì thế gian luôn cả chư thiên sẽ hạ mình, sẽ tin tưởng, sẽ quy thuận [Ta].” Tâu Đại vương, và vì lý do này mà đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu.

Tâu Đại vương, giống như vị vua nào đó, hoặc quan đại thần của vị vua, hạ

mình, thể hiện sự cung kính đối với người nào, do sự hạ mình của vị ấy đối với người có năng lực trội hơn, mà số dân chúng còn lại hạ mình, thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, khi Phạm thiên hạ mình đối với các đức Như Lai thì thế gian luôn cả chư thiên sẽ hạ mình. Tâu Đại vương, thế gian tôn vinh bậc đã được tôn vinh. Do đó, vị Phạm thiên ấy thỉnh cầu tất cả các đức Như Lai về việc thuyết giảng giáo pháp. Và vì lý do ấy, các đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, việc giải thích thật là tuyệt hảo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về trạng thái không nỗ lực trong việc thuyết giảng giáo pháp của đức Thế Tôn” là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG CÓ THẦY CỦA VỊ THẦY **(Ācariyānācariyakatāpañho)**

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy. Ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta.”**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, như vậy Ālāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự tôn vinh tột bậc.”**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **“Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy”**, như thế thì lời nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, như vậy Ālāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình”** là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **“Này các Tỳ-khuru, như vậy Ālāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình”**, như thế thì lời nói rằng: **“Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy. Ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta.”

Và Ngài đã nói rằng: **“Này các Tỳ-khuru, như vậy Ālāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự tôn vinh tột bậc.”** Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói liên quan đến bản thân vị thầy của chính đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ.

Tâu Đại vương, năm vị này là những người thầy của đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Được chỉ dạy bởi những vị này, đức Bồ-tát đã trải qua ở nơi kia ở nơi nọ. Năm vị nào?

Tâu Đại vương, khi đức Bồ-tát ở giai đoạn đã được sanh ra, các vị ấy là tám vị Bà-la-môn đã xét đoán các tướng tốt, tức là các vị Rāma, Dhaja, Lakkhaṇa, Mantī, Yañña, Suyāma, Subhoja, Sudatta. Các vị ấy đã tuyên bố về điềm lành của đức Bồ-tát và đã thực hiện công việc bảo hộ; các vị ấy là những vị thầy đầu tiên.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị Bà-la-môn tên Sabbamitta được sanh ra ở nơi quý phái, cao thượng, có dòng dõi, biết về cú pháp, về văn phạm, có sáu chi phần [của kinh Vệ-đà]. Vào lúc bảy giờ, người cha của đức Bồ-tát, đức Vua Suddhodana, sau khi rước về đã rưới nước với chiếc bình vàng, rồi đã trao cho [nói rằng]: “Hãy cho đứa bé trai này học tập”; đây là vị thầy thứ nhì.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị thiên nhân đã khiến cho đức Bồ-tát chần động tâm. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, đức Bồ-tát đã bị chần động, kinh hoàng, rồi vào chính thời khắc ấy đã ra đi xuất ly và đã xuất gia; đây là vị thầy thứ ba.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là Ālāra Kālāma; đây là vị thầy thứ tư.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là Uddaka Rāmaputta; đây là vị thầy thứ năm.

Tâu Đại vương, đây là năm vị thầy của đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Tuy nhiên, các vị này là những người thầy về pháp thế gian. Tâu Đại vương, trái lại trong việc thấu triệt trí toàn tri về các pháp xuất thế gian này, thì không có vị hướng dẫn nào trội hơn đức Như Lai. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Tự Chủ, bậc không có thầy.

Bởi lý do ấy, đức Như Lai đã nói rằng:

“Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy. Ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta.”

— Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về trạng thái không có thầy của vị thầy” là thứ mười một.

Phẩm Thân thiết là thứ năm.

(Trong phẩm này có mười một câu hỏi)

CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỢI ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.